

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

**QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

Mỹ Xuyên - năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Ngày... tháng... năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH SÓC TRĂNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN

(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC BÁO CÁO

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.....	1
2. Căn cứ pháp lý lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện Mỹ Xuyên.....	3
3. Mục đích của việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm đầu.....	6
4. Yêu cầu của việc lập quy hoạch sử dụng đất.....	7
5. Nguyên tắc của việc lập quy hoạch sử dụng đất	7
PHẦN I.....	9
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	9
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	9
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	9
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	11
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.....	14
1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên.	16
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI ⁰	17
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	17
2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	17
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	21
2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.	23
2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	24
2.6. Đánh giá chung.....	27
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	29
3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn.....	29
3.2. Phân tích, đánh giá về hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất.....	30
PHẦN II.....	28
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	28
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI.....	28

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	28
1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.....	34
1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.	37
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT	38
2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.....	38
2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước.....	42
2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.	51
2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất. ...	54
III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC.....	56
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.	56
3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	67
3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.	69
IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI.....	70
4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.....	71
4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp	72
PHẦN III	76
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	76
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	76
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.	76
1.2. Quan điểm sử dụng đất.	76
1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.....	77
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	78
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội()	78
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.....	80
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng	130

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	131
3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	131
3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực	131
3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất	131
3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng	133
3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc	133
3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	134
PHẦN IV.....	135
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ QUY HOẠCH.....	135
PHẦN V	136
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	136
I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	136
1.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất.....	136
1.2. Giải pháp sử dụng đất bền vững trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu	136
1.3. Giải pháp về khoa học công nghệ.....	137
1.4. Giải pháp bảo vệ môi trường.....	137
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	139
III. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	140

3.1. Giải pháp bảo đảm quyền có việc làm của các hộ nông dân bị thu hồi đất phục vụ việc phát triển kinh tế, xã hội	140
3.2. Giải pháp về công tác quản lý	140
3.3. Giải pháp về huy động vốn và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư	142
3.4. Giải pháp về cơ chế chính sách	144
3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện.....	146
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	147
I. KẾT LUẬN.....	147
II. KIẾN NGHỊ.....	148

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	NQ	Nghị quyết
3	TT	Thông tư
4	CT	Chỉ thị
5	UBND	Ủy ban nhân dân
6	HĐND	Hội đồng nhân dân
7	QP-AN	Quốc phòng an ninh
8	KH	Kế hoạch
9	THCS	Trung học cơ sở
10	QL; CT;ĐT;ĐH	Quốc lộ; Cao tốc; Đường tỉnh; Đường huyện
11	SDĐ	Sử dụng đất
12	VLXD	Vật liệu xây dựng
13	CSHT	Cơ sở hạ tầng
14	BVTV	Bảo vệ thực vật
16	DS - KHHGD	Dân số- Kế hoạch hóa gia đình
17	NTM	Nông thôn mới

ĐẤT VÀN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Đất đai là tài nguyên hữu hạn, tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng; có ý nghĩa kinh tế, xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh đó, đất là điều kiện vật chất cần thiết để tồn tại và tái sản xuất các thế hệ tiếp nhau của loài người. Vì vậy trong sử dụng đất, thế hệ hiện tại phải có trách nhiệm duy trì và đảm bảo chất lượng đất tốt hơn cho giai đoạn tiếp theo.

Với vị trí và vai trò đặc biệt của đất đai, cần thiết phải có một chiến lược tổng thể sử dụng nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia thông qua quy hoạch sử dụng đất. Vì vậy, quy hoạch sử dụng đất đã được thể chế hóa bằng hệ thống các văn bản pháp luật. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Quy hoạch sử dụng đất là bản tổng phối của phát triển, trong đó phản ánh cụ thể các ý tưởng về tương lai của các ngành, các cấp nhíp ngành và cân đối, thông qua những trình tự hành chính và pháp lý nhất định để trở thành quy chế xã hội, mọi người đều có quyền và nghĩa vụ thực hiện. Quy hoạch sử dụng đất vừa là phương thức để phát triển vừa là công cụ để xây dựng và củng cố Nhà nước. Quy hoạch sử dụng đất là cơ cấu sử dụng đất thống nhất các biện pháp của Nhà nước (thể hiện đồng thời 3 tính chất kinh tế, kỹ thuật và pháp chế) về tổ chức sử dụng và quản lý đất đai đầy đủ, hợp lý, khoa học và có hiệu quả cao nhất đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững dựa trên 3 trụ cột kinh tế - xã hội – môi trường, thông qua việc phân bổ quỹ đất đai cho các mục đích và các ngành, tổ chức sử dụng đất như tư liệu sản xuất.

Quy hoạch sử dụng đất là quá trình hình thành các quyết định nhằm tạo điều kiện đưa đất đai vào sử dụng bền vững để mang lại lợi ích cao nhất, thực hiện đồng thời hai chức năng điều chỉnh các mối quan hệ đất đai và tổ chức sử dụng đất như tư liệu sản xuất đặc biệt với mục đích nâng cao hiệu quả sản xuất của xã hội, bảo vệ đất đai và môi trường.

Quy hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ cho trước mắt mà cả lâu dài. Căn cứ vào đặc điểm điều kiện tự nhiên, phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi vùng lãnh thổ, quy hoạch sử dụng đất được tiến hành nhằm định hướng cho các cấp, các ngành trên địa bàn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai chi tiết của mình, tạo cơ sở pháp lý để bố trí

sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan môi trường. Đặc biệt trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là yêu cầu cấp thiết với mọi cấp trên địa bàn lãnh thổ.

Trên cơ sở những quy định của Luật Đất đai có thể thấy, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là nội dung quản lý Nhà nước về đất đai vô cùng quan trọng giúp Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, điều hành và quản lý chặt chẽ quỹ đất đai trên địa bàn mình phụ trách.

Để sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từ nay đến năm 2030 là nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa then chốt, tạo cơ sở để huyện có thể chủ động quản lý và khai thác nguồn tài nguyên đất.

Thực hiện Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay quy hoạch cấp quốc gia đã được phê duyệt tại quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ “Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025”. Tính đến thời điểm hiện tại, Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc Hội “*Cho phép lập đồng thời các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh khác có quy định về quy hoạch, trong đó tập trung ưu tiên lập quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn*”. Theo đó, ngày 21 tháng 10 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản số 2425/UBND-KT về việc phân bổ tạm thời chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Nhận thấy rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với việc thúc đẩy sự phát triển đi lên một cách đồng bộ, thống nhất hài hoà giữa các mặt của địa phương. Được sự chỉ đạo của Ủy ban

nhân dân tỉnh Sóc Trăng, cùng với sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã phối hợp với các ngành chức năng tiến hành lập **“Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện Mỹ Xuyên”**.

2. Căn cứ pháp lý lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của huyện Mỹ Xuyên

2.1. Các văn bản pháp lý

- Luật Quy hoạch Đô thị - Luật số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật Đất đai – Luật số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Luật Xây dựng – Luật số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.
- Luật Đầu tư công – Luật số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.
- Luật Lâm Nghiệp – Luật số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.
- Luật Quy hoạch – Luật số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch - Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.
- Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “V/v lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện”.

2.2. Cơ sở lập quy hoạch, thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

- Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 10/2/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

- Quyết định số 1054/QĐHC-CTUBND ngày 07/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Xuyên đến năm 2020;

- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND, ngày 06/3/2017 của HĐND tỉnh Sóc Trăng, về việc thông qua dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 12/5/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng, ban hành quy định phân cấp quản lý giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 1293/TNMT-CCQLĐĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh chỉ tiêu” Điều chỉnh sử dụng đất đến năm 2020 các huyện, thị xã, thành phố;

- Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 724/STMT-CCQLĐĐ ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện;

- Công văn số 605/UBND-KT ngày 20 tháng 04 năm 2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện các nội dung liên quan đến lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030;

- Công văn số 940/STMT-CCQLĐĐ ngày 04 tháng 05 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc lập đơn đốc, hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

- Thực hiện Công văn số 1606/VPĐND&UBND ngày 26/8/2020 của Văn phòng HĐND&UBND về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Đặng Văn Phương, Chủ tịch UBND huyện giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp các ngành liên quan tham mưu UBND huyện thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện theo quy định;

- Các đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên đã được phê duyệt.

- Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Mỹ Xuyên; quy hoạch phân khu TT Mỹ Xuyên; các bản vẽ quy hoạch chi tiết đối với các công trình, dự án của huyện; các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu...

- Các tài liệu, dữ liệu, các nghiên cứu, bài viết uy tín và có nguồn gốc rõ ràng, tham khảo trên các phương tiện internet được sử dụng như tài liệu tham khảo cho các nhận định, phân tích trong Báo cáo quy hoạch.

- Công văn số 2425/UBND-KT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ tạm thời chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố.

2.3. Cơ sở điều tra thu thập thông tin số liệu, tài liệu lập kế hoạch.

- Niên giám thống kê năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên;

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội huyện Mỹ Xuyên năm 2020;

- Số liệu thống kê đất đai năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên;

- Văn kiện đại hội đảng bộ huyện Mỹ Xuyên lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Các tài liệu, số liệu, bản đồ liên quan đến đất đai.

3. Mục đích của việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm đầu

- Đánh giá đúng thực trạng và tiềm năng đất đai để có kế hoạch, phương án đầu tư sử dụng hợp lý các loại đất theo các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

- Quy hoạch sử dụng đất huyện Mỹ Xuyên làm cơ sở pháp lý quản lý nhà nước về đất đai, xác định các mục tiêu dài hạn phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với các điều kiện cụ thể của huyện. Điều hoà các mối quan hệ sử dụng đất trong phát triển xây dựng, đô thị, giao thông, thuỷ lợi và phát triển nông nghiệp; đề xuất các chỉ tiêu và phân bố sử dụng các loại đất, xác định các chỉ tiêu khống chế về đất đai đối với quy hoạch ngành và cấp xã trên phạm vi của huyện.

- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với định hướng phát triển không gian về lâu dài, đồng thời đáp ứng nhu cầu, phù hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, các phường, xã trên địa bàn huyện cụ thể đến năm 2030 và trong tương lai xa.

- Cân đối hợp lý quỹ đất đáp ứng nhu cầu của các dự án, đề án phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng theo yêu cầu mới nhằm sử dụng đất có hiệu quả, bền vững và tiết kiệm. Bố trí quỹ đất hợp lý kết hợp với việc xây dựng cơ chế chính sách về đổi đất lấy hạ tầng, đấu giá quyền sử dụng đất nhằm huy động nguồn lực từ đất cho phát triển và tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo quy hoạch phải được cân đối trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chòng chéo trong quá trình sử dụng.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Mỹ Xuyên là căn cứ cho việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

4. Yêu cầu của việc lập quy hoạch sử dụng đất

- Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên; các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường; thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; tình hình biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện phân bổ cho huyện đến năm 2030 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Xác định nhu cầu sử dụng cho các ngành, lĩnh vực đến năm 2030 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực đến năm 2030 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Xác định quy mô diện tích, vị trí dự án có sử dụng đất trong kỳ quy hoạch.

- Xác định đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện; đồng thời các dự án phải đảm bảo tính khả thi.

- Xác định cụ thể, đảm bảo tính khả thi các vùng phụ cận các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng chỉnh trang các khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất.

- Các giải pháp thực hiện phải đảm bảo phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của huyện, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

5. Nguyên tắc của việc lập quy hoạch sử dụng đất

- Phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Được lập từ tổng thể đến chi tiết.

- Sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả.
- Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.
- Dân chủ và công khai.
- Bảo đảm ưu tiên quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng, an ninh lương thực và bảo vệ môi trường.
- Quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

6. Bộ cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp

Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mỹ Xuyên, ngoài phần đặt vấn đề, kết luận và kiến nghị được chia thành các phần chính như sau:

- Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- Phần II: Tình hình quản lý, sử dụng đất đai.
- Phần III: Phương án quy hoạch sử dụng đất.
- Phần IV: Kế hoạch sử dụng đất năm 2021.
- Phần V: Giải pháp thực hiện.
- Kết luận và kiến nghị
- Hệ thống biểu số liệu

7. Sản phẩm của dự án

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Bản đồ Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Mỹ Xuyên tỷ lệ 1/25.000;
- Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Mỹ Xuyên tỷ lệ 1/25.000;
- Các bảng biểu và phụ lục;
- Các bản đồ chuyên đề và báo cáo chuyên đề tương ứng.

Phần I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Mỹ Xuyên nằm về phía Nam tỉnh Sóc Trăng thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Huyện có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Mỹ Tú.
- Phía Nam giáp thị xã Vĩnh Châu và huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.
- Phía Đông giáp huyện Trần Đề.
- Phía Tây giáp huyện Thạnh Trị

Huyện được chia thành 11 đơn vị gồm 10 xã và 01 thị trấn, là huyện có mật độ dân số trung bình. Mỹ Xuyên là huyện giáp ranh với thành phố Sóc Trăng nên rất thuận lợi về giao thông đối ngoại, có điều kiện tiếp thu khoa học kỹ thuật và thông thương hàng hóa giữa huyện và các đô thị lớn trong khu vực thông qua tuyến Quốc Lộ 1 và hệ thống đường thủy. Với điều kiện thuận lợi về vị trí và kinh tế xã hội tạo cho Mỹ Xuyên lợi thế đặc biệt trong sự giao lưu kinh tế, văn hóa với các địa phương lân cận, mở ra khả năng giao thương rất lớn cho huyện với các đô thị lớn trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Huyện Mỹ Xuyên có tổng diện tích tự nhiên là 37.314,08⁽¹⁾ ha, chiếm 11,2% diện tích của tỉnh Sóc Trăng; xếp vị trí thứ 3/11 địa phương trong tỉnh, sau thị xã Vĩnh Châu và huyện Trần Đề.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện Mỹ Xuyên có địa hình tương đối bằng phẳng, không có chênh lệch lớn về độ cao (độ cao trung bình từ 0,5 - 1,2 m). Tuy nhiên, dựa vào độ cao thì cũng có thể chia địa hình của huyện thành 2 vùng chính là vùng cao và vùng trũng. Giữa các tiểu vùng được giới hạn bởi kênh rạch chính và kênh nhánh cho nên trong từng tiểu vùng địa hình tương đối bằng phẳng, độ chênh lệch chỉ từ 30-50 cm, rất thuận lợi cho việc bố trí hệ thống tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp.

Với địa hình bằng phẳng rất thuận lợi cho sản xuất nông, ngư nghiệp, tuy nhiên hạn chế chủ yếu là địa hình bị chia cắt khá mạnh bởi sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, phần nào gây trở ngại cho xây dựng kết cấu hạ tầng và giao thông đi lại đường bộ, đất đai một số vùng bị nhiễm mặn mùa khô, một số vùng bị ngập

¹ Theo kết quả thống kê năm 2020

úng vào mùa mưa. Để đáp ứng yêu cầu sản xuất, tỉnh phải đầu tư nhiều cho xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi.

Khu vực phía bắc huyện vẫn có nguồn nước ngọt thông qua các tuyến kênh Thạnh Mỹ, kênh Bung Cốc,... phục vụ cho trồng lúa và rửa mặn.

1.1.3. Khí hậu thời tiết

Huyện Mỹ Xuyên thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa chịu ảnh hưởng của biển. Trong năm, khí hậu chia thành 02 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 05 đến tháng 11, mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 04 năm sau.

- Nhiệt độ: Trung bình năm $26,8^{\circ}\text{C}$, biên độ nhiệt độ theo mùa trung bình $5 - 6^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ cao nhất trong năm vào tháng 4 ($28,2^{\circ}\text{C}$) và nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1 ($25,4^{\circ}\text{C}$).

- Độ ẩm: Độ ẩm trung bình cả năm là 83,4% (cao nhất 88,1% mùa mưa - vào tháng 10 hàng năm, thấp nhất 77,3% mùa khô - vào tháng 3 hàng năm).

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình hàng năm là 2.372 giờ, cao nhất thường vào tháng 3 là 290,1 giờ, thấp nhất thường vào tháng 7 là 141,6 giờ. Lượng bức xạ trung bình tương đối cao trong năm đạt 135 - 154 kcal/cm².

- Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.840 mm. Hàng năm lượng mưa tập trung vào các tháng từ tháng 5 đến tháng 11 chiếm trên 80% lượng mưa cả năm.

- Gió: Trên địa bàn có 02 hướng gió chính là gió Đông Bắc và gió Tây Nam. Hướng gió Đông Bắc chỉ xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 4 là một trong những nguyên nhân đưa nước mặn từ biển Đông xâm nhập và các sông rạch. Hướng gió Tây Nam xuất hiện từ tháng 05 đến tháng 10.

Nhìn chung, đặc điểm khí hậu và thời tiết tạo nhiều thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt, nhất là sản xuất nông nghiệp. Điều kiện khí hậu có thể phát triển nền nông nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, thêm vào đó với nền nhiệt, ẩm tương đối cao có tác động mạnh đến thúc đẩy tăng trưởng sinh khối, năng suất cây trồng, vật nuôi.

1.1.4. Sông, kênh, rạch

Huyện Mỹ Xuyên có hệ thống sông rạch chằng chịt và chịu tác động trực tiếp của chế độ bán nhật triều không đều biển Đông.

- Trên địa bàn huyện có các sông, kênh, rạch chính như: sông Cổ Cò, sông Dù Tho, sông Nhu Gia, sông Cái, kênh Thạnh Mỹ,... Nhìn chung, hệ thống sông rạch huyện Mỹ Xuyên được nối với nhau thành một mạng lưới chằng chịt, do đó, dao động mực nước trên hệ thống sông rạch chủ yếu do sự truyền triều từ biển Đông, không bị ngập lũ, có thể tự tiêu vào mùa mưa và dẫn nước mặn vào mùa

mùa khô, đây là thuận lợi cho việc phát triển đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, tăng vòng quay sử dụng đất, xây dựng kết cấu hạ tầng và các điểm dân cư nông thôn.

- Hệ thống kênh đào: Rạch Thạnh Lợi, rạch Ba Xuyên – Dù Tho, sông Cổ Cò, kênh Bạc Liêu – Vàm Lèo,... làm nhiệm vụ dẫn ngọt, rửa phèn, mặn. Hầu hết hệ thống kênh đào này được hình thành từ lâu đời và ngày càng được quan tâm nâng cấp, nạo vét.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất⁽²⁾

Huyện Mỹ Xuyên có 05 nhóm đất chính:

- Nhóm đất cát có diện tích 2.398,8 ha, chiếm 6,41% diện tích đất tự nhiên. Nhóm đất này có 1 loại đất chính là đất cát giồng, thành phần chính là cát mịn đến cát pha thịt, có lẫn ít than lá cây mục trên mặt, khả năng giữ nước kém, địa hình ít dốc, dễ thoát nước, không bị nhiễm phèn và phân bố ở địa hình cao. Do đó, đất cát giồng thuận lợi cho việc trồng các loại cây trồng cạn, rau màu và nhất là các loại cây ăn quả có giá trị, nếu có khả năng đầu tư tốt.

- Nhóm đất mặn có diện tích 23.629,09 ha, chiếm 63,22% diện tích đất tự nhiên. Đất mặn được hình thành và phát triển trên các trầm tích biển, sông-biển hỗn hợp và trầm tích biển-đầm lầy, tuổi Holocene. Diện tích đất mặn trên địa bàn huyện toàn bộ là đất mặn ít và trung bình (M). Loại đất này thường bị ảnh hưởng mặn ngầm và mặn tầng mặt vào mùa khô. Tầng mặt, đất có hàm lượng muối cao vào mùa khô, do nước bốc hơi đưa muối lên các tầng gần mặt đất. Đất có thành phần cơ giới chủ yếu là sét trung bình đến sét nặng, ở tầng khử khuynh hướng chuyển sang thịt pha sét, thịt pha cát mịn. Bề mặt đất thường bị nứt nẻ khi khô. Tầng mặt, đất ít chua (pHKCl: 4,65-6,08); Chất hữu cơ và Nitơ tổng số tầng mặt trung bình (OM: 3,40; N:1,60%). Lân tổng số giàu, kali tổng số trung bình (P₂O₅: 0,12%; K₂O: 1,70%). Dung tích hấp thu thấp đến trung bình: 8,98-10,77 ldl/100g đất. Đất bị nén (Dung trọng: 1,31 g/cm³). S₀₄₂-: 0,008-0,014%, Cl- hòa tan thấp, tổng muối tan từ thấp đến cao: 0,29-1,45%. Đất mặn ít và trung bình chứa hàm lượng dinh dưỡng trong đất khá, chỉ nhiễm mặn vào mùa khô với thời gian ngắn nên thích hợp cho canh tác nông nghiệp: Lúa và rau màu các loại. Đất có nền cứng, ổn định, tầng đất mặt bị ảnh hưởng mặn đã giảm đáng kể, do hệ thống đê bao ngăn mặn và được rửa mặn vào mùa mưa. Trong canh tác nông nghiệp, cần chú ý các biện pháp tăng cường ngăn mặn, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai lũ lụt làm nước mặn có thể tràn vào đồng ruộng.

² Tham khảo báo cáo điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2019

- Nhóm đất phèn có diện tích 1.627,10 ha, chiếm 4,35% diện tích đất tự nhiên. Đất phèn hình thành và phát triển trên các trầm tích đầm lầy-biển (bm QIV23) và sông-biển hỗn hợp (am QIV23), có đặc điểm bồi tụ chậm, vật liệu trầm tích chứa nhiều hữu cơ và chất sinh phèn (FeS₂). Bao gồm đất phèn tiềm tàng và đất phèn hoạt động. Trong đó:

+ *Đất phèn tiềm tàng (đất phèn tiềm tàng nông, mặn (Sp1M))*: tầng sinh phèn từ 0-50 cm, có thành phần cơ giới từ sét đến sét pha thịt. Đất có phản ứng rất chua toàn phẫu diện (pHKCl: 3,14-3,99). Chất hữu cơ và đạm tổng số tầng mặt giàu (OM: 7,03%; N: 2,91%). Lân và kali tổng số trung bình (P₂O₅: 0,09%; K₂O: 1,53%). Đất trồng trọt điển hình ở tầng mặt (Dung trọng: 0,98 g/cm³). Loại đất này bị nhiễm mặn không nặng, tính chất vật lý của đất đã tương đối thuận thực và phát triển xuống sâu, nên đất khá ổn định, thuận lợi cho việc thực hiện các biện pháp canh tác trong sử dụng đất cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hướng sử dụng thích hợp là tiếp tục canh tác các loại cây trong nông nghiệp (đặc biệt là lúa 1 vụ mùa mưa), kết hợp nuôi trồng thủy sản (nước lợ). Tuy nhiên, do đất phân bố ở địa hình thấp và sâu trong nội địa, nên dễ bị ảnh hưởng bởi nước chua phèn trong kênh rạch từ các nơi khác dồn về. Vì vậy, trong canh tác nông nghiệp đòi hỏi điều kiện quản lý nước nghiêm ngặt, đủ không chế tình trạng oxy hóa đất phèn vào mùa khô và tiêu thoát nước phèn nhanh vào đầu mùa mưa.

+ *Đất phèn hoạt động (đất phèn hoạt động nông, mặn (Sj1M))*: là dạng đất phèn đã có xuất hiện các đốm hay tầng Jarosite màu vàng rom, là kết quả của quá trình oxy hóa. Do vậy, ở tầng đất chứa Jarosite thường có hàm lượng acid và các độc chất khác như: Al³⁺, Fe³⁺ và SO₄²⁻ cao, độ mao dẫn lên tầng đất mặt và ảnh hưởng đến bộ rễ cây trồng hoặc phóng thích vào lớp nước mặt làm nước hóa chua, hạn chế đến nhiều loài thủy sinh. Hướng sử dụng thích hợp là canh tác nông nghiệp, trồng lúa 1 hoặc 2 vụ với các giống chịu phèn, trồng các loại cây chịu phèn như dưa, mía... và các loại rau màu thích hợp khác, có thể kết hợp với nuôi cá thủy sản nước ngọt và nước lợ. Trong cải tạo đất, cần chú ý đến độ sâu xuất hiện của tầng phèn kết hợp với các biện pháp cải tạo đất phù hợp để tránh đưa tầng sinh phèn bên dưới lên mặt đất, gây độc cho cây trồng. Tiêu phèn và tưới đủ nước ngọt là biện pháp hữu hiệu nhất để cải tạo các loại đất này, tuy nhiên đòi hỏi chi phí đầu tư cao. Hiện nay, việc duy trì tình trạng nhiễm mặn trong đất phèn hoạt động để nuôi tôm sú cũng là một giải pháp ngăn chặn sự phèn hóa để sử dụng hiệu quả các loại đất này khi chưa có đủ nguồn nước ngọt.

- Nhóm đất phù sa có diện tích là 1.254,2 ha, chiếm 3,35% diện tích đất tự nhiên. Nhóm đất này được hình thành từ các trầm tích trẻ Aluvia, có nguồn gốc sông-đầm lầy không chứa vật liệu sinh phèn. Nhiều năm trước, khi chưa có hệ thống

ngăn mặn và tưới tiêu hoàn chỉnh, các đất phù sa không có vật liệu sinh phèn này đều bị nhiễm mặn vào mùa khô và trong các tài liệu đất trước đây đã xếp vào loại đất mặn ít (Mi) theo hệ thống phân loại năm 1984 của Bộ Nông Nghiệp hoặc “Phase” (dạng) saline (nhiễm mặn) theo phân loại FAO-UNESCO. Trên địa bàn huyện toàn bộ là đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng (Pf), thích hợp cho việc trồng lúa cao sản, thâm canh, tăng vụ và luân canh các loại hoa màu, cây ăn trái do đặc tính có độ phì nhiêu cao, thành phần cơ giới nặng và điều kiện tưới tiêu thuận lợi.

- Nhóm đất lập liếp có diện tích là 3.962,0 ha, chiếm 10,60% diện tích đất tự nhiên, chủ yếu là các loại đất bị xáo trộn do lập liếp, còn gọi là đất lếp (N), phân bố tập trung dọc theo các kênh, rạch, các trục lộ giao thông lớn và các khu dân cư tập trung. Đất lếp bao gồm đất lên liếp để trồng trọt (mía, khóm, cây ăn quả...), đất xây dựng cơ bản... mục đích sử dụng chính không dùng cho canh tác và sản xuất nông nghiệp. Đất lếp là đất chịu ảnh hưởng lớn do tác động của con người, lớp phủ thổ nhưỡng dày >150 cm, tất cả các đất thổ canh thổ cư, đất xây dựng... và các đất chuyên dùng khác cũng đều được xếp vào đất này. Đất lếp khóm, mía... trong canh tác nông nghiệp là đất đã chịu ảnh hưởng tác động của con người trong khoảng 50-100 cm lớp đất mặt và chủ yếu sử dụng để sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, có thể thay đổi dạng hình lếp để phục vụ cho việc canh tác các loại cây trồng khác nhau. Tính chất lý-hóa học của loại đất này luôn biến động và phụ thuộc nhiều vào đất tại chỗ (dùng để lên lếp).

1.2.2. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của huyện được nhìn nhận và đánh giá từ nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm.

- **Nước mặt:** Nguồn nước mặt: Với lượng mưa trung bình năm lớn 1840mm, hệ thống sông rạch khá dày đặc với các sông lớn là sông Cổ Cò, sông Nhu Gia và cùng với hệ thống kênh đào trên địa bàn huyện, nên Mỹ Xuyên có nguồn nước mặt khá phong phú, một phần bị nhiễm mặn không sử dụng được cho sinh hoạt. Tuy nhiên, nguồn nước ngọt từ nước mưa và nước ngầm vẫn đảm bảo cho mục tiêu nông nghiệp (trồng lúa). Ngoài ra còn có rất nhiều ao hồ được phân bố rộng khắp trên địa bàn, nơi dự trữ nguồn nước mặt vào mùa khô.

- **Nước ngầm:** Theo Báo cáo quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 thì nước ngầm mạch sâu từ 100 - 180 m, chất lượng nước tốt có thể sử dụng cho sinh hoạt. Nước ngầm mạch nông từ 5 - 30 m lưu lượng phụ thuộc vào nguồn nước mưa, nước bị nhiễm phèn và mặn vào mùa khô. Dựa vào các kết quả nghiên cứu cho thấy trong vùng tồn tại 7 phân vị chứa nước.

Nhìn chung, tài nguyên nước của huyện rất dồi dào, chất lượng nước tương đối tốt, ít bị ô nhiễm vì thế có giá trị rất lớn trong phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân, nếu được khai thác và sử dụng hợp lý sẽ đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, đời sống của nhân dân góp phần không nhỏ cho sự nghiệp phát triển kinh tế của huyện Mỹ Xuyên nói riêng và của cả tỉnh Sóc Trăng.

1.2.3. Tài nguyên nhân văn

Lịch sử phát triển của đồng bằng sông Cửu Long gắn liền với lịch sử khai phá và hình thành các cộng đồng dân cư người Việt. Trước thế kỷ 17 đồng bằng sông Cửu Long là một vùng đất hoang vu, một số cộng đồng người Việt từ miền Trung di cư vào khai phá lập nên các ấp. Từ năm 1768 khi Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh lập nên phủ Gia Định, công cuộc khai phá đồng bằng sông Cửu Long được tiến hành mạnh mẽ và có tổ chức. Một bộ phận không nhỏ người Hoa không chịu thuần phục Nhà Thanh tới đây, đã được phép của Nhà Nguyễn định cư và khai khẩn cùng với người Việt lập nên Trấn Hà Tiên (gồm cả Sóc Trăng). Năm 1708 Mạc Cửu dâng phần đất khai phá của mình cho chúa Nguyễn và được chúa Nguyễn phong chức Tổng binh Trấn Hà Tiên để tiếp tục khai phá vùng Hậu Giang.

Người Khmer cùng với người Việt khai phá đồng bằng sông Cửu Long và thường sống tập trung ở các giồng cát, các vùng đất cao thành Phum, Sóc. Cùng với người Việt, người Khmer, người Hoa là những bộ phận cư dân chính của đồng bằng sông Cửu Long trong đó có Sóc Trăng nói chung và huyện Mỹ Xuyên nói riêng.

Mỹ Xuyên có truyền thống lịch sử đấu tranh cách mạng hào hùng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ, vùng căn cứ cách mạng tập trung ở xã Hòa Tú 1 và Gia Hòa 1, truyền thống vẻ vang luôn là hào khí cho nhân dân huyện Mỹ Xuyên bước vào sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh. Toàn huyện có 3 dân tộc chính là Kinh chiếm 64,1%, Hoa chiếm 2,8%, Khmer chiếm 33,1%. Các phong tục tập quán truyền thống của từng dân tộc tạo nên đời sống văn hóa, tinh thần của người dân đa dạng. Sự kết hợp khéo léo giữa thiên nhiên và tài năng lao động, sức sáng tạo của con người đã tạo cho Mỹ Xuyên một vùng đất trù phú, cảnh quan đa dạng. Với truyền thống lịch sử lâu đời, người dân nơi đây đã tạo dựng và để lại cho thế hệ ngày nay nhiều di sản văn hoá tinh thần mang đậm bản sắc dân tộc.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.

Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường của huyện ngày càng được chú trọng. Vấn đề môi trường ngày càng được quan tâm hơn, ý thức bảo vệ môi trường và hệ sinh thái ngày càng được nâng cao, góp phần hạn chế các vấn đề môi trường trên địa bàn.

Đối với môi trường đô thị và môi trường nước, tại một số khu vực đang chuyển từ đất nông nghiệp lên đất ở, hệ thống thoát nước chưa đồng bộ dẫn đến hiện tượng xả nước thải sinh hoạt dân cư trực tiếp trên đồng ruộng. Hiện tượng khoan giếng tầng nông tự phát cũng bắt đầu dẫn đến hiện tượng nhiễm sắt trên nhiều giếng.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề đạt tiêu chuẩn môi trường của huyện đạt tỷ lệ 80%, tương đối cao so với các địa phương trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, tỷ lệ thu gom chủ yếu tập trung ở các khu dân cư, chợ, các trục đường chính; rác thải của các hộ dân sống dọc bờ kênh, ven sông...vẫn chưa được thu gom xử lý, rác thải của các hộ dân nhỏ lẻ thường tự xử lý.

- Tình trạng nhà vệ sinh, sử dụng nước sạch tại một số khu vực nông thôn còn hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp đã và đang phát triển rõ rệt, nhưng môi trường tài nguyên đất cũng đã và đang suy thoái do đất trồng mía hàng năm không được lượng phù sa bồi đắp, nông dân ngày càng lạm dụng phân bón và thuốc hóa học để đẩy mạnh năng suất, ít chú ý đến vấn đề cải tạo và bồi bổ cho đất, một số nơi canh tác liên tục không để cho thời gian đất nghỉ, làm cho đất ngày càng cạn kiệt nguồn dinh dưỡng, độ màu mỡ và lưu tồn mầm bệnh. Lạm dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật làm suy thoái môi trường sống và tạo hiện tượng trực di ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên nước ngầm.

- Ở vùng nuôi thủy sản mới phát triển nên hệ thống kênh thủy lợi chưa đáp ứng được nhu cầu lấy, xả nước phục vụ công tác nuôi trồng thủy sản; các kênh nguồn lấy nước và kênh thoát nước còn tự phát nên các hộ nuôi tôm khi gặp sự cố không xử lý nước mà thải trực tiếp ra ngoài làm ô nhiễm nguồn nước, dịch bệnh lây lan trong vùng. Việc sử dụng các loại hóa chất, thức ăn dư thừa, bùn thải trong nuôi tôm có khả năng gây ô nhiễm, bồi lấp các kênh cấp nước và các vấn đề khác ảnh hưởng xấu cho nguồn nước mặt trên địa bàn huyện, cần phải có quá trình theo dõi, nghiên cứu và đánh giá cụ thể.

- Nguồn nước trong huyện bị nhiễm mặn trong mùa khô cũng gây ảnh hưởng cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

- Hạ tầng kỹ thuật môi trường, đặc biệt là cấp nước và thoát nước tuy được cải thiện, nhưng mức độ đầu tư còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Do nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, dân số thưa, đô thị có quy mô còn nhỏ, công thương nghiệp chưa phát triển mạnh. Tuy nhiên trong bối cảnh các khu vực đất liền chung quanh sẽ phát triển kinh tế nhanh và năng động, có tác

động đến phát triển công thương nghiệp và đô thị trên địa bàn, kết hợp với dự kiến khai thác các khu vực sinh thái nhạy cảm tại khu vực bãi triều và bồi cảnh biển đổi khí hậu - biển dâng sắp tới, tình hình môi trường trên địa bàn huyện dự báo sẽ có nhiều biến động phức tạp cần dự kiến và đề xuất giải pháp hạn chế, kiểm soát.

Từ những vấn đề nêu trên, trong những năm tới, cùng với quá trình khai thác các nguồn lợi một cách tối đa để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống thì việc đầu tư, quan tâm hơn nữa của các cấp ngành, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và dự kiến trước các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa, hạn chế khắc phục ô nhiễm, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái là rất cần thiết.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên.

+ *Thuận lợi:*

Với vị trí tiếp giáp với thành phố Sóc Trăng cộng với tuyến Quốc lộ 1, các tuyến đường tỉnh (ĐT.934, ĐT.936, ĐT.936B, ĐT.939 và ĐT.940) và hệ thống đường thủy, khi được đầu tư hoàn chỉnh sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho huyện Mỹ Xuyên thúc đẩy giao lưu kinh tế - xã hội với các khu vực xung quanh.

Huyện có nguồn tài nguyên nước, tài nguyên đất đai với hệ thống sông ngòi, kênh rạch kết hợp với hệ thống giao thông đường bộ tạo nhiều lợi thế để phát triển kinh tế, có tiềm năng lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện với thế mạnh là cây lúa, nuôi trồng thủy sản và phát triển chăn nuôi; từ đó tạo điều kiện kéo theo sự phát triển nhanh của ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản và các ngành dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp.

+ *Khó khăn:*

Địa hình bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi chằng chịt nên suất đầu tư cho hạ tầng, giao thông đường bộ cao, gặp khó khăn trong vấn đề cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Với xu hướng xâm nhập mặn ngày sâu, đòi hỏi phải có giải pháp kỹ thuật ngăn mặn, rửa mặn... đầu tư lớn cho hệ thống hạ tầng thủy lợi.

Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ cũng tạo ra sức ép lớn trong việc dành quỹ đất để mở rộng, nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các tuyến đường cũng như các công trình công cộng trong thời gian tới;

Do ảnh hưởng thủy triều dâng nên nguồn nước bị nhiễm mặn vào các tháng mùa khô trong năm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, sản lượng ngành nông nghiệp. Nguồn nước ngọt dù đủ chất lượng nhưng phải khai thác ở tầng sâu, chi phí tốn kém;

Môi trường sinh thái đang có những dấu hiệu suy thoái, gây ảnh hưởng đến đời sống dân sinh, kinh tế.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI ⁽³⁾

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong thời kỳ 2011-2015, cơ cấu kinh tế của huyện từng bước được chuyển dịch tích cực, tạo thêm nhiều việc làm mới và tăng năng suất lao động, qua đó tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng các ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện; GDP tăng bình quân trong 5 năm (2011 - 2015) đạt 11,55%/năm, trong đó: GDP bình quân đầu người đến năm 2015 là 1.400 USD (theo giá hiện hành).

- Thực hiện năm 2015, tỷ trọng giá trị: Ngành nông nghiệp, thủy sản chiếm 50,52%, giảm 14,97% so với năm 2010 (65,49%); ngành công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm 15,22%, tăng 4,06% so với năm 2010 (11,16%); ngành thương mại dịch vụ chiếm 34,26%, tăng 10,91% so với năm 2010 (23,35%).

- Thời kỳ 2016-2020, Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 40,0 triệu đồng/năm. Tính đến năm 2020 sản xuất nông nghiệp dù gặp khó khăn do thời tiết, bệnh dịch nhưng vẫn đạt mức tăng trưởng 8,6% năm, do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sử dụng giống cho năng suất chất lượng cao.

- Khu vực phi nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh, bằng 1,7 lần so với mức tăng chung của nền kinh tế.

- Các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục đều có những bước tiến đáng kể.

2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Sản xuất Nông nghiệp đóng vai trò chủ lực trong phát triển kinh tế của huyện Mỹ Xuyên. Trong thời gian qua, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng bất thường của biến đổi khí hậu: thời tiết bất thường, xâm nhập mặn, bệnh dịch, song với sự nỗ lực khai thác các lợi thế về đất đai, sinh thái của từng tiểu vùng, kết hợp với công tác khuyến nông, phát huy tốt hiệu quả của hệ thống thủy lợi nội đồng nên sản xuất nông nghiệp đã có sự phát triển mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng.

Chỉ đạo có hiệu quả việc chuyển đổi giống lúa thơm đặc sản, giống lúa cấp xác nhận có năng suất, chất lượng cao, ổn định và phù hợp với thị trường tiêu thụ. Tổng diện tích gieo trồng lúa 25.200 ha (trong đó, diện tích lúa đặc sản chiếm 65%); năng suất đạt 5,9 tấn/ha; tổng sản lượng 148.720 tấn, đạt 97,84% nghị quyết; lợi nhuận bình quân từ 15 - 23 triệu đồng/ha, tăng từ 4 – 5 triệu đồng/ha; tổ chức thực hiện liên kết tiêu thụ lúa từ 1.000 – 3.000 ha/năm.

⁽³⁾ Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mỹ Xuyên khóa XI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025

Tình hình nuôi thủy sản tương đối thuận lợi, diện tích thả nuôi thủy sản 20.000 ha, đạt 105,82% Nghị quyết; tỷ lệ thiệt hại hàng năm giảm còn từ 8,9% - 12% (giảm 13,95% so đầu nhiệm kỳ), năng suất tăng 0,2 tấn/ha; tổng sản lượng 41.000 tấn, đạt 136,67% nghị quyết, tăng 10.102 tấn so đầu nhiệm kỳ.

Tiềm năng về đất đai được phát huy, diện tích trồng màu phát triển ổn định, tổng diện tích trồng màu 6.800 ha, đạt 100% nghị quyết, lợi nhuận bình quân từ 3 – 3,5 triệu đồng/1.000m²; tận dụng diện tích đất bờ kênh thủy lợi, bờ bao, trồng màu kém hiệu quả để trồng cỏ phục vụ chăn nuôi được 411,2ha. Nhiều mô hình sản xuất ứng dụng khoa học – kỹ thuật, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất sạch, an toàn được nhân rộng như: có 01 tổ hợp tác sản xuất rau an toàn được cấp giấy chứng nhận VietGAP với quy mô 9,35ha và 12 mô hình trồng màu trong nhà lưới,... góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm tuy gặp nhiều khó khăn nhưng đã có sự phát triển theo hướng từ chăn nuôi nhỏ, hộ gia đình sang phương thức chăn nuôi trang trại, gia trại theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát được dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; trong nhiệm kỳ đã thành lập mới 03 trang trại, nâng tổng số toàn huyện có 24 trang trại chăn nuôi, nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong ngành nông nghiệp từ 24,15% lên 28,63%, tăng 4,48% so đầu nhiệm kỳ.

Tăng cường lãnh đạo củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình kinh tế hợp tác; thành lập mới được 05 hợp tác xã và 23 tổ hợp tác, nâng tổng số toàn huyện có 19 hợp tác xã nông nghiệp với 367 thành viên và 143 tổ hợp tác nông nghiệp với 3.490 tổ viên. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đến người dân; công tác tập huấn, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất được quan tâm thực hiện tốt. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp quan hệ trực tiếp với các hộ sản xuất, các tổ hợp tác, hợp tác xã để thực hiện liên kết một số mặt hàng nông sản, góp phần tích cực trong tiêu thụ, chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp tại địa phương.

Quan tâm đầu tư nạo vét các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, từ nguồn vốn của Trung ương, tỉnh và huyện đã đầu tư nạo vét 145 kênh thủy lợi với tổng chiều dài 460,252 km, sửa chữa 08 công ngăn mặn, với tổng kinh phí thực hiện 107,054 tỷ đồng; công tác thủy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn hàng năm thực hiện trên 200.000 m³, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Từ đó, hệ thống thủy lợi đảm bảo nguồn nước cung cấp tưới, tiêu phục vụ tốt cho sản xuất của nông dân.

Với sự tập trung chỉ đạo quyết liệt trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đã mang lại kết quả đáng phấn khởi về giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 173 triệu đồng (tăng 31 triệu đồng so đầu nhiệm kỳ), đạt 102% nghị quyết.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Quan tâm chỉ đạo phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề và sản phẩm; từ đó hiệu quả sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại - dịch vụ có chuyển biến tích cực. Giá trị sản xuất công nghiệp thực hiện được 2.200 tỷ đồng, đạt 170% nghị quyết; thương mại dịch vụ 12.900 tỷ đồng, đạt 100% nghị quyết, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn. Đến nay trên toàn huyện có 491 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, có 28 doanh nghiệp và 01 HTX CN-TTCN sản xuất trên các lĩnh vực tôm đông dạng sơ chế, thủy sản đông lạnh khác, nước máy, cơ khí hàn tiện, chế biến gỗ, xay xát, bánh kẹo, đan lát....

Chú trọng công tác quy hoạch, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ; chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch cụm công nghiệp ở xã Thạnh Phú và 05 danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư (nhà ở Thương mại - Dịch vụ, ấp Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên; nhà ở Thương mại - Dịch vụ, ấp Thạnh Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên; khu chợ và nhà ở thương mại, xã Hòa Tú 1; khu du lịch sinh thái vườn cò, xã Gia Hòa 1; chợ Nhu Gia, xã Thạnh Phú)⁴. Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch Trung tâm hành chính huyện với quy mô 26,988 ha; đã triển khai thực hiện hoàn thành việc hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng được 24,2 ha với tổng số tiền 25 tỷ đồng.

Quan tâm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 02/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát triển du lịch tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”; Huyện ủy xây dựng Chương trình hành động số 14-CTr/HU, ngày 01/12/2016 về “Phát triển du lịch trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”. Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy tốt giá trị các di tích văn hóa lịch sử góp phần thu hút du lịch⁵. Đặc biệt, đã kêu gọi đầu tư được Dự án điểm du lịch tâm linh Chùa SroLôn, với tổng số vốn đầu tư hơn 112 tỷ đồng; ngân sách tỉnh đầu tư trên 9 tỷ đồng xây dựng tuyến đường chiều dài 1.116m, 01 cây cầu bê tông vào khu du lịch sinh thái vườn cò Sáu Xom, ấp Trung Hòa, xã Gia Hòa 1,... Công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá du lịch ngày càng được tăng cường; tình hình an ninh, trật tự - an toàn xã hội tại các điểm du lịch được giữ vững, ổn định,... Từ đó, tạo điều kiện thuận

⁴ Đến nay huyện đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý kêu gọi đầu tư được Dự án nhà ở Thương mại – Dịch vụ, ấp Châu Thành; các dự án còn lại huyện tiếp tục hoàn chỉnh thủ tục pháp lý để kêu gọi đầu tư trong thời gian tới.

⁵ Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 di tích lịch sử cấp quốc gia là Đình Hòa Tú; 04 di tích lịch sử cách mạng, kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh: Chùa SroLôn, Đình thân Mỹ Xuyên, Đình thân Nguyễn Trung Trực, Tiều đoàn Phú Lợi.

lợi thu hút khách tham quan trong và ngoài tỉnh, trung bình hằng năm có hơn 01 triệu lượt người đến hành hương, tham quan, du lịch.

Công tác thu ngân sách được quan tâm chỉ đạo, khai thác tốt các nguồn thu; hằng năm thu đều đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao, tổng thu ngân sách thực hiện được 54,6 tỷ đồng, đạt 118,7% nghị quyết. Việc quản lý, cân đối thu chi, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo dự toán hằng năm và có kết dư ngân sách. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm đạt trên 98%.

2.2.3. Các lĩnh vực văn hóa- xã hội và an sinh xã hội

Công tác xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được chú trọng thực hiện; việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa được quan tâm đầu tư. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, tuyên truyền tiếp tục được đổi mới về nội dung, hình thức; phong trào thể dục - thể thao tiếp tục phát triển, thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện. Quan tâm xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hoá lành mạnh; chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tiếp tục được nâng chất.

Công tác giáo dục - đào tạo có nhiều tiến bộ, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên. Quan tâm đào tạo chuẩn hóa đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Chỉ đạo thực hiện tốt việc sắp xếp mạng lưới trường lớp, tập trung đầu tư nâng cấp, xây dựng bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, qua đó có thêm 19 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số toàn huyện có 44/54 trường đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 81,48%, vượt chỉ tiêu nghị quyết.

Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; chất lượng đội ngũ y bác sĩ được nâng lên, toàn huyện có 57 bác sĩ, bình quân có 4,05 bác sĩ/vạn dân; 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ và nữ hộ sinh trung học hoặc y sĩ sản nhi. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư nâng cấp, từ đó, có 100% trạm y tế xã, thị trấn được tái công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra, phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh dân số và Luật trẻ em, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức trong nhân dân, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 0,8% (chỉ tiêu nghị quyết 0,9%), tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 9%, đạt chỉ tiêu nghị quyết. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách và lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế chiếm 91,2% dân số, trong đó bảo hiểm y tế theo hộ gia đình 84,2%, vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra.

Các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được triển khai kịp thời, có hiệu quả,....

Hàng năm, có trên 2.600 lao động được đào tạo nghề, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 53%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chiếm 45%, đạt chỉ tiêu nghị quyết; đưa 114 người đi xuất khẩu lao động; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 14,08% năm 2015 xuống còn 1,90%, đạt chỉ tiêu nghị quyết đề ra ⁽⁶⁾.

2.2.4. Công tác quốc phòng, an ninh

Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương. Đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện dự bị động viên và dân quân tự vệ đạt được kết quả tốt ⁽⁷⁾. Chỉ đạo tốt công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn ở 11/11 xã, thị trấn; tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ, vận hành cơ chế một bên hai cấp của huyện.

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng về công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Công tác bảo vệ an ninh chính trị đạt được mục tiêu yêu cầu đề ra, tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời, ngay từ cơ sở các vụ việc liên quan đến dân tộc, tôn giáo, tranh chấp khiếu kiện, không để hình thành điểm nóng phức tạp về an ninh trật tự. Tệ nạn xã hội được kiểm chế, tội phạm hình sự giảm 3,4% so với nhiệm kỳ trước; tai nạn giao thông giảm 1/3 tiêu chí (giảm số người chết). Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được tăng cường, nhất là xây dựng và củng cố các mô hình phòng, chống tội phạm ở cơ sở mang lại hiệu quả. Quan tâm chỉ đạo xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh toàn diện, tăng cường công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng công an xã; đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, hỗ trợ kinh phí, trang bị phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng công an xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới ⁽⁸⁾.

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.

2.3.1. Dân số, dân tộc ⁽⁹⁾

Tính đến năm 2020, dân số của huyện Mỹ Xuyên là 149.304 người, chiếm khoảng 10,2% dân số trung bình của tỉnh Sóc Trăng. Mật độ dân số khoảng 400 người/km²; Dân số thành thị (thị trấn Mỹ Xuyên là 20.232 người, chiếm 14%, còn lại là dân số nông thôn của 10 xã có 129.072 người, chiếm 86%).

⁶ Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm từ 3 - 4%, trong đó, tỷ lệ hộ Khmer nghèo giảm từ 5 - 6%.

⁷ Hàng năm, tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đạt kế hoạch đề ra (trong 05 năm đã mở 43 lớp bồi dưỡng cho các đối tượng, có 3.773/3.794 người tham gia, đạt tỷ lệ 99,45%), xây dựng và củng cố lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,29% dân số, tổ chức huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đạt trên 96%.

⁸ Trụ sở làm việc của Công an, quân sự ở 11 xã, thị trấn được xây mới và trang bị xe mô tô phối hợp tuần tra.

⁹ Theo số liệu niên giám thống kê năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên.

Bảng số 1: Tình hình biến động dân số qua một số năm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng số hộ	Hộ	38.357	38.350	38.326	38.334
1.1	Dân tộc Kinh	Hộ	24.491	24.477	24.477	24.475
1.2	Dân tộc Hoa	Hộ	1.258	1.259	1.255	1.255
1.3	Dân tộc Khmer	Hộ	12.608	12.614	12.594	12.604
2	Tổng số nhân khẩu	Người	151.194	150.434	150.051	149.304
2.1	Nam	Người	74.494	74.089	75.016	74.630
2.2	Nữ	Người	76.700	76.345	75.035	74.674
2.3	Dân số khu vực đô thị	Người	20.342	20.288	20.237	20.232
2.4	Dân số khu vực nông thôn	Người	130.852	130.146	129.814	129.072

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Mỹ Xuyên năm 2020)

Dân số đô thị chủ yếu tập trung ở thị trấn Mỹ Xuyên, thị trấn Mỹ Xuyên có dân số 20.237 người và mật độ dân số cao nhất huyện với 1.354 người/km². Thị trấn là nơi tập trung dân cư đông nhất do vị thế về vị trí địa lý (giáp thành phố Sóc Trăng) và thuận lợi về giao thương hàng hóa giữa Sóc Trăng và Bạc Liêu.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2020 giảm xuống còn 0,8%. Trong những năm qua, dân số trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên có mức giảm cơ học khá lớn, chủ yếu do số người trong độ tuổi lao động chuyển đi làm việc đến các trung tâm kinh tế lớn.

Nhìn chung, dân số Mỹ Xuyên phân bố tương đối không đều, tập trung một số xã ven Quốc lộ 1, các tuyến đường liên xã, còn lại các xã vùng sâu, vùng xa dân số sống rải rác và mật độ thấp.

Cộng đồng dân cư trên địa bàn với 3 dân tộc chủ yếu là người Kinh, người Khmer và người Hoa đã tạo nên nền tảng văn hóa đặc sắc, tiềm năng phong phú về nguồn lực của con người, song cũng có những đặc thù riêng về tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, tính đến năm 2020, người Kinh chiếm 64%, người Khmer chiếm 33 % và người Hoa chiếm 3% trong tổng dân số trên địa bàn. Số người Khmer và người Hoa trên địa bàn Huyện tập trung khoảng 97 - 99% ở thị trấn Mỹ Xuyên và các xã Tham Đôn, Đại Tâm, Thạnh Phú, Thạnh Quới.

2.3.2. Lao động việc làm và an sinh xã hội

Huyện có nguồn lao động tương đối dồi dào, số người trong độ tuổi lao động có 83.717 người (chiếm 52,32% so với dân số).

Cơ cấu lao động nhìn chung có sự chuyển dịch phù hợp với cơ cấu kinh tế của huyện. Lao động di chuyển từ khu vực có năng suất lao động thấp sang khu vực có năng suất lao động cao và nâng cao năng suất lao động của cả nền kinh tế. Do đó, trong thời gian tới, tập trung đẩy mạnh đào tạo, dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội không chỉ trên địa bàn mà còn hướng ra thị trường lao động xuất khẩu.

Do thế mạnh kinh tế chủ lực của huyện vẫn là nông nghiệp (lúa nước và nuôi trồng thủy sản) nên lực lượng lao động ở nông thôn vẫn chiếm đa số trong tổng số lao động trên địa bàn huyện.

Trong khu vực phi nông nghiệp, lao động trong ngành thương mại chiếm tỷ trọng cao nhất, lao động công nghiệp có xu hướng giảm.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn.

2.4.1. Thực trạng phát triển thị trấn Mỹ Xuyên

Thị trấn Mỹ Xuyên là thị trấn huyện lỵ hiện nay, được xác định là đô thị loại V với diện tích hành chính 14,95 km² chiếm khoảng 4,0% diện tích tự nhiên toàn huyện. Là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội của huyện, nằm cạnh thành phố Sóc Trăng nên tốc độ đô thị hóa khá cao so với các đô thị thuộc huyện khác trong tỉnh.

Dân số thị trấn là 20.232⁽¹⁰⁾ người, chiếm 14% tổng dân số huyện, mật độ dân số 1.354 người/ km².

Cùng với tốc độ phát triển kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội như: giáo dục, y tế, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước sạch, ... được quan tâm đầu tư, nâng cấp ngày càng hoàn thiện.

Trong tương lai thị trấn sẽ sát nhập với thành phố Sóc Trăng, do đó hiện nay trung tâm huyện mới đang được đầu tư xây dựng ở khu vực xã Hòa Tú 1. Các khu vực phát triển đô thị khác

Các khu vực dân cư tập trung có điều kiện phát triển thành đô thị:

- Các khu dân cư trung tâm xã dọc theo tuyến Quốc lộ 1 có đủ điều kiện hình thành đô thị trong tương lai như: trung tâm xã Đại Tâm, trung tâm xã Thạnh Phú, trung tâm xã Thạnh Quới. Đây là những điểm dân cư hiện hữu có mật độ dân cư

¹⁰ Theo số liệu niên giám thống kê năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên.

tập trung cao kèm theo một số điều kiện kinh tế hạ tầng xã hội phù hợp hình thành các khu đô thị trong tương lai.

Khu vực tiếp cận trực giao thông cấp tỉnh:

- Tiếp cận tuyến ĐT.936: hiện có khu vực trung tâm xã Ngọc Tó

- Tiếp cận tuyến ĐT.940: có khu trung tâm huyện mới thuộc xã Hòa Tú 1, đang được đầu tư xây dựng, hiện nay đã được lập quy hoạch chung xây dựng đô thị.

2.4.2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn

Dân số nông thôn là 129.072⁽¹¹⁾ người, chiếm 86% tổng dân số huyện, các khu dân cư nông thôn phân bố không đều, tập trung chủ yếu hai bên đường giao thông Quốc lộ và đường tỉnh, từng bước được đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo tiêu chí nông thôn mới.

Hệ thống các trung tâm cụm xã cũng đã được hình thành nhưng nhìn chung cơ sở hạ tầng còn hạn chế. Trình độ dân trí, tập quán canh tác, thu nhập giữa các khu vực dân cư nông thôn và giữa người dân tộc tại chỗ với người di cư còn có khoảng cách.

Dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp, kinh tế chủ yếu phát triển nông nghiệp.

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn huyện hiện đã có 10/10 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, là huyện đi đầu của tỉnh Sóc Trăng về công tác xây dựng nông thôn mới. Do đó, bộ mặt nông thôn có sự thay đổi đáng kể, kết cấu hạ tầng được đầu tư, đời sống nhân dân nâng cao. Nhiều cơ chế, chính sách thực hiện hiệu quả như cơ chế hỗ trợ đường giao thông nông thôn theo phương thức “nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ vật tư”; huy động các nguồn lực và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để xây dựng nông thôn mới; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn,... Vì vậy đã huy động được nguồn lực khá lớn cho xây dựng nông thôn mới trong đó phần lớn là nguồn lực trong nhân dân (vốn dân, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã đóng góp và vốn dân vay phát triển sản xuất).

2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

2.5.1. Giao thông

Các tuyến giao thông chính tuyến Quốc lộ 1, các tuyến đường tỉnh (ĐT.934, ĐT.936, ĐT.936B, ĐT.939 và ĐT.940) và hệ thống đường thủy trên sông Thạnh Lợi, Thạnh Mỹ, Cỏ Cò, Dù Tho... Trải qua nhiều thời kỳ, đến nay đã hình thành mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh, các tuyến đường liên xã, liên huyện được gắn với hệ thống đường tỉnh, quốc lộ một cách tương đối đồng bộ cơ bản

¹¹ Theo số liệu niên giám thống kê năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên.

đáp ứng được nhiệm vụ phát triển giao thông và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Nhìn chung, mạng lưới giao thông vận tải của huyện khá phong phú về loại hình, được phân bố tương đối đều, với 4 cấp là quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã tạo thành một mạng lưới giao thông tương đối đồng bộ và thông suốt. Đường quốc lộ và đường tỉnh được Nhà nước chú trọng đầu tư nên chất lượng đường tốt đảm bảo lưu thông, các tuyến đường huyện và đường xã do nguồn vốn đầu tư có hạn nên còn gặp nhiều khó khăn.

2.5.2. Thủy lợi

Mỹ Xuyên là huyện nông nghiệp do đó việc xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi hàng năm là rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp nhưng mới chỉ đáp ứng cơ bản về tưới, về tiêu nước phần nào còn hạn chế. Do đã khai thác, sử dụng từ nhiều năm nên phần nào hệ thống thủy lợi của huyện đã bị xuống cấp; hàng năm căn cứ vào chiều dài và thực trạng hệ thống kênh mương, UBND huyện đều xây dựng kế hoạch nâng cấp.

2.5.3. Năng lượng – Bưu chính viễn thông

Năng lượng: Nguồn điện cung cấp cho huyện Mỹ Xuyên từ lưới điện quốc gia, thông qua các trạm biến áp Sóc Trăng 110/22kV - 1x63+1x40MVA và trạm biến áp Vĩnh Châu 110/22kV - 1x40MVA.

Hệ thống hạ tầng bưu chính viễn thông của huyện đang từng bước được đầu tư đồng bộ theo hướng hiện đại, chất lượng dịch vụ được nâng cao, đáp ứng yêu cầu của người dân; Hệ thống dịch vụ điện thoại, được phủ sóng đến tất cả trung tâm các xã.

2.5.4. Y tế⁽¹²⁾

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm và thực hiện tốt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư, một số kỹ thuật cao trong y tế tiếp tục được ứng dụng. Quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường. Công tác y tế dự phòng được chăm lo, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai thực hiện tốt. Công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm triển khai thực hiện, đặc biệt trong thời gian qua tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em được chăm lo thường xuyên, chất lượng dân số được nâng cao. Trong đó:

- 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế phân theo xã

¹² Theo số liệu niên giám thống kê năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên.

- 95% tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccine phân theo xã

- Không có số người nhiễm HIV, AIDS trên địa bàn huyện

Bảng số 2: Hệ thống y tế trên địa bàn huyện qua một số năm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Bệnh viện	Bệnh viện	1	1	1
2	Trạm y tế xã	Trạm y tế	11	11	11
3	Giường bệnh	Giường	151	151	151
3.1	Bệnh viện	Giường	150	150	150
3.2	Trạm y tế	Giường	1	1	1
4	Cán bộ ngành y	Người	223	227	230
5	Cán bộ ngành dược	Người	22	22	22

2.5.4. Giáo dục ⁽¹³⁾

Tính đến hết năm 2020, toàn huyện đã có 56 trường bao gồm:

+ Bậc Mầm non có tổng số 15 trường (8/15 trường đạt chuẩn Quốc gia).

+ Bậc Tiểu học có tổng số 23 trường, cơ sở vật chất các trường Tiểu học cơ bản đã đầy đủ các phòng học, chỉ thiếu các phòng chức năng và trang thiết bị dạy và học, (17/23 trường đạt chuẩn Quốc gia)

+ Bậc Trung học cơ sở có tổng số 13 trường, cơ sở vật chất cơ bản đã đầy đủ các phòng học, chỉ thiếu các phòng chức năng và trang thiết bị dạy và học, trong đó có 9/12 trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Bậc Trung học Phổ thông: có 05 trường: THPT Mỹ Xuyên, THPT Văn Ngọc Chính, THPT Hòa Tú, THPT Ngọc Tó, PT.DTNT Thạnh Phú, trong đó có 1/5 trường đạt chuẩn Quốc gia.

2.5.5. Văn hóa, thể dục thể thao

- Các thiết chế văn hóa đã được quan tâm đầu tư. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển, đi vào chiều sâu, chú trọng chất lượng đã có tác động đến đời sống cộng đồng dân cư.

- Trên địa bàn huyện hiện nay hầu hết các xã đã có nhà văn hóa, thư viện, các ấp đã có nhà sinh hoạt cộng đồng. Hộ gia đình văn hóa đạt trên 90% và 100% ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa.

- Các di tích văn hóa - lịch sử được xếp hạng được đầu tư quan tâm trùng tu, nâng cấp và thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần của người dân.

¹³ Theo số liệu niên giám thống kê năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên.

- Các cơ sở vật chất phục vụ cho công tác văn hóa - TDTT của huyện tuy đã được đầu tư xây dựng nhưng còn hạn chế. Hiện nay đang triển khai kế hoạch xây dựng trung tâm văn hóa - TDTT tại thị trấn mới thuộc xã Hòa Tú 1.

2.5.6. Chợ và các cơ sở dịch vụ thương mại⁽¹⁴⁾

Tính đến cuối năm 2020 trên địa bàn Huyện có 07 chợ và 11 tụ điểm kinh doanh, trong đó có các chợ đầu mối lớn: Mỹ Xuyên, Thạnh Phú, Hòa Tú (chợ Kinh), Ngọc Tố (chợ Cổ Cò).

Ngoài ra, các khu phố thương mại xung quanh khu vực chợ và nhà ở kết hợp thương mại dọc theo Quốc lộ 1, ĐT.934 và các khu vực trung tâm xã cũng góp phần phục vụ nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa cho người dân.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và cảnh quan môi trường

a. Thuận lợi

- Huyện có nguồn tài nguyên nước, có hệ thống sông ngòi, kênh rạch và hệ thống giao thông đường bộ tạo nhiều lợi thế để phát triển kinh tế;

- Do điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi so với các huyện khác trong tỉnh nên mạng lưới giao thông vận tải của huyện khá phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho huyện Mỹ Xuyên thúc đẩy giao lưu kinh tế - xã hội với các đô thị lớn trong vùng ĐBSCL, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Huyện Mỹ Xuyên có tài nguyên đất và nước phong phú, đa dạng, có tiềm năng lớn để phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện với thế mạnh là cây lúa, nuôi trồng thủy sản và phát triển chăn nuôi; từ đó tạo điều kiện kéo theo sự phát triển nhanh của ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản và các ngành dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp.

b. Khó khăn

- Địa hình thấp, mặt nền đất yếu, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình kiến trúc tốn kém;

- Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ cũng tạo ra sức ép lớn trong việc dành quỹ đất để mở rộng, nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các tuyến đường cũng như các công trình công cộng trong thời gian tới;

- Do ảnh hưởng thủy triều dâng nên nguồn nước bị nhiễm mặn vào các tháng mùa khô trong năm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, sản lượng

¹⁴ Nguồn tổng hợp từ :kết quả điều tra thực tế tại địa phương; bản đồ địa chính các xã, thị trấn; bản đồ kiểm kê sử dụng đất năm 2019

ngành nông nghiệp. Nguồn nước ngọt dù đủ chất lượng nhưng phải khai thác ở tầng sâu, chi phí tốn kém;

- Môi trường sinh thái đang có những dấu hiệu suy thoái, gây ảnh hưởng đến đời sống dân sinh, kinh tế.

2.5.2. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

a. Những kết quả đạt được:

- Sau khi tách huyện, Mỹ Xuyên vẫn đạt mức nhanh về tăng trưởng kinh tế;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 40 triệu/năm, đời sống người dân dần được cải thiện theo hướng tích cực;

- Khu vực nông nghiệp đảm bảo tốc độ tăng trưởng ở mức cao (8,6%/năm) trên cơ sở phát huy thế mạnh trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;

- Khu vực công nghiệp tăng trưởng nhanh (19,0%/năm) dù xuất phát điểm còn thấp;

- Kết cấu hạ tầng dần được cải thiện, lĩnh vực phát triển khu dân cư đô thị và nông thôn đạt được nhiều thành quả khả quan. Hệ thống thủy lợi đáp ứng kiểm soát thủy triều và điều tiết nội đồng;

- Các vấn đề xã hội: Y tế, giáo dục, thông tin, văn hóa, thể dục thể thao nhìn chung được giải quyết và đạt hiệu quả tốt. Nhiều chủ trương, chính sách và chương trình quốc gia về phát triển lĩnh vực văn hoá - xã hội được thực hiện đạt kết quả tích cực như giảm nghèo, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, thực hiện phổ cập giáo dục,... xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư;

- Cải cách hành chính, đổi mới cơ chế chính sách quản lý được đẩy mạnh, vai trò quản lý Nhà nước được củng cố và ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện thời kỳ vừa qua;

- Nhiệm vụ quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong điều kiện đặc thù của huyện đa dạng về văn hoá, tôn giáo được thực hiện tốt, bảo đảm môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

b. Những hạn chế cần khắc phục

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ lực của địa phương. Diện tích đất nông nghiệp dần bị thu hẹp do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp trong khi diện tích đất chưa sử dụng không còn cho việc mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

- Chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ và đạt chuẩn quy định. Công tác quản lý duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình chưa được tiến hành định kỳ.

- Địa hình bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt nên suất đầu tư cho kết cấu hạ tầng, giao thông đường bộ cao, gặp khó khăn trong vấn đề cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Hiện vẫn còn nhiều tuyến thiếu ít nhất 1 tuyến trục dọc, 1 tuyến trục ngang, giá trị vận tải kém; còn nhiều tuyến huyện, xã, ngõ, xóm có mặt đường hẹp và ngắn.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt thấp, gây ảnh hưởng nhiều đến việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất và sinh hoạt.

- Sự chênh lệch giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp, giữa đô thị và nông thôn khá cao cả về quy mô lao động và thu nhập.

- Xuất phát điểm của nền kinh tế còn thấp, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, năng suất lao động và trình độ công nghệ thấp, sức cạnh tranh kém, khả năng thu hút nguồn vốn còn nhiều hạn chế và còn nhiều yếu tố chưa đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế nhưng chủ yếu là sản xuất nhỏ, tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản còn thấp, thu nhập của nông dân còn thấp và chưa ổn định. Trong khi đó, các ngành phi nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng phát triển và chưa thực sự tạo ra động lực để đột phá phát triển kinh tế - xã hội.

- Vấn đề môi trường chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Kết hợp với diễn biến biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng phức tạp; nguy cơ xâm nhập mặn, khô hạn và sụt lún ảnh hưởng rất lớn đến không gian sinh tồn và không gian sản xuất. Cộng với nguy cơ thiếu nước ngọt trở thành hiện thực khi các nước ở thượng nguồn sông Mê Kông xây dựng hệ thống đập thủy điện, đòi hỏi cộng đồng phải nâng cao nhận thức và phối hợp hành động.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn

Những năm gần đây, huyện Mỹ Xuyên cũng đã và đang chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu. Diện tích đất bị xâm nhập mặn tăng, đất bị khô hạn, gây khó khăn trong việc sản xuất lương thực, nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất sinh hoạt khan hiếm hơn. Theo tài liệu về kịch bản BĐKH đến năm 2004, 2030 (Dự án Clues, Viện quy hoạch thủy lợi miền Nam, năm 2015), tình trạng xâm nhập mặn của huyện Mỹ Xuyên được đánh giá là huyện bị ảnh hưởng nhiều ở mức độ 4 (mặn 4-8‰ – 6 tháng) trên diện tích canh tác lúa tằm. Do đó cần chủ động trong việc lựa chọn, bố trí các công trình trọng điểm để ứng phó với xâm nhập mặn và thủy triều dâng.

Những thay đổi về chế độ thủy văn do biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới cộng đồng như thời vụ thu hoạch, sản lượng cây trồng, thủy sản, nguy cơ khô hạn cao hơn đối với lúa hè thu sớm. Các tuyến đê có nguy cơ bị phá vỡ. Nhiệt độ tăng làm

cho nguồn nước trở nên dễ ô nhiễm hơn, mức ôxy hòa tan giảm, giảm khả năng tự làm sạch ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh, đặc biệt là tại các thủy vực ô nhiễm ít có sự lưu thông dòng chảy.

Trái lại vào mùa mưa, lượng mưa gia tăng sẽ làm gia tăng dòng chảy bề mặt từ đó rửa trôi phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp cao hơn, gây gia tăng ô nhiễm dinh dưỡng và chất độc hại trong môi trường nước mặt.

Với diễn biến biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng phức tạp, nhất là vấn đề xâm nhập mặn, khô hạn dẫn đến khan hiếm nguồn nước ngọt, ngày càng ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Tác động của mưa, bão, triều cường với tính chất như xảy ra những trận mưa lớn trên diện rộng, áp thấp nhiệt đới, bão ít gây ảnh hưởng trực tiếp nhưng cũng gây ra mưa lớn, kết hợp với triều cường, lũ thượng nguồn đổ về gây ngập úng cục bộ, sạt lở đê bao, hư hỏng giao thông, thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện Chương trình phối hợp công tác số 01/CTPH-BTNMT-BCT ngày 15/2/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công thương về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại giai đoạn 2017-2020, ngày 11/10/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Công thương tỉnh Sóc Trăng ban hành kế hoạch liên tịch số 106/KHLT-STNMT-SCT nhằm tăng cường sự phối hợp giữa hai Sở trong việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại trên địa bàn huyện như sau:

- Đối với các khu vực có địa hình thấp khi xây dựng cần áp dụng những biện pháp về đảm bảo độ cao cốt nền xây dựng để hạn chế những ảnh hưởng do biến đổi khí hậu (nhất là đối với các khu đô thị và khu cụm công nghiệp). Nghiên cứu hướng chuyên đổi cơ cấu sử dụng đất nông ngư nghiệp, đất chuyên dùng và các biện pháp thích ứng kèm theo phù hợp với tiến độ biến đổi khí hậu.

- Cần có các giải pháp cụ thể về hạn chế biến đổi khí hậu, chính sách cải tạo đất để xây dựng nền sản xuất nông nghiệp bền vững. Khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

3.2. Phân tích, đánh giá về hoang mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất

Thời gian qua, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và dòng chảy, sự khai thác tài nguyên nước và cát quá mức, cùng với sự tác động của con người khiến cho huyện đối mặt với nhiều thách thức về xói mòn, sạt lở đất tại các bờ sông, kênh, rạch, suối.

Hiện tượng khô hạn, lũ lụt, ngập úng, sạt lở đất, mặn hóa, phèn hóa... làm cho nhiều vùng đất của huyện cần cỗi, ảnh hưởng đến sản xuất, làm thay đổi kết cấu hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, điện lưới...

Đứng trước tình trạng đó, UBND tỉnh Sóc Trăng nói chung và huyện Mỹ Xuyên nói riêng đã cập nhật và công bố tình huống khẩn cấp sạt lở bờ sông nguy hiểm như các khu vực cạnh: kênh Thạnh Mỹ, sông Nhu Gia, sông Dù Tho... Cập nhật tình hình, diễn biến sạt lở và tiến độ khắc phục khẩn cấp sạt lở, vận động nhân dân di dời đến nơi ở khác (đối với các nhà bị sạt, lún)...

Như vậy, biến đổi khí hậu, đặc biệt là xâm nhập mặn, xói mòn, sạt lở sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tài nguyên môi trường và kinh tế xã hội của tỉnh Sóc Trăng nói chung và huyện Mỹ Xuyên nói riêng. Bị tác động nặng nề nhất là môi trường sinh thái và đời sống kinh tế - xã hội của người dân trong cả giai đoạn ngắn hạn và dài hạn trong tương lai. Trước tình hình trên, nhiệm vụ, giải pháp đặt ra cho chính quyền và nhân dân địa phương là phải chuẩn bị để ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn, đề xuất phương án tu bổ, nâng cấp bờ đê bao, đê ngăn mặn, kênh thủy lợi và có phương án di dời các hộ dân vùng ven sông suối, kênh rạch đến những nơi an toàn hơn đảm bảo cuộc sống cho người dân, bảo vệ an ninh xã hội và an ninh kinh tế. Tiến hành các giải pháp giảm thiểu tác động của xói lở như điều tra hiện trạng, xây dựng giải pháp kỹ thuật phòng chống xói lở, đầu tư kiên cố hóa một số đoạn đê xung yếu, tổ chức và huy động sự tham gia của cộng đồng vào công tác bảo vệ, duy tu đê điều hàng năm.

Phần II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.1.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó.

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2013. Để cụ thể hoá Luật Đất đai và các văn bản dưới Luật UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hoá các quy định của Luật Đất đai và các Nghị định để áp dụng trên địa bàn tỉnh theo các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai như: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đo đạc bản đồ địa chính; giá các loại đất; chế độ chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng; thanh tra, kiểm tra công tác thực hiện Luật Đất đai; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đăng ký thống kê, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... UBND các xã, thị trấn đã chủ động tuyên truyền, phổ biến các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành đến các hộ gia đình, cá nhân, các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn bằng nhiều hình thức, phương pháp phù hợp với tình hình của cơ quan và địa phương.

Các văn bản ban hành đã được huyện xem xét kỹ lưỡng, vận dụng vào thực tế của huyện, nên cơ bản phù hợp đáp ứng được yêu cầu, đúng quy định của cấp trên, phù hợp với thực tế địa phương trên tinh thần cải cách hành chính. Góp phần quan trọng đưa Luật Đất đai đi vào cuộc sống sử dụng đất trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các vi phạm trong công tác quản lý sử dụng đất. Đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính

Thực hiện chỉ thị 364/CT của Thủ tướng Chính phủ về việc xác định địa giới hành chính các cấp trong phạm vi cả nước. Toàn bộ ranh giới hành chính của huyện đã được rà soát cụ thể theo từng tuyến. Từ năm 1998 địa giới hành chính của huyện, các xã, thị trấn được cắm mốc địa giới cố định và bàn giao cho UBND các cấp quản lý, đến năm 2012 việc khoanh định ranh giới hành chính đã thực hiện theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành

chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính". Địa giới hành chính tới nay được quản lý thống nhất và ổn định.

1.1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất

Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính các xã, thị trấn huyện Mỹ Xuyên cơ bản hoàn thành, sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng chỉ đạo thuê đơn vị tư vấn thực hiện và làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như quản lý quỹ đất và giảm mức thấp nhất việc tranh chấp đất đai trên toàn huyện.

Công tác lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện theo kỳ kiểm kê đất đai. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được lập theo đơn vị hành chính; Tỷ lệ bản đồ, nội dung và phương pháp thành lập bản đồ, quy cách thể hiện nội dung bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và xã tuân thủ theo đúng quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường với tỷ lệ tương ứng cấp huyện 1/25.000; cấp xã từ 1/5.000 – 1/10.000.

Bản đồ quy hoạch sử dụng đất được thực hiện theo tỷ lệ tương ứng như bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện.

1.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Công tác lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn (2011-2015), Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ điều chỉnh của huyện Mỹ Xuyên, Kế hoạch sử dụng đất các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt là căn cứ pháp lý giúp cho địa phương định hướng, sử dụng và khai thác quỹ đất đai ngày càng hợp lý và hiệu quả hơn. Đây cũng là cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đưa công tác quản lý đất đai ở các địa phương đi vào nề nếp.

Thực hiện Luật đất đai năm 2013 và các văn bản dưới luật, huyện Mỹ Xuyên đã tiến hành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại:

+ Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015);

+ Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 31/03/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng “về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng”;

+ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 10/04/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng “về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng”;

+ Quyết định số số 352/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng “về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng”;

+ Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng”

+ Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;

+ Quyết định số số 210/QĐ-UBND ngày 05/2/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng “về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng”;

1.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn được thực hiện khá tốt, từng bước đi vào nề nếp theo luật đất đai và các quy định của nhà nước hiện hành

Việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện có nhiều thuận lợi, tạo được sự đồng thuận trong nhân dân...

Việc chuyển mục đích sử dụng đất đã được thực hiện đúng theo phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên việc chuyển mục đích sử dụng đất do người dân tự phát, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp vẫn xảy ra.

1.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ổn định đời sống là một trong những nội dung quan trọng trong chính sách hỗ trợ của nhà nước khi thu hồi đất nông nghiệp, phi nông nghiệp để phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện Mỹ Xuyên nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung. Đây là công tác có nhiều tính chất nhạy cảm, phức tạp, có phạm vi ảnh hưởng, tác động rất lớn đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh, do vậy luôn được tỉnh đặc biệt quan tâm, sát sao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Phòng Tài nguyên Môi trường thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cấp xã tháo gỡ kịp thời các tồn tại, khó

khăn, vướng mắc phức tạp phát sinh trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện được thực hiện đúng, đủ và đảm bảo tuân thủ theo pháp luật quy định, hướng tới sự ổn định đời sống cho nhân dân.

1.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- Đến nay việc đăng ký, lập hồ sơ địa chính đã cơ bản hoàn thành, hệ thống sổ sách, hồ sơ địa chính như sổ mục kê, sổ địa chính, theo dõi biến động đất đai, theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được hoàn thiện ở các cấp trong huyện theo đúng quy định.

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chỉnh lý biến động đất đai được thực hiện bảo đảm theo đúng quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn; các hồ sơ cấp mới, cấp đổi do tăng diện tích, chuyển mục đích sử dụng đất được tiếp nhận được kiểm tra thẩm định và trả kết quả đúng thời hạn giải quyết theo thủ tục hành chính.

1.1.8. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai

Hàng năm huyện chỉ đạo thống kê đất đai ở cấp xã, thị trấn và cấp huyện. Huyện Mỹ Xuyên đã hoàn thành công tác kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện năm 2020 sau khi thực hiện thống kê đất đai năm 2020 là 37.314,08 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp là 32.525,25 ha (chiếm 87,17%)
- Diện tích đất phi nông nghiệp là 4.788,83 ha (chiếm 12,83%)

Nhìn chung, công tác thống kê, kiểm kê đất đai đã được nâng cao. Tình trạng bản đồ, số liệu về đất đai thiếu hoặc không khớp giữa các năm, các đợt thống kê, kiểm kê từng bước được hạn chế.

1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai

Hiện nay, hệ thống thông tin đất đai trên địa bàn huyện chưa được xây dựng. Thực hiện tổng kiểm kê đất đai, trên địa bàn các xã, thị trấn đã lập được bản đồ hiện trạng năm 2019 để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.1.10. Công tác quản lý tài chính về đất đai và giá đất

- Công tác quản lý tài chính về đất đai trên địa bàn huyện được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Để việc thực hiện việc thu, chi liên quan đến đất đai, UBND huyện đã tổ chức việc thu các loại thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, thuế thu nhập cá nhân từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên cơ sở hệ thống các văn bản đã ban hành.

- Căn cứ vào bảng giá đất trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên đã được UBND tỉnh ban hành để thực hiện các khoản thu, chi liên quan đến đất đai. UBND huyện đã chỉ đạo các phòng ban ngành của huyện, Chi cục thuế huyện và UBND các xã thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản của tỉnh, huyện.

- Đặc biệt công tác giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất và quản lý, sử dụng nguồn thu từ đất trong những năm qua đã đạt được những kết quả tích cực. Nguồn thu từ đất đã được UBND huyện khai thác hiệu quả nhất là việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đưa công tác quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuế đất vào nề nếp.

1.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Căn cứ vào quy định của pháp luật nói chung và Luật Đất đai nói riêng, trong những năm qua các cấp, các ngành trong địa bàn huyện đã và đang quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày một tốt hơn. Các cấp Ủy, đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện ở địa phương, đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời cũng động viên và huy động được nhân dân tham gia đóng góp nghĩa vụ với nhà nước bằng việc thực hiện tốt các chính sách thuế.

Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; quyền được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ chung của người sử dụng đất được thực hiện tốt; đất được sử dụng đúng mục đích; được đăng ký về quyền sử dụng đất; được làm đầy đủ các thủ tục khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính, thực hiện các biện pháp bảo vệ đất... đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền lựa chọn hình thức giao đất, thuê đất chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục.

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiến hành giám sát chặt chẽ quá trình sử dụng đất tại địa phương. Qua đó, kịp thời phát hiện những sai phạm và có biện pháp xử lý kiên quyết, kịp thời theo quy định của pháp luật; giúp cho công tác quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương đi vào nề nếp, ổn định.

Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng sử dụng không theo quy hoạch và mục đích sử dụng ghi trên giấy chứng nhận đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

1.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Trong những năm qua Ủy ban nhân dân huyện đã tích cực tuyên truyền Luật đất đai và các văn bản thi hành luật cho cán bộ và nhân dân trong toàn huyện để mọi người hiểu và thực hiện việc sử dụng đất đúng quy định.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý các vi phạm pháp luật đất đai là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, do vậy UBND huyện đã chỉ đạo, chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai, lập đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành thanh tra các tổ chức, hộ gia đình cá nhân. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội, khi giá trị đất đai ngày càng tăng lên, tình trạng tranh chấp, lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích... có chiều hướng tăng lên. Do vậy, cần có sự quan tâm nhiều hơn nữa của các cấp trong công tác quản lý đất đai nhằm ngăn chặn việc vi phạm pháp luật về đất đai.

1.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Huyện Mỹ Xuyên đã triển khai phổ biến những điểm mới của Luật Đất đai đến các ban ngành của huyện, cán bộ xã/thị trấn và tuyên truyền phổ biến đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền pháp luật về đất đai cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Biên soạn, in ấn, phát hành các tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai.

1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Đất đai là lĩnh vực nhạy cảm, các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân trong lĩnh vực này chiếm tỷ lệ cao. Vì vậy việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân phải đảm bảo đúng nguyên tắc đúng qui trình, chính xác, khoa học theo qui định của pháp luật, tránh được tình trạng đùn đẩy, chuyển đơn lòng vòng, hạn chế việc tái khiếu, tái tố.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai cũng được tỉnh quan tâm và chỉ đạo thường xuyên, dưới nhiều hình thức như thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất, phối hợp kiểm tra. UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường kết hợp với các cấp chính quyền địa phương trong tỉnh, trong huyện tổ chức nhiều đợt thanh tra đột xuất, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong công tác quản lý và sử dụng đất, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đất đai cho người sử dụng đất, giảm số vụ, tính chất và mức độ vi phạm các quy định của pháp luật Đất đai.

Xử lý kịp thời, nghiêm minh và triệt để những cán bộ vi phạm; kiên quyết thu hồi đối với các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không có hiệu quả... đầu tư đúng mức cho việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp, đo đạc, lập hồ sơ địa chính và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các loại đất trên địa bàn huyện.

1.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai

Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện công khai minh bạch trình tự, thủ tục, thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất,... tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian đi lại, giảm phiền hà cho công dân, tổ chức; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn và cán bộ công chức, viên chức, tăng cường sự phối hợp trách nhiệm, khắc phục tình trạng đùn đẩy, gây khó khăn trong việc giải quyết công việc.

Hoạt động về dịch vụ về đo đạc bản đồ địa chính; hoạt động dịch vụ về thông tin đất đai cũng đã được chú trọng, thực hiện tốt trong những năm qua.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

1.2.1. Những kết quả đạt được

- UBND huyện đã chủ động chỉ đạo phòng Tài nguyên và môi trường, UBND các xã, thị trấn, cùng các ngành tập trung lập và trình duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã tạo cơ sở pháp lý rất quan trọng để địa phương chủ động triển khai các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai có hiệu quả. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện đã bám sát quy định của Luật đất đai năm 2013 và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và có sự phối hợp trong quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng trên địa bàn làm tăng tính khả thi của các quy hoạch. Chất lượng quy hoạch được nâng lên một bước đáng kể so với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020.

- Quy hoạch sử dụng đất của các cấp sau khi được phê duyệt đã tổ chức công bố công khai theo quy định. Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh đến các địa phương.

- UBND huyện đã chỉ đạo sát sao việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; đáp ứng nhu cầu về đất cho phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đất ở của nhân dân; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Việc đầu tư và triển khai các chương trình, dự án hàng năm tuân theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Chỉ các công trình, dự án được nêu trong quy hoạch mới được triển khai thủ tục đầu tư tiếp theo.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thực sự trở thành công cụ pháp lý hết sức quan trọng cho quản lý Nhà nước về đất đai; nhất là đối với công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vv....

- Trên cơ sở quy hoạch của các cấp được phê duyệt, các địa phương đã chủ động phân bổ quỹ đất một cách hợp lý cho nhu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đã có sự phối hợp trong quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng trên địa bàn làm tăng tính khả thi của các quy hoạch.

1.2.2. Những tồn tại

- Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện như: công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất và các tổ chức còn mang tính chủ quan, các giải pháp để thực hiện dự án chưa đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả; công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án còn khó khăn, vướng mắc do hệ thống chính sách chưa đồng nhất. Một số chỉ tiêu quan trọng như: đất phát triển hạ tầng, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị đạt thấp; một số dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất không phù hợp với khả năng và tiến độ thực hiện; một số dự án được giao đất, cho thuê đất chậm triển khai, dễ hoang hóa, chậm đưa đất vào sử dụng, gây bức xúc trong nhân dân. Chưa khai thác hết tiềm năng về đất đai để tương xứng với lợi thế vị trí của huyện.

- Trong quá trình triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, chưa đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ do vậy hiệu quả khai thác và thực hiện chưa cao.

- Nguồn lực đầu tư thực hiện các công trình, dự án còn thiếu chủ động và gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, chậm so với quy hoạch nêu ra.

- Những năm trước, việc phát triển sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh khá mạnh mẽ, có nhiều dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất với quy mô diện tích khá lớn nhưng thực tế triển khai thì thấp hơn nhiều.

- Đánh giá thực hiện quy hoạch theo các chỉ tiêu sử dụng đất còn bị ảnh hưởng bởi kết quả thống kê đất đai như việc thay đổi các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai, việc chính xác lại diện tích loại đất do đo đạc bản đồ...

- Còn tình trạng sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng sai quy hoạch, kế hoạch được duyệt ở một số địa phương.

1.2.3. Nguyên nhân

** Về khách quan:*

- Do quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn ban hành còn chậm, không đồng bộ, một số chỉ tiêu sử dụng đất thay đổi liên tục gây khó khăn cho việc xây dựng phương án cũng như quản lý quy hoạch.

- Chính sách, pháp luật giữa các ngành luật, sự chỉ đạo giữa các bộ, ngành tính thống nhất chưa cao; nên chính quyền địa phương, nhất là chính quyền cơ sở lúng túng trong thực hiện; điển hình như sự thiếu thống nhất trong việc xác định nhu cầu đất đai trong việc lập quy hoạch chuyên ngành, lập các đề án tái cơ cấu của các ngành với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp hay đề án phát triển kinh tế trang trại có nhu cầu chuyển đất lúa sang phục vụ cho đề án rất cao, khó có thể cân đối quỹ đất để đáp ứng).

- Luật đất đai và Nghị định 42/2012/NĐ-CP đề ra yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt đất trồng lúa; tuy nhiên cơ chế, chính sách hỗ trợ người trồng lúa còn rất bất cập; mức hỗ trợ còn rất thấp so với lợi nhuận thu được nếu nông dân chuyển đất lúa sang nuôi trồng thủy sản hay lập vườn trồng cây lâu năm; do vậy người nông dân chuyển mục đích sử dụng đất sang lập vườn, đào ao nếu chỉ ngăn chặn bằng biện pháp hành chính gặp rất nhiều khó khăn.

- Quy định trong thời gian qua về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều điểm chưa hợp lý: Quy hoạch sử dụng đất của cấp trên phải thể hiện nhu cầu sử dụng đất của cấp dưới làm cho nội dung quy hoạch ở cấp vĩ mô quá chi tiết phải thực hiện kéo dài; chồng chéo nội dung giữa các cấp; quy hoạch ở cấp vĩ mô chưa đủ cơ sở để không chế, kiểm soát đối với quy hoạch của cấp dưới.

- Tác động của biến đổi của khí hậu và xâm nhập mặn diễn ra khá phức tạp dẫn đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế cao để khai thác tiềm năng đất đai.

** Về chủ quan:*

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật đất đai, nhất là về quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn yếu kém; do vậy tình trạng buông lỏng trong công tác quản lý đất đai còn diễn ra tại một số địa phương trên địa bàn huyện, nhất là buông lỏng quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Các đơn vị có liên quan hầu hết đều có nhận thức về Dự án quy hoạch sử dụng đất là bên ngành Tài nguyên và Môi trường nên trong giai đoạn đăng ký nhu cầu chưa thực sự đầu tư về mặt thời gian thích đáng dẫn tới việc khi đưa vào thực hiện đạt hiệu quả không cao đôi khi dẫn tới tình trạng quy hoạch treo.

- Việc xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở một số nơi còn chậm, chưa kiên quyết.

- Sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành, giữa chính quyền các cấp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý đất đai có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, chưa phát huy cao được vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và quần chúng nhân dân trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số nơi gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng, nhiều công trình, dự án có khó khăn về vốn... cũng làm ảnh hưởng nhiều đến tiến độ triển khai quy hoạch.

- Quy định trong thời gian qua về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều điểm chưa hợp lý: Quy hoạch sử dụng đất của cấp trên phải thể hiện nhu cầu sử dụng đất của cấp dưới làm cho nội dung quy hoạch ở cấp vĩ mô quá chi tiết phải thực hiện kéo dài; chồng chéo nội dung giữa các cấp; quy hoạch ở cấp vĩ mô chưa đủ cơ sở để khống chế, kiểm soát đối với quy hoạch của cấp dưới.

- Các đơn vị có liên quan hầu hết đều có nhận thức về Dự án quy hoạch sử dụng đất là do ngành Tài nguyên và Môi trường nên trong giai đoạn đăng ký nhu cầu chưa thực sự đầu tư về mặt thời gian thích đáng dẫn tới việc khi đưa vào thực hiện đạt hiệu quả không cao đôi khi dẫn tới tình trạng quy hoạch treo.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số công trình còn gặp khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... ảnh hưởng đến tiến độ triển khai quy hoạch.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

Để công tác quản lý nhà nước về đất đai đạt hiệu quả cao, sát với thực tế và phù hợp với tiềm năng đất đai cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của

địa bàn, huyện cần rút ra được các bài học kinh nghiệm và giải pháp mới trong công tác quản lý đất đai, cụ thể:

- Cần tích cực tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai và các pháp luật khác có liên quan, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sử dụng đất sai mục đích hủy hoại môi trường.

- Cụ thể hóa các quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, từ đó có căn cứ thực hiện các cơ chế, chính sách, pháp luật về đất đai.

- Tập trung nguồn lực để xây dựng, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý đất đai như: đo đạc bản đồ địa chính; hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất... Nhờ đó tạo tiền đề cho các hoạt động liên quan đến đất đai trên địa bàn huyện.

- Cần nhanh chóng giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn, đảm bảo ổn định tình hình sử dụng đất đai. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời, xử lý triệt để các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng.

- Thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung bộ thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm số lượng thủ tục, giảm thời gian thực hiện thủ tục, đặc biệt với các thủ tục liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời gian thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp...

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất.

Theo kết quả thống kê đất đai đến 31/12/2020, tổng diện tích tự nhiên huyện Mỹ Xuyên là 37.314,08 ha, diện tích tự nhiên phân bổ trên từng đơn vị cấp xã như sau:

Bảng 3: Phân bố diện tích năm 2020 của các xã, thị trấn

Đơn vị tính: Ha; %

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với tổng diện tích của huyện
	Tổng	37.314,08	100,00
1	TT Mỹ Xuyên	1.493,91	4,00
2	Xã Tham Đôn	4.925,35	13,20
3	Xã Đại Tâm	2.586,49	6,93

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với tổng diện tích của huyện
4	Xã Thạnh Phú	4.793,71	12,85
5	Xã Thạnh Quới	5.092,94	13,65
6	Xã Gia Hòa 1	2.765,45	7,41
7	Xã Gia Hòa 2	2.613,04	7,00
8	Xã Hòa Tú 1	3.197,02	8,57
9	Xã Hòa Tú 2	3.518,31	9,43
10	Xã Ngọc Tố	2.777,01	7,44
11	Xã Ngọc Đông	3.550,86	9,52

2.1.1. Đất nông nghiệp

Có 32.525,25 ha, chiếm 87,17 % tổng diện tích tự nhiên. Diện tích, cơ cấu đất nông nghiệp được thể hiện như sau:

Bảng 4: Diện tích, cơ cấu các loại đất nông nghiệp năm 2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		37.314,08	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	32.525,25	87,17
1.1	Đất trồng lúa. Trong đó:	LUA	9.076,45	24,32
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước (từ 2 vụ lúa trở lên)</i>	<i>LUC</i>	<i>9.076,45</i>	<i>24,32</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.156,84	3,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.215,96	8,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	19.047,17	51,05
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,83	0,08

Trong đó:

- Đất trồng lúa: có 9.076,45 ha, chiếm 24,32 % diện tích tự nhiên, phân bố tại TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới. Toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước.

Trong những năm tới, huyện tiếp tục chỉ đạo có hiệu quả việc chuyển đổi giống lúa thon đặc sản, giống lúa cấp xác nhận có năng suất, chất lượng cao, nâng cao thu nhập cho người dân trồng lúa. Mặc dù diện tích đất trồng lúa giảm để đáp ứng nhu cầu về nhà ở cũng như đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn, nhưng do áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong thâm canh nên năng suất và sản lượng tăng lên đáng kể, đáp ứng nhu cầu về lương thực trong nhân dân và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

- Đất trồng cây hàng năm khác: có 1.156,84 ha, chiếm 3,10 % diện tích tự nhiên. Phân bố tại: TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Ngọc Đông, xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới, chủ yếu tập trung trồng các loại cây rau màu, ngô, ớt, họ bông...

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện có 3.215,96 ha chiếm 8,62% diện tích tự nhiên, loại đất này phân bố cơ bản đồng đều trên địa bàn các xã, thị trấn trong huyện. Diện tích này chủ yếu trồng các loại cây ăn quả lâu năm như: vú sữa, nhãn, xoài, bưởi, ổi...

- Đất nuôi trồng thủy sản: 19.047,17 ha, chiếm 51,05 % diện tích tự nhiên. Phân bố phần lớn tại: xã Gia Hòa 1, Gia Hòa 2, Hòa Tú 1, Hòa Tú 2, Ngọc Đông, Ngọc Tố, Tham Đôn, Thạnh Phú, Thạnh Quới. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản để phát triển bền vững mô hình “tôm- lúa” trên địa bàn huyện.

- Đất nông nghiệp khác: có 28,83 ha, chiếm 0,08% diện tích tự nhiên. Diện tích đất nông nghiệp khác chủ yếu khoanh định các khu chăn nuôi bò sữa tập trung. Phân bố tại: TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú.

Qua đây có thể thấy diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện hiện tại còn khá lớn, đây là dữ liệu quan trọng để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ mới, từng bước cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp: Có 4.788,83 ha, chiếm 12,83 % diện tích tự nhiên. Diện tích, cơ cấu đất phi nông nghiệp được thể hiện như sau:

Bảng 5: Diện tích, cơ cấu các loại đất phi nông nghiệp năm 2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Cơ cấu (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.788,83	12,83
2.1	Đất quốc phòng	CQP	43,06	0,12
2.2	Đất an ninh	CAN	2,12	0,01

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2020 (ha)	Cơ cấu (%)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	22,54	0,06
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,70	0,13
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.829,67	7,58
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,67	0,01
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	720,82	1,93
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	91,28	0,24
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	37,61	0,10
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	6,23	0,02
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	982,17	2,63
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	3,95	0,01
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		

- Đất quốc phòng: Có 43,06 ha, chiếm 0,12 % diện tích tự nhiên. Phân bố tại TT Mỹ Xuyên, xã Hòa Tú 2, xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú.

- Đất an ninh: Có 2,12 ha chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên. Phân bố tại TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm.

- Đất thương mại - dịch vụ: Có 22,54 ha, chiếm 0,06 % diện tích đất tự nhiên. Diện tích đất thương mại - dịch vụ tập trung nhiều trên địa bàn TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Thạnh Phú.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Có 46,70 ha chiếm 0,13 % diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu tại TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới.

- Đất phát triển hạ tầng: Có 2.829,67 ha, chiếm 7,58 % diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất giao thông có 947,69 ha;

+ Đất thủy lợi có 1.686,57 ha;

- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa có 0,63 ha;
- + Đất xây dựng cơ sở y tế có 3,39 ha;
- + Đất cơ sở giáo dục có 65,27 ha;
- + Đất thể dục - thể thao có 11,51 ha;
- + Đất năng lượng có 2,25 ha;
- + Đất công trình bưu chính viễn thông có 0,36 ha;
- + Đất có di tích, lịch sử- văn hóa có 1,43 ha;
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải có 5,64 ha;
- + Đất cơ sở tôn giáo có 44,68 ha;
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có 59,48 ha;
- + Đất chợ có 0,77 ha;

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Có 2,67 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên.

Phân bố rải rác tại các xã trong huyện.

- Đất ở tại nông thôn: Có 720,82 ha, chiếm 1,93 % diện tích tự nhiên. Phân bố tại các xã. Trong đó diện tích tập trung lớn ở các xã: Ngọc Đông, Thanh Phú, Thanh Quới.

- Đất ở tại đô thị: Có 91,28 ha, chiếm 0,24 % diện tích tự nhiên. Phân bố tại thị trấn Mỹ Xuyên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có 37,61 ha, chiếm 0,10% diện tích tự nhiên. Nhìn chung diện tích đất dành cho xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính tương đối đầy đủ trên địa bàn huyện, tập trung nhiều tại TT Mỹ Xuyên.

- Đất tín ngưỡng: Có 6,23 ha, chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên. Tập trung nhiều tại TT Mỹ Xuyên, còn lại nằm rải rác tại các xã.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Có 982,17 ha, chiếm 2,63 % diện tích tự nhiên. Tập trung lớn tại các xã: Ngọc Đông, Ngọc Tố, Tham Đôn, Thanh Phú, Thanh Quới, phần còn lại nằm rải rác tại các xã, thị trấn còn lại trên địa bàn huyện.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có 3,95 ha, chiếm 0,01 % diện tích tự nhiên. Toàn bộ diện tích nằm trên địa bàn thị trấn Mỹ Xuyên.

2.1.3. Đất đô thị

(Phần diện tích đất này không được tính vào tổng diện tích tự nhiên): có 1.493,91 ha, chiếm 4,00 % diện tích đất tự nhiên. Toàn bộ diện tích nằm trên địa bàn thị trấn Mỹ Xuyên.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước.

Thời kỳ 2010-2020 diện tích tự nhiên của huyện có sự biến động do trải qua 3 kỳ tổng kiểm kê đất đai. Cụ thể:

- Giai đoạn 2010 – 2015: Diện tích tự nhiên tăng 182,38 ha do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai. Kết quả thống kê đất đai được tính tự động trên bản đồ khoanh đất trên hệ tọa độ VN-2000 có độ chính xác cao.

- Giai đoạn 2015 – 2020: Diện tích tự nhiên giảm 56,72 ha nguyên nhân là do sử dụng bản đồ địa giới hành chính mới theo Quyết định 513/QĐ-CP của Chính phủ về hiện đại hóa đường địa giới hành chính các cấp, tỉnh Sóc Trăng và trong đó có điều chỉnh hiệp thương, xác định lại địa giới hành chính cho phù hợp với hiện trạng đang sử dụng.

Tính đến 31/12/2020, tổng diện tích đất tự nhiên có 37.314,08 ha, tăng 125,66 ha so với năm 2010.

Bảng 6: Biến động diện tích, tỷ lệ các loại đất chính thời kỳ 2010 – 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Đơn vị tính	Diện tích, cơ cấu qua các năm		
			2010	2015	2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng diện tích tự nhiên		37.188,42	37.370,80	37.314,08
1	Đất nông nghiệp	<i>Ha</i>	32.572,82	32.887,96	32.525,25
	Tỷ lệ so với tổng diện tích tự nhiên	%	87,59	88,00	87,17
2	Đất phi nông nghiệp	<i>Ha</i>	4.615,60	4.482,84	4.788,83
	Tỷ lệ so với tổng diện tích tự nhiên	%	12,41	12,00	12,83

Thời kỳ 2010 – 2020 biến động các loại đất trên địa bàn huyện theo hướng tích cực, tăng tỷ lệ của đất phi nông nghiệp, giảm tỷ lệ đất nông nghiệp.

Bảng 7: Tình hình biến động chỉ tiêu sử dụng đất từ năm 2010 đến năm 2020

Đơn vị tính: ha

TT	CHỈ TIÊU	Mã đất	Diện tích năm 2010	Diện tích năm 2015	Diện tích năm 2020	So sánh		
						2010-2015	2015-2020	2010-2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(5)	(9)=(6)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		37.188,42	37.370,80	37.314,08	182,38	-56,72	125,66
1	Đất nông nghiệp	NNP	32.572,82	32.887,96	32.525,25	315,14	-362,71	-47,57
	<i>Trong đó:</i>							
1.1	Đất lúa nước	LUA	10.725,19	9.110,32	9.076,45	-1.614,87	-33,87	-1.648,74
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.452,86</i>	<i>9.110,32</i>	<i>9.076,45</i>	<i>-342,54</i>	<i>-33,87</i>	<i>-376,41</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	481,78	871,36	1.156,84	389,58	285,48	675,06
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.009,28	3.093,21	3.215,96	83,93	122,75	206,68
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	18.356,57	19.803,97	19.047,17	1.447,40	-756,80	690,60
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		9,10	28,83	9,10	19,73	28,83
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.615,60	4.482,84	4.788,83	-132,76	305,99	173,23
	<i>Trong đó:</i>							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	37,23	38,20	43,06	0,97	4,86	5,83
2.2	Đất an ninh	CAN	2,05	2,06	2,12	0,01	0,06	0,07
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		9,94	22,54	9,94	12,60	22,54

TT	CHỈ TIÊU	Mã đất	Diện tích năm 2010	Diện tích năm 2015	Diện tích năm 2020	So sánh		
						2010-2015	2015-2020	2010-2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(5)	(9)=(6)-(4)
2.7	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	24,71	33,74	46,70	9,03	12,96	21,99
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.369,70	2.610,82	2.829,67	241,12	218,85	459,97
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>506,61</i>	<i>877,91</i>	<i>947,69</i>	<i>371,30</i>	<i>69,78</i>	<i>441,08</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>1.810,23</i>	<i>1.658,38</i>	<i>1.686,57</i>	<i>-151,85</i>	<i>28,19</i>	<i>-123,66</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,83</i>	<i>1,13</i>	<i>2,25</i>	<i>0,30</i>	<i>1,12</i>	<i>1,42</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,45</i>	<i>0,35</i>	<i>0,36</i>	<i>-0,10</i>	<i>0,01</i>	<i>-0,09</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,84</i>	<i>0,63</i>	<i>0,63</i>	<i>-0,21</i>	<i>0,00</i>	<i>-0,21</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>2,21</i>	<i>3,38</i>	<i>3,39</i>	<i>1,17</i>	<i>0,01</i>	<i>1,18</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>43,81</i>	<i>62,42</i>	<i>65,27</i>	<i>18,61</i>	<i>2,85</i>	<i>21,46</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>4,15</i>	<i>5,85</i>	<i>11,51</i>	<i>1,70</i>	<i>5,66</i>	<i>7,36</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>0,57</i>	<i>0,77</i>	<i>0,77</i>	<i>0,20</i>	<i>0,00</i>	<i>0,20</i>
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	0,47	1,16	1,43	0,69	0,27	0,96
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,11	3,49	5,64	2,38	2,15	4,53
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	684,93	620,10	720,82	-64,83	100,72	35,89
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	86,35	76,27	91,28	-10,08	15,01	4,93

TT	CHỈ TIÊU	Mã đất	Diện tích năm 2010	Diện tích năm 2015	Diện tích năm 2020	So sánh		
						2010-2015	2015-2020	2010-2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(5)	(9)=(6)-(4)
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,18	13,07	37,61	-4,11	24,54	20,43
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	52,75	44,01	44,68	-8,74	0,67	-8,07
2.19	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	108,73	59,62	59,48	-49,11	-0,14	-49,25
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	1,48			-1,48		-1,48
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		2,24	2,67	2,24	0,43	2,67
2.23	Đất tín ngưỡng	TIN		5,99	6,23	5,99	0,24	6,23
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.226,70	958,13	982,17	-268,57	24,04	-244,53
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,38	4,00	3,95	2,62	-0,05	2,57
3	Đất chưa sử dụng	CSD						

(Theo số liệu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Xuyên cung cấp)

2.2.1. Đất nông nghiệp (NNP)

Diện tích đất nông nghiệp năm 2020 có 37.314,08 ha, giảm 47,57 ha so với năm 2010, giảm 362,71 ha so với năm 2015. Nguyên nhân diện tích đất nông nghiệp giảm chủ yếu do: Nhu cầu xây dựng phát triển các công trình, dự án như: Giao thông, trụ sở cơ quan, khu du lịch văn hóa, trường học, trạm y tế,... Xu hướng chuyển dịch đất tại một số vùng trọng điểm để phát triển dịch vụ, đô thị theo hướng đất ở và đất chuyên dùng được mở rộng từ đất nông nghiệp; Có sự thay đổi về phương pháp thống kê, kiểm kê; diện tích đất tự nhiên kỳ trước được kiểm kê trên cơ sở kế thừa từ các kỳ kiểm kê trước kết hợp với số liệu từ hồ sơ địa chính và được thống kê, kiểm kê bằng phương pháp thủ công chưa có sự thống nhất cao giữa số liệu bản đồ và số liệu kiểm kê đất đai. Trong kỳ kiểm kê, thống kê này sử dụng theo phương pháp kiểm kê mới được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018, số liệu kiểm kê được trích xuất từ bản đồ kết quả điều tra (được tổng hợp từ bản đồ địa chính có sự chỉnh lý biến động và đối soát với thực địa). Chi tiết các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa năm 2020 có 9.076,45 ha (toàn bộ diện tích là đất chuyên trồng lúa nước), giảm 1.648,74 ha so với năm 2010, giảm 33,87 ha so với năm 2015. *Diện tích đất trồng lúa giảm do trong kỳ quy hoạch ngoài sử dụng phương pháp thống kê, kiểm kê mới được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018, trên địa bàn huyện đã được thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội như: mở rộng đường tỉnh 934 (TL8 cũ), điểm mẫu giáo tại ấp Phú Giao, MR trường mẫu giáo Thạnh Phú, xây dựng trường tiểu học Thạnh Phú, ...*

- Đất trồng cây hàng năm 2020 có 1.156,84 ha, tăng 675,06 ha so với năm 2010, tăng 285,48 ha so với năm 2015. Nguyên nhân tăng diện tích đất trồng cây hàng năm khác do thay đổi chỉ tiêu thống kê đất đai qua các năm. Mặt khác trong công tác thống kê, kiểm kê đất đai một phần diện tích đã có quyết định chuyển mục đích nhưng chưa thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng thì vẫn được thống kê theo hiện trạng vào diện tích đất trồng cây hàng năm. Diện tích đất trồng cây hàng năm vẫn giảm do trong kỳ quy hoạch đã chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội như: xây dựng đường lộ bê tông từ đường Lê Lợi nối trường tiểu học Mỹ Xuyên, xây dựng mới đường liên ấp khu 4 Phú Thuận, xây dựng nghĩa địa ấp Rạch Sên, mở rộng trường tiểu học Ngọc Đông, ...

- Đất trồng cây lâu năm 2020 có 3.215,96 ha tăng 206,68 ha so với năm 2010, tăng 122,75 ha so với năm 2015. Nguyên nhân diện tích tăng chủ yếu do sử dụng bản đồ địa chính đo mới làm bản đồ nguồn cho phương pháp kiểm kê đất

đai năm 2014, năm 2019 nên phần diện tích đất trồng cây lâu năm nằm rải rác, xen kẽ trong đất ở được bóc tách ra để thống kê chi tiết theo từng loại đất cụ thể theo quy định. Ngoài ra, một phần diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do trong kỳ quy hoạch đã thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội như: Bưu điện Mỹ Xuyên, bưu điện xã Ngọc Đông, xây dựng trường mẫu giáo tại 3 ấp xã Gia Hòa, trường THPT Hòa Tú, trường tiểu học Hòa Tú 2B,...

- Đất nuôi trồng thủy sản năm 2020 có 19.047,17 ha, tăng 690,60 ha so với năm 2010, giảm 756,80 ha so với năm 2015. Nguyên nhân diện tích tăng một phần do một số xã chuyển đổi diện tích đất xấu và trũng kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, do năm 2014, 2019 thực hiện kiểm kê xác định lại diện tích hiện trạng theo phương pháp mới bóc tách diện tích đất ao ra khỏi đất ở đối với các thửa đất ở có ao liền kề trong thửa đất, diện tích giảm do chuyển một phần để xây dựng các công trình sự nghiệp, làm đường; một phần do chuyển sang đất trồng cây lâu năm và một số khoanh đất kỳ trước xác định sai loại đất nên xác định lại diện tích theo hiện trạng.

- Đất nông nghiệp khác năm 2020 có 28,83 ha, tăng 28,83 ha so với năm 2010, tăng 19,73 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do những năm gần đây hình thành một số mô hình trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung trên địa bàn huyện.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp (PNN)

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2020 có 4.788,83 ha, tăng 173,23 ha so với năm 2010, tăng 305,99 ha so với năm 2015. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng năm 2020 có 43,06 ha, tăng 5,83 ha so với năm 2010, tăng 4,86 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do cập nhật lại kết quả kiểm kê, kết quả đo đạc lại bản đồ địa chính.

- Đất an ninh năm 2020 có 2,12 ha, tăng 0,07 ha so với năm 2010, tăng 0,06 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do thực hiện xong công trình, dự án: xây dựng trụ sở công an xã Hòa Tú 1, Hòa Tú 2, Thạnh Phú.

- Đất thương mại – dịch vụ năm 2020 có 22,54 ha, tăng 22,54 ha so với năm 2010, tăng 12,60 ha so với năm 2015. Diện tích năm 2020 tăng hơn năm 2010 do kiểm kê năm 2010 không có loại đất này. Diện tích năm 2020 tăng so với năm 2015 do do bóc tách từ đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp theo chỉ tiêu và phương pháp thống kê, kiểm kê mới.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2020 có 46,70 ha, tăng 21,99 ha so với năm 2010, tăng 12,96 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do cập nhật số liệu hiện trạng theo đo đạc lại bản đồ địa chính các xã, thị trấn và số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm. Ngoài ra diện tích tăng do được đầu tư và phát

triển các các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn huyện để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

- Diện tích đất phát triển hạ tầng năm 2020 có 2.829,67 ha, tăng 459,97 ha so với năm 2010, tăng 218,85 ha so với năm 2015. Diện tích tăng trong kỳ quy hoạch do đã thực hiện xong các công trình, dự án phát triển hạ tầng như: mở rộng đường Trần Hưng Đạo, đường huyện 50 đoạn A4-B4, đường mới An Hòa 1, đường mới An Hòa- Hiệp Hòa, MR đường tỉnh 934 (TL8 cũ), xây dựng mở rộng trường trung học cơ sở Thanh Phú, xây dựng trường mẫu giáo và trường tiểu học Tham Đôn, quy hoạch cầu Dù Tho, xây dựng đường đàu nối Tân Phước đến Cao Đào Viên, ... Trong đó:

+ Đất giao thông có 947,69 ha, tăng 441,08 ha so với năm 2010, tăng 69,78 ha so với năm 2015;

+ Đất thủy lợi có 1.686,57 ha, giảm 123,66 ha so với năm 2010, tăng 28,19 ha so với năm 2015;

+ Đất công trình năng lượng có 2,25 ha, tăng 1,42 ha so với năm 2010, tăng 1,12 ha so với năm 2015;

+ Đất công trình bưu chính viễn thông có 0,36 ha, giảm 0,09 ha so với năm 2010, tăng 0,01 ha so với năm 2015;

+ Đất cơ sở văn hoá có 0,63 ha, giảm 0,21 ha so với năm 2010, giữ nguyên so với năm 2015;

+ Đất cơ sở y tế có 3,39 ha, tăng 1,18 ha so với năm 2010, tăng 0,01 ha so với năm 2015;

+ Đất cơ sở giáo dục có 65,27 ha, tăng 21,46 ha so với năm 2010, tăng 2,85 ha so với năm 2015;

+ Đất thể dục - thể thao có 11,51 ha, tăng 7,36 ha so với năm 2010, tăng 5,66 ha so với năm 2015.

+ Đất chợ có 0,77 ha, tăng 0,20 ha so với năm 2010, giữ nguyên so với năm 2015.

- Đất có di tích, lịch sử - văn hóa năm 2020 có 1,43 ha, tăng 0,96 ha so với năm 2010, tăng 0,27 ha so với năm 2015.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2020 có 5,64 ha, tăng 4,53 ha so với năm 2010, tăng 2,15 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do đã thực hiện xong dự án Xây dựng chôn lấp và xử lý rác thải xã Thanh Phú.

- Diện tích đất ở nông thôn năm 2020 có 5,64 ha, tăng 35,89 ha so với năm 2010, tăng 100,72 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do thực hiện xong dự án: Quy hoạch đất ở khu TT xã Ngọc Tố, chia lô đấu giá các điểm trường không có

nhu cầu sử dụng trên địa bàn (trường tiểu học Ngọc Tố 1, trường tiểu học Thanh Phú 2)

- Diện tích đất ở đô thị năm 2020 có 91,28 ha, tăng 4,93 ha so với năm 2010, tăng 15,01 ha so với năm 2015. Diện tích tăng tại thị trấn Mỹ Xuyên do quy hoạch mở rộng và nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ các loại đất như đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng lúa sang đất ở đô thị.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2020 có 37,61 ha, tăng 20,43 ha so với năm 2010, giảm 24,54 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do cập nhật số liệu hiện trạng theo đo đạc lại bản đồ địa chính các xã, thị trấn và số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm.

- Đất cơ sở tôn giáo năm 2020 có 44,68 ha, giảm 8,07 ha so với năm 2010, tăng 0,67 ha so với năm 2015. Diện tích tăng, giảm do cập nhật số liệu hiện trạng theo đo đạc lại bản đồ địa chính các xã, thị trấn và số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm.

- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2020 có 59,48 ha, giảm 49,25 ha so với năm 2010, giảm 0,14 ha so với năm 2015. Diện tích tăng, giảm do cập nhật số liệu hiện trạng theo đo đạc lại bản đồ địa chính các xã, thị trấn và số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm. Đồng thời, có một phần diện tích tăng do thực hiện xong các công trình, dự án: Xây dựng khu nghĩa trang nghĩa địa tại ấp Vĩnh B, Xây dựng nghĩa địa ấp Rạch Sên.

- Đất sinh hoạt cộng đồng năm 2020 có 2,67 ha, tăng 2,67 so với năm 2010, tăng 0,43 ha so với năm 2015. Diện tích năm 2020 tăng hơn năm 2010 do kiểm kê năm 2010 không có loại đất này. Diện tích tăng so với năm 2015 do thực hiện kiểm kê, cập nhật lại theo phương pháp mới.

- Đất tín ngưỡng năm 2020 có 6,23 ha tăng 6,23 ha so với năm 2010, tăng 0,24 ha so với năm 2015. Diện tích tăng, giảm do cập nhật số liệu hiện trạng theo đo đạc lại bản đồ địa chính các xã, thị trấn và số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2020 có 982,17 ha, giảm 244,53 ha so với năm 2010, giảm 0,24 ha so với năm 2015.

- Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2020 có 3,95 ha, tăng 2,57 ha so với năm 2010, giảm 0,05 ha so với năm 2015. Diện tích tăng, giảm do cập nhật số liệu hiện trạng theo đo đạc lại bản đồ địa chính các xã, thị trấn và số liệu thống kê, kiểm kê đất đai qua các năm.

2.2.3. Đất khu đô thị

Đất đô thị năm 2020 có 1.493,91 ha, giảm 1,14 ha so với năm 2010, tăng 18,12 ha so với năm 2015. Diện tích tăng do cập nhật từ kết quả kiểm kê.

2.2.4. Quy luật biến động đất đai

Từ kết quả nghiên cứu quy luật biến động đất đai những năm qua cho thấy đất đai huyện Mỹ Xuyên biến động theo quy luật sau:

- Đất nông nghiệp giảm dần nhằm giải quyết nhu cầu đất cho các mục đích công nghiệp hóa, phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH.

- Đất phi nông nghiệp tăng lên cùng với quá trình gia tăng dân số tự nhiên và sự phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, công nghiệp và các công trình xây dựng khác.

Những năm qua các loại đất đều có sự biến động, đất nông nghiệp có xu hướng giảm dần, đất phát triển hạ tầng, đất ở nông thôn và đô thị tăng phù hợp với quy luật phát triển nền kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân làm cho bộ mặt nông thôn và đô thị có nhiều thay đổi. Tuy nhiên những năm tới cùng với sự phát triển nhanh của nền kinh tế thị trường, nhu cầu sử dụng đất cho các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng, khu (cụm) công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nhà ở đô thị và nông thôn sẽ tăng mạnh, yêu cầu đặt ra là phải lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để vừa bảo vệ nghiêm ngặt vùng đất lúa năng suất cao vừa đáp ứng yêu cầu sử dụng đất vào mục đích khác cho phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất. Đặc biệt phải chú trọng đầu tư khai thác cả chiều rộng và chiều sâu, khai thác đất chưa sử dụng và nâng cao hệ số sử dụng đất.

2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

2.3.1.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội

Quá trình phát triển nhanh kinh tế - xã hội của huyện theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong những năm qua đã kéo theo việc thay đổi rất lớn trong bố trí sử dụng các loại đất.

- Sản xuất nông nghiệp từng bước áp dụng khoa học kỹ thuật trong việc bố trí cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và đất đai trên địa bàn huyện nên hiệu quả sử dụng đất tăng lên đáng kể, năng suất các loại cây trồng vật nuôi và giá trị sản phẩm đều tăng, đáp ứng nhu cầu lương thực tại chỗ cho nhân dân, môi trường sinh thái cũng ngày càng được cải thiện.

- Các loại đất phi nông nghiệp tăng đáng kể đã góp phần làm cho diện mạo khu đô thị, khu dân cư ngày càng khang trang hơn, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi công cộng ngày càng hoàn thiện...

- Đất ở nông thôn, đất ở đô thị và hệ thống cơ sở hạ tầng: giao thông, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục... đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của người dân. Nhưng trong thời gian tới cùng với sự gia tăng dân số (*tự nhiên, cơ học*), việc bố trí quỹ đất phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn,... nhằm tạo điều kiện cho nền kinh tế huyện phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị được chỉnh trang đáp ứng mục tiêu phát triển của huyện, cần phải tiếp tục được mở rộng, nâng cấp, cải tạo các công trình này.

2.3.1.2. Hiệu quả môi trường

- Huyện Mỹ Xuyên những năm gần đây quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhanh diễn ra nhanh chóng đã dẫn đến việc khai thác sử dụng đất cho các mục đích dân sinh, kinh tế với cường độ ngày càng cao. Điều này đã tác động không nhỏ tới môi trường tự nhiên của huyện dẫn đến đất đai có xu hướng bị suy thoái, nguồn nước bị ô nhiễm... Ngoài ra, do tập quán canh tác truyền thống, chưa có biện pháp bảo vệ đất hiệu quả nhiều khu vực còn bị úng lụt vào mùa mưa. Đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng bất lợi đến tài nguyên đất trên địa bàn huyện.

- Trong quá trình sử dụng đất gây ô nhiễm môi trường cục bộ do việc sử dụng các chất hoá học không có sự kiểm soát trong nông nghiệp đã và đang là nguyên nhân làm giảm số lượng của nhiều loại vi sinh vật có ích và làm ô nhiễm môi trường đất. Ngoài ra, ô nhiễm môi trường do các hoạt động giao thông, tiểu thủ công nghiệp, tập quán sinh hoạt của người dân, các chất thải, nước thải, rác thải trong các khu dân cư đô thị, các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh... chưa được thu gom xử lý triệt để cũng là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường sống cũng như tác động xấu đến môi trường đất.

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

2.3.2.1. Cơ cấu sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện là 37.314,08 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp có diện tích 32.525,25 ha, chiếm 87,17 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp có diện tích 4.788,83 ha, chiếm 12,83 % tổng diện tích đất tự nhiên.

Qua số liệu hiện trạng cho thấy cơ cấu đất đai trên địa bàn huyện được bố trí tương đối hợp lý, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế - xã hội, phù hợp với quá trình phát triển.

2.3.2.2. *Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội*

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm qua đã kéo theo việc thay đổi lớn trong việc bố trí sử dụng các loại đất. Diện tích đất nông nghiệp (đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp) tuy phải chuyển một phần để xây dựng phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư và xây dựng kết cấu hạ tầng..., nhưng năng suất các loại cây trồng, vật nuôi và giá trị sản phẩm trên 1 ha canh tác đều tăng. Các loại đất phi nông nghiệp tăng đáng kể đã góp phần làm cho diện mạo các khu đô thị ngày càng khang trang hơn, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi công cộng ngày càng được hoàn thiện... Đất đai trên địa bàn huyện ngày càng được quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.

- Đất sản xuất nông nghiệp đã được giao ổn định đến người dân cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hoá đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi; khôi phục và phát triển nhiều vườn cây ăn quả, phát triển cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao. Mặc dù, đất sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm trong những năm qua, nhưng hiệu quả sử dụng đất đã tăng đáng kể.

- Quỹ đất dành cho chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị và nông thôn vẫn tiếp tục mở rộng. Việc bố trí đất ở trong các khu dân cư, trung tâm xã đồng bộ với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, nước, các công trình dịch vụ và vui chơi giải trí,... đã làm cho diện mạo các khu dân cư ngày càng khang trang, hiện đại hơn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người dân.

- Quỹ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng góp phần đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hoá ở địa phương.

- Quỹ đất dành cho phát triển hệ thống giao thông, thuỷ lợi,... cũng tăng đáng kể. Nhiều tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường trong các khu dân cư mới,... được nâng cấp mở rộng, phong trào làm đường giao thông nông thôn phát triển góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển giao lưu giữa các phường, xã trong và ngoài huyện.

- Quỹ đất dành cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục - thể thao và các công trình phúc lợi khác cũng được mở rộng đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng khám chữa bệnh và đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

2.3.2.3. Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Hiện nay, trên địa bàn huyện đã thực hiện nhiều chính sách, giải pháp tương đối toàn diện liên quan đến vấn đề đầu tư vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất. Mọi đối tượng sử dụng đất và chủ sử dụng đất đều có cơ hội nhận được sự đầu tư và có thể đầu tư đất đai theo năng lực của mình. Các hình thức khuyến khích cụ thể như sau:

- Đầu tư vốn bằng tiền, cho vay trực tiếp đến người sử dụng đất theo các chương trình dự án và thông qua hệ thống các ngân hàng, quỹ tín dụng.

- Đầu tư ứng trước các loại vật tư nông nghiệp, con giống, cung cấp các dịch vụ khoa học kỹ thuật tới từng địa phương, từng hộ gia đình cá nhân.

- Phối hợp tốt với các cơ quan hữu quan, cân đối kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường hàng năm để tham mưu cho UBND huyện, thông qua HĐND phân bổ cho các phòng, ban và các đơn vị hành chính các xã, thị trấn đảm bảo kịp thời và hiệu quả.

- Hoạt động đầu tư của khu vực tư nhân được đẩy nhanh, phù hợp với chính sách kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực phát triển công nghiệp và đô thị của huyện.

- Hoạt động đầu tư từ ngân sách địa phương không ngừng được tăng cường, tuy nhiên do điều kiện ngân sách hạn chế, kinh phí tập trung cho công tác giải phóng mặt bằng xây dựng các trục giao thông chính và chỉnh trang các khu hiện hữu còn ít so với nhu cầu. Trong tình hình hiện nay, với điều kiện kinh tế ngày càng phát triển, cộng với yêu cầu hiện đại hóa và chủ trương tập trung xây dựng các đô thị làm động lực thúc đẩy kinh tế xã hội, hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng sẽ có bước phát triển mạnh.

- Chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất đi đôi với tiến bộ kỹ thuật canh tác được xác định là khâu đột phá, thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.

2.4.1. Những tồn tại chủ yếu trong sử dụng đất

Huyện Mỹ Xuyên nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh nên những năm qua được sự quan tâm của Tỉnh đã có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế và xã hội. Việc tăng cường quản lý nhà nước về đất đai trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội góp phần không nhỏ vào việc khai thác sử dụng đất hợp lý, hiệu quả. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các nền kinh tế, áp

lực của việc gia tăng dân số và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực ngày càng gia tăng đã gây nên sức ép không nhỏ trong việc sử dụng đất, điều đó đã làm nảy sinh nhiều vấn đề tồn tại cần được quan tâm.

Việc phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đồng nghĩa với việc gia tăng các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh... cùng với việc giải quyết nhu cầu đất ở cho người dân, việc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp còn khá phức tạp do hình thái khu dân cư phân bố không đồng đều và rải rác trên địa bàn huyện. Một số dự án triển khai chậm ảnh hưởng đến tâm lý sản xuất của người dân. Việc đào tạo chuyển đổi ngành nghề chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến tình trạng dư thừa lao động và thiếu việc làm ngày càng có xu hướng tăng.

Sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp chưa rõ nét; chuyển đổi cơ cấu cây trồng chưa thực sự hợp lý; tăng trưởng trong lĩnh vực chăn nuôi còn chậm, lợi thế của huyện chưa được phát huy mạnh mẽ.

Dịch vụ thương mại còn nhỏ lẻ, thu hút lao động còn ít. Hoạt động dịch vụ đang chủ yếu là lao động thủ công, một bộ phận lớn nguồn lao động trẻ đi làm ăn xa do địa phương chưa tạo được nhiều việc làm tại chỗ, thu nhập của người dân còn thấp, chủ yếu là thu nhập ở nền kinh tế nông nghiệp.

Công nghiệp – xây dựng mặc dù đã có định hướng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và chưa khai thác do chưa bố trí được nguồn vốn để triển khai thực hiện; kết cấu hạ tầng ở một số xã còn yếu và thiếu (hệ thống giao thông, thủy lợi...). Quỹ đất dành cho các hoạt động văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo chưa được bố trí thỏa đáng và hợp lý.

Để khắc phục tình trạng trên, cần quan tâm hơn nữa công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm đất đai. Mặt khác, cần tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai một cách rộng rãi đến từng người dân, giúp họ có ý thức, trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng đất.

2.4.2. Nguyên nhân của những tồn tại trong sử dụng đất

Công tác quản lý, giám sát hoạt động sử dụng đất của các chủ sử dụng trên thực tế chưa thực hiện triệt để, nhất là trong lĩnh vực khai thác, nên tình trạng khai thác không theo quy trình vẫn còn xảy ra dẫn đến xói mòn, bồi lấp đất canh tác.

Tổ chức thực hiện quy hoạch còn có sự nhượng bộ khi chấp thuận đầu tư. Trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã cố gắng phân bổ sử dụng đất cho từng ngành, lĩnh vực. Nhưng trên thực tế triển khai, một số nhà đầu tư lại không muốn đầu tư vào những vị trí đã quy hoạch mà muốn chuyển vị trí khác. Để tranh thủ nguồn vốn và khuyến khích đầu tư nên nhiều trường hợp được chấp thuận sau đó

lại không thực hiện. Điều này gây không ít xáo trộn trong quy hoạch, làm phát sinh công trình ngoài quy hoạch được duyệt.

Trong quá trình sử dụng đất, một số doanh nghiệp vẫn chưa tuân thủ quy định chặt chẽ về bảo vệ môi trường dẫn đến ô nhiễm môi trường. Nhận thức của người dân về chính sách đất đai chưa đồng đều, ý thức của người sử dụng đất chưa cao, chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai.

Khâu kiểm tra, giám sát, chỉ đạo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn buông lỏng, chưa kịp thời rà soát, xử lý những bất cập trong quá trình thực hiện và chưa kịp thời kiến nghị cơ chế, chính sách, chế tài thực hiện.

2.4.3. Giải pháp khắc phục những tồn tại trong việc sử dụng đất

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tăng cường sức hút đầu tư phát triển kinh tế, đô thị bằng những chính sách hợp lý cũng như ưu tiên đầu tư vốn cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Xây dựng quy hoạch thống nhất trên địa bàn toàn huyện, quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích.

- Vận động và tuyên truyền hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện tốt chính sách pháp luật về đất đai của Nhà nước.

- Công tác lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuân thủ theo Luật đất đai năm 2013, cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời chỉnh lý biến động đất đai trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên, nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn của cán bộ các cấp, các ngành thông qua chương trình tập huấn và đào tạo nguồn nhân lực.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

3.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Mỹ Xuyên và Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Mỹ Xuyên đã được UBND tỉnh phê duyệt. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2020 được đánh giá so sánh với kết quả thực hiện sử dụng đất năm 2020. Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Bảng 8: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Diện tích năm 2010	Chỉ tiêu ĐCQHSDĐ đến năm 2020		Diện tích năm 2020	Kết quả thực hiện đến năm 2020		
				Diện tích	Tăng giảm trong kỳ QH		Diện tích đã chuyển mục đích	Tăng giảm so với QH được duyệt	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(6)	(10)=(8)/(6)*100
	Tổng diện tích tự nhiên		37.188,42	37.370,80	182,38	37.314,08	125,66	-56,72	
1	Đất nông nghiệp	NNP	32.572,82	30.801,51	-1.771,31	32.525,25	-47,57	1.723,74	2,69
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất lúa nước	LUA	10.725,19	8.498,93	-2.226,26	9.076,45	-1.648,74	577,52	74,06
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.452,86</i>	8.498,93	-953,93	9.076,45	-376,41	577,52	39,46
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	481,78	774,07	292,29	1.156,84	675,06	382,77	230,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.009,28	2.349,46	-659,82	3.215,96	206,68	866,50	-31,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	18.356,57	19.141,89	785,32	19.047,17	690,60	-94,72	87,94
1.8	Đất làm muối	LMU							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Diện tích năm 2010	Chỉ tiêu ĐCQHSDĐ đến năm 2020		Diện tích năm 2020	Kết quả thực hiện đến năm 2020		
				Diện tích	Tăng giảm trong kỳ QH		Diện tích đã chuyển mục đích	Tăng giảm so với QH được duyệt	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(6)	(10)=(8)/(6)*100
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	9,10	37,16	28,06	28,83	19,73	-8,33	77,58
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.615,60	6.569,29	1.953,69	4.788,83	173,23	-1.780,46	8,87
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	37,23	92,75	55,52	43,06	5,83	-49,69	10,51
2.2	Đất an ninh	CAN	2,05	14,98	12,93	2,12	0,07	-12,86	0,51
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK							
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		62,00	62,00			-62,00	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		54,05	54,05	22,54	22,54	-31,51	41,69
2.6	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	24,71	161,72	137,01	46,70	21,99	-115,02	16,05
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	1,48		-1,48		-1,48		
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.369,70	3.625,36	1.255,66	2.829,67	459,97	-795,69	36,63
	<i>Trong đó:</i>								
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>506,61</i>	<i>1.564,14</i>	<i>1.057,53</i>	<i>947,69</i>	<i>441,08</i>	<i>-616,45</i>	<i>41,71</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>1.810,23</i>	<i>1.686,30</i>	<i>-123,93</i>	<i>1.686,57</i>	<i>-123,66</i>	<i>0,27</i>	<i>99,78</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Diện tích năm 2010	Chỉ tiêu ĐCQHSDĐ đến năm 2020		Diện tích năm 2020	Kết quả thực hiện đến năm 2020		
				Diện tích	Tăng giảm trong kỳ QH		Diện tích đã chuyển mục đích	Tăng giảm so với QH được duyệt	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(6)	(10)=(8)/(6)*100
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,84	16,82	15,98	0,63	-0,21	-16,19	-1,34
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,21	11,64	9,43	3,39	1,18	-8,25	12,53
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	43,81	181,03	137,22	65,27	21,46	-115,76	15,64
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,15	51,45	47,30	11,51	7,36	-39,94	15,55
	Đất công trình năng lượng	DNL	0,83	108,33	107,50	2,25	1,42	-106,08	1,32
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,45	0,44	-0,01	0,36	-0,09	-0,08	904,90
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG							
	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	0,47	2,20	1,73	1,43	0,96	0,77	55,76
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,11	23,85	22,74	5,64	4,53	18,21	19,92
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	52,75	44,01	-8,74	44,68	-8,07	0,67	92,31
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	108,73	70,29	-38,44	59,48	-49,25	-10,81	128,12
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH							
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Diện tích năm 2010	Chỉ tiêu ĐCQHSDĐ đến năm 2020		Diện tích năm 2020	Kết quả thực hiện đến năm 2020		
				Diện tích	Tăng giảm trong kỳ QH		Diện tích đã chuyển mục đích	Tăng giảm so với QH được duyệt	Tỷ lệ thực hiện (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(6)	(10)=(8)/(6)*100
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>0,57</i>	<i>5,21</i>	<i>4,64</i>	<i>0,77</i>	<i>0,20</i>	<i>-4,44</i>	<i>4,23</i>
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		7,74	7,74	2,67	2,67	-5,07	34,53
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		12,51	12,51			-12,51	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	684,93	962,80	277,87	720,82	35,89	-241,98	12,92
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	86,35	137,97	51,62	91,28	4,93	-46,69	9,55
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,18	39,61	22,43	37,61	20,43	-2,00	91,08
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN							
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		5,99	5,99	6,23	6,23	0,24	104,04
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.226,70	952,97	-273,73	982,17	-244,53	29,20	89,33
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							
3	Đất chưa sử dụng	CSD							

Tổng diện tích tự nhiên theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là 37.370,80 ha, diện tích thực hiện đến năm 2020 là 37.314,08 ha, giảm 56,72 ha là do sử dụng bản đồ địa giới hành chính mới theo Quyết định 513/QĐ-CP của Chính phủ về hiện đại hóa đường địa giới hành chính các cấp, tỉnh Sóc Trăng và trong đó có điều chỉnh hiệp thương, xác định lại địa giới hành chính cho phù hợp với hiện trạng đang sử dụng.

3.1.1.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu đất nông nghiệp quy hoạch đến năm 2020 là 30.801,51 ha, kết quả thực hiện được 32.525,25, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 1.723,74 ha, đạt 94,70% so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước): kết quả thực hiện đến năm 2020 là 9.076,45 ha, diện tích được giảm trong kỳ quy hoạch là 2.226,26 ha, diện tích đã thực hiện chuyển mục đích được 1.648,74 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 577,52 ha (8.498,93ha), đạt 74,06%. Nguyên nhân do chưa thu hồi, chuyển mục đích các công trình, dự án lấy vào đất lúa nhưng chưa thực hiện được như: Khu vực phòng thủ của tỉnh (trung đoàn 897); khu ký túc xá sinh viên của trường đại học và cao đẳng Sóc Trăng; đường huyện 57; đường huyện 51, đường huyện 55... và các dự án xây dựng hạ tầng giáo dục, văn hóa; dự án xây dựng khu dân cư trên địa bàn.

- Đất trồng cây hàng năm khác năm 2020 có 1.156,84 ha, diện tích được tăng trong kỳ quy hoạch là 292,29 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 675,06 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 382,77 ha (774,07ha), đạt 230,96% vượt chỉ tiêu đề ra. Trong kỳ quy hoạch đã thực hiện thu hồi, chuyển mục đích các công trình, dự án có sử dụng vào đất trồng cây hàng năm như: Diện tích trường mẫu giáo, trường tiểu học Tham Đôn; trường trung học cơ sở Thạnh Phú, đường huyện 50; đường tỉnh 934... Ngoài ra, chỉ tiêu vượt kế hoạch một phần do thay đổi phương pháp thống kê, kiểm kê theo thông tư 27/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê.

- Đất trồng cây lâu năm: năm 2020 có 3.215,96 ha, diện tích được giảm trong kỳ quy hoạch là 659,82 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 206,68 ha, cao hơn 866,50 ha so với chỉ tiêu được duyệt (2.349,46ha), đạt 31,32%. Nguyên nhân do chưa thu hồi, chuyển mục đích các công trình, dự án có lấy vào đất trồng cây lâu năm như các dự án xây dựng khu dân cư, cụm công nghiệp, các dự án phát triển hạ tầng..., mặt khác do thay đổi phương pháp thống kê giữa các kỳ 2014,2019, phần lớn diện tích đất trồng cây lâu năm nằm xen kẽ, nhỏ lẻ trong khu dân cư được bóc tách diện tích cụ thể và chính xác hơn.

- Đất nuôi trồng thủy sản năm 2020 có 19.047,17 ha, diện tích được tăng trong kỳ quy hoạch là 785,32 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 690,60 ha, thấp hơn 94,72 ha so với chỉ tiêu được duyệt (19.141,89ha), đạt 87,94%. Diện tích tăng do phát triển mô hình nuôi trồng thủy sản chất lượng cao, ngoài ra một phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản được tính toán lại theo phương pháp thống kê, kiểm kê mới theo thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

- Đất nông nghiệp khác: năm 2020 có 28,83 ha, diện tích được tăng trong kỳ quy hoạch là 28,06 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 19,73 ha, thấp hơn 8,33 ha so với chỉ tiêu được duyệt (37,16 ha), đạt 77,58%. Loại đất này có xu hướng tăng do trong giai đoạn qua huyện Mỹ Xuyên tiếp tục phát triển mô hình trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung. Đồng thời trong kỳ kiểm kê đất đai có sự thay đổi về phương pháp thống kê kiểm kê đất đai cũng dẫn tới sự biến động lớn về diện tích đất nông nghiệp khác.

3.1.1.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2020 có 4.788,83 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 1.953,69 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 173,23 ha, thấp hơn 1.780,46 ha so với chỉ tiêu được duyệt (6.569,29ha), đạt 8,87%. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: năm 2020 có 43,06 ha, diện tích được tăng trong kỳ quy hoạch là 55,52 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 5,83 ha, thấp hơn 49,69 ha so với chỉ tiêu được duyệt (92,75 ha), đạt 10,51%. Diện tích thấp hơn do chưa thực hiện dự án xây dựng Ban chỉ huy quân sự huyện Mỹ Xuyên; Khu vực phòng thủ của tỉnh (trung đoàn 897);

- Đất an ninh năm 2020 có 2,12 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 12,93 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 0,07 ha, thấp hơn 12,86 ha so với chỉ tiêu được duyệt (14,98 ha), đạt 0,51%. Diện tích thực hiện thấp hơn do chưa thực hiện xây dựng trụ sở công an trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu theo quy hoạch được duyệt là 62,00 ha. Trong giai đoạn qua, huyện chưa thực hiện cụm công nghiệp Hòa Tú 2 (Xây dựng khu phụ trợ cụm công nghiệp 5ha) và cụm công nghiệp Thạnh Phú trên địa bàn huyện.

- Đất thương mại dịch vụ: năm 2020 có 22,54 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 54,05 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 22,54 ha, thấp hơn 31,51 ha so với chỉ tiêu được duyệt (54,05 ha), đạt 41,69%. Diện tích thực hiện thấp hơn do chưa thực hiện các dự án xây dựng điểm kinh doanh dịch vụ (chuyển mục đích) trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: năm 2020 có 46,70 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 137,01 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 21,99 ha, thấp hơn 115,02 ha so với chỉ tiêu được duyệt (161,72 ha), đạt 16,05%. Diện tích thực hiện thấp hơn do chưa thực hiện các công trình xây dựng điểm tiêu thụ công nghiệp; trạm cấp nước trên địa bàn các xã, thị trấn; mở rộng công ty TNHH Khánh Sùng; mở rộng DNTN Hưng Thạnh...

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2020 có 2.829,67 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 1.255,66 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 459,97 ha, thấp hơn 795,69 ha so với chỉ tiêu được duyệt (3.625,36 ha), đạt 36,63%. Diện tích đất phát triển hạ tầng nổi bật nhất là đã thu hồi: Nâng cấp, mở rộng đường huyện 51; Dự án đầu tư tuyến đường trục phát triển kinh tế nối liền từ thành phố Sóc Trăng qua cầu Dù Tho đến vùng kinh tế trọng điểm Tôm - Lúa Mỹ Xuyên ; Đường huyện 50, đoạn A4-B4... Trong đó cụ thể:

+ Đất giao thông: năm 2020 có 947,69 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 1.057,53 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 441,08 ha, thấp hơn 616,45 ha so với chỉ tiêu được duyệt (1.564,14 ha), đạt 41,71%. Nguyên nhân kết quả thực hiện đạt thấp do chưa thực hiện các công trình dự án gồm: mở rộng đường tỉnh 936,936B; hệ thống đường huyện 52, 55, 56,57 và các tuyến đường liên thôn, liên xã. Bên cạnh đó, một số công trình, dự án đã thực hiện xong gồm: nâng cấp, mở rộng đường huyện 51; Dự án đầu tư tuyến đường trục phát triển kinh tế nối liền từ thành phố Sóc Trăng qua cầu Dù Tho đến vùng kinh tế trọng điểm Tôm - Lúa Mỹ Xuyên ; Đường huyện 50, đoạn A4-B4...;

+ Đất thủy lợi: năm 2020 có 1.686,57 ha, diện tích được giảm trong kỳ quy hoạch là 123,93 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 123,66 ha, thấp hơn 0,27 ha so với chỉ tiêu được duyệt (1.686,30 ha), đạt 99,98%. Diện tích đất thủy lợi đạt cao do được tính toán lại theo phương pháp thống kê, kiểm kê mới theo thông tư số 27/2018/TT-BTNMT;

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: năm 2020 có 0,63 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 15,98 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 0,21 ha, thấp hơn 16,19 ha so với chỉ tiêu được duyệt (16,82 ha), đạt 1,34%. Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa đạt thấp do trong kỳ quy hoạch các dự án đề xuất chưa thực hiện như: Mở rộng bia Phú Lợi; Khu bến đò và phục vụ khách tham quan chùa Sro Lôn; xây dựng mới trung tâm văn hóa xã mới (sau khi tách về TP Sóc Trăng);

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: năm 2020 có 3,39 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch 9,43 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 1,18 ha, thấp hơn 8,25 ha so với chỉ tiêu được duyệt (11,64 ha), đạt 12,53%. Diện tích thực hiện đạt thấp do trong kỳ quy hoạch các dự án đề xuất nhưng chưa thực hiện như: trung tâm y tế huyện Mỹ

Xuyên; Trạm y tế Gia Hòa 2; xây dựng trạm y tế mới (sau khi tách về TP Sóc Trăng); xây dựng mới 01 trạm y tế đạt chuẩn xã Đại Tâm;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo: năm 2020 có 65,27 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 137,22 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 21,46 ha, thấp hơn 115,76 ha so với chỉ tiêu được duyệt (181,03 ha), đạt 15,64%. Diện tích đạt thấp do chưa thực hiện dự án trường đại học và cao đẳng Sóc Trăng, các dự án xây dựng trường mầm non, trường tiểu học trên địa bàn các xã, thị trấn;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao: năm 2020 có 11,51 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 47,30 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 7,36 ha, thấp hơn 39,94 ha so với chỉ tiêu được duyệt (51,45ha), đạt 15,55%. Diện tích thực hiện đạt thấp do các dự án xây dựng trung tâm văn hóa – thể thao huyện tại xã Hòa Tú 1 và các sân thể thao tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện chưa thực hiện xong ;

+ Đất công trình năng lượng: năm 2020 có 2,25 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 107,50 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 1,42 ha, thấp hơn 106,08 ha so với chỉ tiêu được duyệt (108,33 ha), đạt 1,32%. Kết quả thực hiện đạt thấp do chưa thực hiện dự án điện mặt trời, dự án xây dựng đường dây và trạm biến áp tại các xã, thị trấn;

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: năm 2020 có 0,36 ha, diện tích giảm trong kỳ quy hoạch là 0,01 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 0,09 ha, vượt chỉ tiêu được duyệt (0,44 ha). Diện tích thực hiện vượt do thực hiện xong dự án bưu điện huyện Mỹ Xuyên tại xã Gia Hòa 2 và bưu điện xã Ngọc Đông. Một phần do tính toán lại theo phương pháp thống kê, kiểm kê mới theo thông tư số 27/2018/TT-BTNMT;

+ Đất có di tích lịch sử, văn hóa: năm 2020 có 1,43 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 1,73 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 0,96 ha, thấp hơn 0,77 ha so với chỉ tiêu được duyệt (2,20 ha), đạt 55,76%. Diện tích thực hiện chưa đạt so với quy hoạch được duyệt do chưa thực hiện xong dự án mở rộng bia Phú Lợi tại xã Hòa Tú 1;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: năm 2020 có 5,64 ha, diện tích được tăng trong kỳ quy hoạch là 22,74 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 4,53 ha, thấp hơn 18,21 ha so với chỉ tiêu được duyệt (23,85 ha), đạt 19,92%. Diện tích thực hiện đạt thấp do trong kỳ quy hoạch chỉ thực hiện xong dự án xây dựng bãi chôn lấp và xử lý rác thải tại xã Thạnh Phú, các điểm quy hoạch bãi thải, xử lý chất thải tại thị trấn và các xã còn lại chưa thực hiện xong;

+ Đất xây dựng cơ sở tôn giáo: năm 2020 có 44,68 ha, diện tích giảm trong kỳ quy hoạch là 8,74 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 8,07 ha, thấp hơn 0,67 ha

so với chỉ tiêu được duyệt (44,01 ha), đạt 92,31%. Diện tích đất tôn giáo đạt cao do được tính toán lại theo phương pháp thống kê, kiểm kê mới theo thông tư số 27/2018/TT-BTNMT;

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: năm 2020 có 59,48 ha, diện tích giảm trong kỳ quy hoạch là 38,44 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 49,25 ha, cao hơn 10,81 ha so với chỉ tiêu được duyệt (70,29 ha), đạt 128,12%. Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng cao do đã thực hiện xong các dự án: xây dựng nghĩa trang tại xã Gia Hòa 1 và xã Thanh Phú; đồng thời diện tích được tính toán lại theo phương pháp thống kê, kiểm kê mới theo thông tư số 27/2018/TT-BTNMT;

+ Đất chợ: năm 2020 có 0,77 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 4,64 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 0,20 ha, thấp hơn 4,44 ha so với chỉ tiêu được duyệt (5,21 ha), đạt 4,23%. Kết quả thực hiện đạt thấp do chưa thực hiện các dự án xây dựng chợ trên địa bàn các xã Gia Hòa 1, Ngọc Tố, Thanh Phú, Thanh Quới, Ngọc Đông, Hòa Tú 1, Hòa Tú 2.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: năm 2020 có 2,67 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 7,74 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 2,67 ha, thấp hơn 5,07 ha so với chỉ tiêu được duyệt (7,74 ha), đạt 34,53%. Diện tích thấp hơn do trong kỳ quy hoạch chưa thực hiện các công trình xây dựng nhà văn hóa trên địa bàn xã, thị trấn.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Chỉ tiêu theo quy hoạch được duyệt đến năm 2020 12,51 ha. Trong giai đoạn qua huyện chưa thực hiện các dự án xây dựng khu vui chơi giải trí trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Đất ở tại nông thôn: năm 2020 có 720,82 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 277,87 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 35,89 ha, thấp hơn 241,98 ha so với chỉ tiêu được duyệt (962,80 ha), đạt 12,92%. Diện tích thấp hơn do chưa thực hiện các dự án bố trí đất ở mới tại các ấp trên địa bàn các xã, một phần diện tích tăng do cập nhật lại theo số liệu thống kê, kiểm kê theo phương pháp mới.

- Đất ở tại đô thị: năm 2020 có 91,28 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 51,62 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 4,93 ha, thấp hơn 46,69 ha so với chỉ tiêu được duyệt (137,97 ha), đạt 9,55%. Diện tích chưa thực hiện được do chưa thực hiện các dự án quy hoạch đất ở mới, đấu giá các khu đất công trên địa bàn thị trấn Mỹ Xuyên, một phần diện tích tăng do cập nhật lại theo số liệu thống kê, kiểm kê theo phương pháp mới.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: năm 2020 có 37,61 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 22,43 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 20,43 ha, thấp hơn 2,00 ha so với chỉ tiêu được duyệt (39,61 ha), đạt 91,08%. Diện tích thấp hơn do chưa xây dựng khu hành chính xã trên địa bàn xã Thanh Phú; xây dựng trạm khí tượng thủy

văn trên địa bàn xã Đại Tâm; Xây dựng trụ sở chi nhánh ngân hàng, khu hành chính trên địa bàn xã Ngọc Tố.

- Đất tín ngưỡng: năm 2020 có 6,23 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 5,99 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 6,23 ha, cao hơn 0,24 ha so với chỉ tiêu được duyệt (5,99 ha), đạt 104,04%. Diện tích tăng do cập nhật lại theo số liệu thống kê, kiểm kê.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: năm 2020 có 982,17 ha, diện tích giảm trong kỳ quy hoạch là 273,73 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 244,53 ha, thấp hơn 29,20 ha so với chỉ tiêu được duyệt (952,97 ha), đạt 89,33%.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: năm 2020 có 3,95 ha, diện tích tăng trong kỳ quy hoạch là 297,11 ha, đã thực hiện chuyển mục đích 2,57 ha, còn thấp hơn 294,54 ha so với quy hoạch được duyệt 297,11 ha, đạt 1,32%. Diện tích thấp hơn do chưa thực hiện các dự án xây dựng hồ chứa nước chống xâm nhập mặn trên địa bàn các xã, thị trấn.

3.1.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án

- Giai đoạn 2011-2015:

Tổng số công trình dự án đăng ký trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) là 294 công trình dự án. Trong đó các chỉ tiêu thực hiện được:

+ Diện tích đất nông nghiệp tính đến năm 2015 có 32.887,96 ha, cao hơn 509,00 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2015 (32.378,96 ha), đạt 101,57%;

+ Diện tích đất phi nông nghiệp tính đến năm 2015 có 4.482,84 ha, thấp hơn 326,62 ha với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2015 (4.809,46 ha), đạt 93,21%. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp không đạt do không kêu gọi được nhà đầu tư vào dự án, thiếu nguồn vốn để xây dựng cơ bản nên nhiều công trình dự án dự kiến triển khai thực hiện trong năm 2015 chưa được triển khai thực hiện.

- Giai đoạn 2016-2020:

Tổng số công trình dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 là 393 công trình dự án. Trong đó:

+ Số công trình dự án đã thực hiện: 53 công trình, chiếm 13,5%

+ Số công trình dự án hủy bỏ không thực hiện tiếp: 59 công trình, chiếm 15,0%

+ Số công trình chuyển tiếp: 281 công trình, chiếm 75,5%

3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

3.2.1. Kết quả đạt được

- Nhóm đất nông nghiệp quy hoạch đến năm 2020 là 30.801,51 ha, kết quả thực hiện được 32.525,25, đạt 94,70% so với quy hoạch được duyệt.

- Nhóm đất phi nông nghiệp quy hoạch đến năm 2020 là 6.569,29 ha, kết quả thực hiện được 4.788,83 đạt 72,90 so với quy hoạch được duyệt.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Mỹ Xuyên đã triển khai kịp thời phù hợp với các quy hoạch vùng, ngành và các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh Sóc Trăng phân bổ trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên.

- Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn cơ bản đã căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, quy định hiện hành của nhà nước.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai từ cấp huyện đến cấp xã.

- Quy hoạch, kế hoạch cơ bản đã dự báo được nhu cầu của các cấp, các ngành sát với thực trạng phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn. Chủ động dành quỹ đất cho các ngành, các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng các điểm sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, khu tiểu thủ công nghiệp, các khu dân cư. Góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thực sự trở thành công cụ pháp lý hết sức quan trọng cho quản lý Nhà nước về đất đai, giúp Nhà nước thực hiện quyền lực về phân phối, điều tiết của mình trong quản lý đất đai. Những sửa đổi bổ sung của Luật Đất đai về thẩm quyền xét duyệt quy hoạch, đưa việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất gắn với quy hoạch từng thời kỳ phát triển kinh tế xã hội đã cho thấy vai trò ngày càng lớn của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3.2.2. Đánh giá tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất (2011-2020)

3.2.2.1. Tồn tại

- Nhiều công trình dự án có nhu cầu bức thiết, có lộ trình thực hiện nhưng do ngân sách không đảm bảo hoặc bị động về nguồn thu dẫn đến dự án phải dẫn tiến độ, nhất là các hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Nhiều khu vực quy hoạch không còn phù hợp với diễn biến của tình hình thực tế hoặc không còn hợp lý.

- Một số công trình thực hiện theo giai đoạn tuy nhiên do chưa có quy hoạch chi tiết và chưa phân kỳ đầu tư nên vẫn đưa thực hiện trong giai đoạn dẫn đến kết quả thực hiện thấp.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa điểm có hạng mục quy hoạch gặp nhiều khó khăn vướng mắc về cơ chế, giá đất,... làm chậm tiến độ đầu tư xây dựng có sử dụng đất theo kế hoạch.

- Chưa xác định rõ nội dung, mối quan hệ giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và quy hoạch của các ngành khác. Một số quy hoạch có mâu thuẫn, chông chéo nhau do cùng bố trí trong cùng một khu vực như quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch đất an ninh, quốc phòng.

3.2.2.2. Nguyên nhân

a, Nguyên nhân khách quan

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch của huyện được duyệt và đi vào triển khai thực hiện gặp khó khăn trong việc bố trí kinh phí, thủ tục đấu thầu mất nhiều thời gian. Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phải chờ quyết định giao vốn của các cấp có thẩm quyền mới có đủ cơ sở đưa các công trình, dự án vào trong năm kế hoạch.

- Trong kỳ quy hoạch, diện tích một số loại đất biến động ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch do một số nguyên nhân: Lập lại hồ sơ địa chính nên dẫn đến thay đổi diện tích; đặc biệt do thay đổi về phương pháp thống kê, kiểm kê một số chỉ tiêu sử dụng đất giữa các kỳ kiểm kê nên dẫn đến biến động không tuân theo quy luật...

- Quy định của pháp luật về đầu tư, bảo vệ đất trồng lúa, rừng phòng hộ... còn phức tạp, phải thực hiện qua nhiều bước, nhiều thủ tục, ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Hiện nay, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (đất công) và pháp luật về đầu tư, đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất còn chông chéo nên ảnh hưởng đến việc giao đất thực hiện dự án.

- Diễn biến khí hậu thời kỳ 2011 - 2020 có nhiều thay đổi bất thường, như lượng mưa cao, thời gian mưa ngắn, ảnh hưởng của chế độ lũ,... dẫn đến việc bố trí sử dụng đất có nhiều thay đổi đặc biệt về bố trí đất sản xuất nông nghiệp.

- Quy định trong thời gian qua về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn nhiều điểm chưa hợp lý: Quy hoạch sử dụng đất của cấp trên phải thể hiện nhu cầu sử dụng đất của cấp dưới làm cho nội dung quy hoạch ở cấp vĩ mô quá chi tiết phải thực hiện kéo dài; chông chéo nội dung giữa các cấp; quy hoạch ở cấp vĩ mô chưa đủ cơ sở để không chế, kiểm soát đối với quy hoạch của cấp dưới.

- Các đơn vị có liên quan hầu hết đều có nhận thức về dự án quy hoạch sử

dụng đất là bên ngành Tài nguyên và Môi trường nên trong giai đoạn đăng ký nhu cầu chưa thực sự đầu tư về mặt thời gian thích đáng dẫn tới việc khi đưa vào thực hiện đạt hiệu quả không cao đôi khi dẫn tới tình trạng quy hoạch treo.

- Kinh phí đầu tư cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, công tác quản lý đất đai nói chung còn hạn chế dẫn đến việc triển khai lập quy hoạch sử dụng đất các cấp thiếu đồng bộ.

- Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, khả năng huy động vốn chưa đáp ứng được yêu cầu do đó còn nhiều dự án, công trình chưa đáp ứng được về tiến độ và chất lượng.

- Năm 2019, thực hiện công tác tổng kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo Thông tư số 27/TT-BTNMT có nhiều điểm đổi mới nhất là việc số liệu được trích xuất từ bản đồ điều tra đối soát thực địa (có sự thống nhất cao giữa số liệu kiểm kê với bản đồ và thực địa) cũng dẫn đến những thay đổi diện tích hiện trạng.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Vẫn còn một số đơn vị trên địa bàn chưa quan tâm đúng mức đến việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quản lý chưa chặt chẽ, nên không phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi sử dụng đất không đúng mục đích; ý thức trách nhiệm của một số công chức, viên chức trong thực hiện công quản lý đất đai chưa cao, nhiều địa phương chưa mạnh dạn xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm.

- Một số cơ quan, đơn vị không đăng ký nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư khu UBND cấp huyện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; ngoài ra một số công trình, dự án tuy phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng chưa có vốn hoặc chưa có nhà đầu tư nên không triển khai thực hiện được, làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng hoặc triển khai không chặt chẽ về trình tự, thủ tục hoặc gặp vướng mắc khi thực hiện, nên thời gian giải phóng mặt bằng kéo dài, làm chậm tiến độ thực hiện dự án, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới.

* Từ những mặt được và những tồn tại trong công tác thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước, UBND huyện đã rút ra được những bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới như sau:

- Phát huy những điểm tốt đã đạt được trong công tác thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước, như là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của nhà nước, dự báo được nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành, chủ động dành quỹ đất cho các dự án phù hợp và đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn;

- Gắn quy hoạch sử dụng đất với biến đổi khí hậu.

- Tài liệu quy hoạch sử dụng đất cần xác định cụ thể các giải pháp để bảo đảm tính khả thi của việc thực hiện theo quy hoạch.

* Hạn chế những tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước bằng cách:

- Tăng cường nâng cao nhận thức, chuyên môn của các cán bộ cấp xã, thị trấn trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Tích cực thực hiện các công tác thu hút, khuyến khích đầu tư, giải phóng mặt bằng kịp thời nhằm hạn chế tình trạng trì hoãn, hủy bỏ các dự án phi nông nghiệp như cụm công nghiệp, sản xuất phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ...

- Có biện pháp hoặc quỹ đất dự phòng cho những dự án phát sinh do thực hiện thu hút đầu tư trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Nhanh chóng xử lý những sai sót, vi phạm về đất đai như: xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm đất đai liên quan đến tín ngưỡng.

- Kịp thời giải quyết các tranh chấp về đất đai, giải quyết các khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý và sử dụng đất đai.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

Huyện Mỹ Xuyên có tổng quỹ đất đai là 37.314,08 ha, hiện đã đưa vào sử dụng 100% diện tích tự nhiên của huyện. Như vậy quỹ đất đai dự trữ không còn do đó tiềm năng đất đai của huyện chủ yếu là khai thác theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp đặc biệt là đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản còn nhiều, nếu được đầu tư xây dựng mới và nâng cao năng lực của các công trình thủy lợi thì việc thâm canh, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, phát triển bền vững mô hình “tôm-lúa”, xây dựng các trang trại chăn nuôi tập trung để mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Đất ở, đất chuyên dùng và một số loại đất phi nông nghiệp hiện còn sử dụng chưa thật hợp lý, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng chưa cao.

Đất đai được chuyển đổi theo mục đích sử dụng hợp lý và áp dụng các biện pháp tiến bộ khoa học kỹ thuật là tiềm năng thực sự to lớn để mở rộng quy mô sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới. Trong điều kiện hiện

nay của huyện đây là giải pháp tối ưu và có hiệu quả tốt nhất để phát triển kinh tế - xã hội.

Phần lớn diện tích đang được sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội của huyện được sử dụng đúng mục đích, tuy nhiên vẫn có những diện tích đất có hiệu quả sử dụng chưa cao. Vì vậy trong quy hoạch cần tập trung khai thác tiềm năng các loại đất đang sử dụng theo hướng nâng cao giá trị sáng tạo trên 1ha đất.

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.

Để đảm bảo an toàn lương thực của huyện, nhất thiết phải thông qua sản xuất hàng hoá. Trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên chỉ nên đầu tư thâm canh lúa trên diện tích lúa nước chủ động tưới tiêu, đảm bảo có năng suất cao. Ngoài ra sản xuất nông nghiệp cần tập trung khai thác các thế mạnh nuôi trồng thủy sản chất lượng cao và chăn nuôi đại gia súc để có nguồn nông sản hàng hoá để trao đổi trong nước và xuất khẩu. Quy hoạch các khu sản xuất nông nghiệp tập trung, nâng cao hiệu quả kinh tế tại những nơi có nguồn lực về đất đai như trên địa bàn TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới, xã Tham Đôn...

Phát huy hợp lý và hiệu quả những lợi thế về điều kiện đất, khí hậu, thời tiết... để phát triển những nông sản có thế mạnh, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Gắn phát triển nông nghiệp với quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá nền kinh tế, thực hiện một bước công nghiệp, hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển nền nông nghiệp hàng hoá phù hợp với yêu cầu của thị trường và điều kiện sinh thái từng khu vực.

Diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã khai thác đưa vào sử dụng đến năm 2020 là 32.525,25 ha, chiếm 87,17 % tổng diện tích tự nhiên. Trong tương lai để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội thì diện tích đất nông nghiệp sẽ bị giảm đi đáng kể để phục vụ cho các mục đích phi nông nghiệp như mở rộng các khu dân cư, đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, quy hoạch đồng bộ hệ thống giao thông, trường học và các công trình phát triển kinh tế và hạ tầng khác...

Sản xuất nông nghiệp là thế mạnh và chiếm tỷ trọng rất lớn trong nền kinh tế của huyện, tiềm năng đất sản xuất nông nghiệp được xác định chủ yếu dựa vào việc đầu tư khoa học, công nghệ kỹ thuật vào sản xuất nhằm thâm canh tăng vụ, nâng cao hệ số sử dụng đất.

Để góp phần cải thiện đời sống của nhân dân và khai thác tối đa tiềm năng sẵn có, trong thời gian tới cần gắn quy hoạch sử dụng đất với biến đổi khí hậu, đồng thời khai thác tối đa diện tích hiện có, tiến hành chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất.

Trong những năm tới tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh cùng với phát triển các công nghiệp, dịch vụ - du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng một phần diện tích khá lớn

đất nông nghiệp của huyện sẽ chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp. Để đảm bảo an ninh lương thực, ổn định định canh, định cư của huyện sẽ đầu tư khai thác một phần diện tích đất chưa sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, đồng thời ổn định diện tích đất trồng các cây lương thực đặc biệt bảo vệ diện tích đất trồng lúa nước.

Nhìn chung, tiềm năng đất đai cho phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện còn nhiều tuy nhiên nên đưa vào khai thác và sử dụng hợp lý hình thành các vùng sản phẩm nông nghiệp chủ lực áp dụng công nghệ cao sẽ tạo đà cho sự phát triển toàn diện ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập ổn định cho người dân.

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp

4.2.1. Tiềm năng đất phát triển công nghiệp

Mỹ Xuyên có vị trí thuận lợi là nơi tiếp giáp với trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh (thành phố Sóc Trăng), thuận lợi trong giao thông hàng hóa, phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, công nghiệp xây sát và chế biến gạo để gia tăng giá trị hạt gạo, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch. Do đó, huyện Mỹ Xuyên cần chú trọng khai thác tuyến Quốc lộ 1, đường tỉnh 934, đường tỉnh 940 và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh để thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tạo nền tảng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên phải phát triển phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiềm năng, thế mạnh và lợi thế giao thông so với các huyện trong tỉnh, đặc biệt chú trọng đến các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến nông sản; khai thác và chế biến....

Xây dựng các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện phải phù hợp, thống nhất trong sự phát triển toàn bộ nền kinh tế - xã hội theo chiến lược và định hướng quy hoạch tổng thể của tỉnh đề ra cho huyện.

Phát triển cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề theo hướng công nghiệp hoá, gắn liền với phát triển nông thôn, góp phần tích cực thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tập trung hoàn thiện xây dựng khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ Phú Mỹ (xã Đại Tâm) và các cụm công nghiệp Thạnh Phú, Ngọc Đông, Hòa Tú 2 trên địa bàn huyện.

4.2.3. Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển đô thị

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020 (tính đến 31/12/2020) diện tích đất đô thị của huyện là 1.493,91 ha. Quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị đồng bộ

với sự phát triển kinh tế - xã hội đồng bộ hệ thống hạ tầng huyện kết nối với các khu vực các huyện. Định hướng phát triển đô thị của huyện Mỹ Xuyên sẽ sát nhập TT Mỹ Xuyên vào TP Sóc Trăng, chuyển về trung tâm thị trấn về xã Hòa Tú 1 trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của huyện, nhằm tăng diện tích khu vực đô thị đáp ứng đầy đủ quy mô, nguồn lực đất đai để quy hoạch, đầu tư, xây dựng hạ tầng đô thị, đây là tiền đề cho việc phát triển khu đô thị trên địa bàn huyện, đáp ứng các nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội hiện nay.

4.2.4. Tiềm năng đất đai cho phát triển khu dân cư

Đất khu dân cư nông thôn huyện Mỹ Xuyên bao gồm 10 xã, với tổng diện tích đất ở trong các khu dân cư là 720,82 ha, chiếm 1,93% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội cùng với sự gia tăng về dân số đã gây áp lực lên đất đai ngày càng lớn. Vì vậy, trong những năm tới huyện phải phân bổ quỹ đất hợp lý đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực.

Tiềm năng đất đai để phát triển khu dân cư trên địa bàn huyện hoàn toàn có thể đáp ứng được trong giai đoạn tới và thực hiện bằng cách bố trí đất ở mới trên các trục đường Quốc lộ, đường tỉnh, các trục đường chính trên địa bàn các xã, xen ghép, tự giãn trên đất vườn hộ gia đình, đất nông nghiệp hiệu quả thấp.

3.2.5. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng

Để phát triển các ngành kinh tế - xã hội, với định hướng phát triển lâu dài và bền vững; theo kết quả điều tra thực trạng nền kinh tế và hiện trạng sử dụng đất; đối chiếu so sánh với các tiêu chí xác định khả năng sử dụng đất cho từng mục đích sử dụng cho thấy một phần tiềm năng đất đai của huyện Mỹ Xuyên được thể hiện thông qua mức độ thích hợp cũng như khả năng chuyển đổi giữa các mục đích sử dụng khác nhau, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để sử dụng đất hợp lý hơn, hiệu quả hơn. Quỹ đất đang sử dụng của huyện đang được khai thác, sử dụng cơ bản đúng mục đích, hiệu quả sử dụng ngày càng tăng, tuy nhiên tiềm năng của đất đang sử dụng còn lớn nếu được đầu tư khai thác chiều sâu.

Tiềm năng đất đai của huyện tập trung vào khả năng khai thác chiều sâu đối với đất đang sử dụng bằng việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 2020, toàn huyện đã khai thác đưa vào sử dụng toàn bộ diện tích hiện có là 37.314,08 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: Có diện tích là 32.525,25 ha, chiếm 87,17% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp: Có diện tích là 4.788,83 ha, chiếm 12,83 % tổng diện tích đất tự nhiên.

3.4.5.1. Tiềm năng đất để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất

- Đất đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp, thủy sản có thể tăng hiệu quả sử dụng đất theo hướng đầu tư thâm canh tăng vụ và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng đa dạng hoá, sử dụng giống mới, nâng cao năng suất, chất lượng và phù hợp với điều kiện phát triển của huyện cũng như của tỉnh.

- Diện tích đất phi nông nghiệp hiệu quả sử dụng chưa cao, nhất là đất xây dựng trụ sở các cơ quan hành chính sự nghiệp, đất phát triển hạ tầng, đất ở cần phải được bố trí, sắp xếp lại theo hướng tiết kiệm đất, tận dụng không gian xây dựng, một số công trình cần phải sử dụng kết hợp theo hướng đa mục đích. Cơ cấu sử dụng đất chưa hợp lý, tỷ lệ đất đai dành cho phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở còn thấp, chưa tạo điều kiện khai thác tốt tiềm năng thế mạnh của huyện. Diện tích đất đang sử dụng được điều chỉnh những bất hợp lý, chuyển đổi cơ cấu phù hợp sẽ là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Trong những năm tới cần có sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ đất từng ngành và giữa các ngành theo xu hướng ưu tiên đất cho phát triển các ngành có hiệu quả sử dụng đất cao, tuy nhiên cần xem xét đến lợi ích trước mắt và lâu dài.

Đất đai được chuyển đổi mục đích hợp lý và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật là tiềm năng thật sự to lớn để mở rộng quy mô sản xuất và phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn tới.

3.4.5.2. Tiềm năng đất để phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng

- Hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện cần mở mới, mở rộng và nâng cấp, bao gồm hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường dân sinh, thực hiện đồng bộ theo quy hoạch chung phát triển huyện. Nhu cầu diện tích này có thể đáp ứng được vì các tuyến đều thuận lợi cho việc bố trí quỹ đất.

- Hệ thống công trình công cộng, hạ tầng xã hội nông thôn cần được chỉnh trang, cải tạo và nâng cấp các công trình trường học, y tế, văn hóa thể thao... chủ yếu là sử dụng trên nền đất hiện có. Bên cạnh đó tốc độ phát triển đô thị hóa trên địa bàn huyện những năm qua và trong thời kỳ mới diễn ra nhanh chóng, nhu cầu sử dụng đất phát triển cơ sở hạ tầng cũng rất lớn, quỹ đất đai cho mục đích này hoàn toàn có thể đáp ứng được.

Nhìn chung, tiềm năng đất đai của huyện Mỹ Xuyên có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, tuy nhiên

khả năng khai thác tiềm năng ấy còn phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đầu tư và cơ chế chính sách phát triển trong giai đoạn tới.

Phần III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.1. Quan điểm phát triển của huyện

Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế bền vững, xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao. Phát huy vai trò nền tảng của văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải quyết việc làm; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết của các dân tộc trong huyện. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thực hiện mục tiêu trên, Đảng bộ và nhân dân trong huyện nhất quán phương châm chỉ đạo trong suốt nhiệm kỳ là: “Đoàn kết, năng động, sáng tạo, phát triển”.

1.1.2. Mục tiêu tổng quát¹⁵

Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế bền vững, xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao. Phát huy vai trò nền tảng của văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải quyết việc làm; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết của các dân tộc trong huyện. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thực hiện mục tiêu trên, Đảng bộ và nhân dân trong huyện nhất quán phương châm chỉ đạo trong suốt nhiệm kỳ là: “Đoàn kết, năng động, sáng tạo, phát triển”.

1.2. Quan điểm sử dụng đất.

- Khai thác sử dụng đất theo hướng giải phóng được năng lực sản xuất của các ngành kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ưu tiên phân bổ đất đai cho các ngành kinh tế mũi nhọn của huyện nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung, thúc đẩy kinh tế phát triển, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân.

- Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để bố trí cây trồng, vật nuôi, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, thương mại du lịch... theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước phân bổ sử dụng quỹ đất phù hợp đáp ứng các

¹⁵ Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mỹ Xuyên khóa XI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025.

yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ phát triển của huyện, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

- Trong cơ cấu sử dụng đất chung, cần dành một tỷ lệ thích đáng và hợp lý cho các mục đích chuyên dùng, ưu tiên phát triển công nghiệp, đẩy mạnh phát triển thương mại – dịch vụ ... để thực hiện chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế, xây dựng kết cấu về cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng, vừa tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực hiệu quả và ổn định.

- Sử dụng đất chuyên dùng, đất ở cần triệt để tiết kiệm, bố trí sử dụng các loại đất này vừa căn cứ vào điều kiện thực tế và các yêu cầu trước mắt, vừa phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển về lâu dài theo xu hướng tăng dần các tiêu chuẩn về chất lượng môi trường và nâng cao mức sống của nhân dân.

- Gắn khai thác sử dụng với nhiệm vụ bồi dưỡng tái tạo, làm tăng độ phì cho đất... chống suy thoái đất, gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm sử dụng đất bền vững lâu dài. Ngoài ra việc khai thác sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo vấn đề quốc phòng an ninh, quán triệt phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

1.3.1. Theo các tiểu vùng

1.3.1.1. Tiểu vùng sản xuất nông nghiệp

* Vùng sản xuất lương thực

- Vùng sản xuất lúa: xây dựng và mở rộng các mô hình sản xuất lúa hiệu quả (mô hình cánh đồng lớn, lúa hữu cơ, lúa đặc sản...) tại TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới. Phát huy thuận lợi những cánh đồng bằng phẳng, đất đai tốt, có nguồn nước tưới tiêu thuận lợi để thâm canh lúa, phấn đấu đạt năng suất từ 140.000 tấn/năm.

- Vùng trồng hoa màu tập trung tại: xã Đại Tâm, xã Tham Đôn và nằm rải rác tại các xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới. Phấn đấu đạt năng suất bình quân từ 6.800 tấn/năm.

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Phát huy thế mạnh nuôi thủy sản gắn với quy hoạch để phát triển kinh tế bền vững, đồng thời tạo sự đồng thuận trong nhân dân về giữ vững mô hình tôm- lúa. Phấn đấu sản lượng thủy sản đạt 40.000 tấn/năm.

1.3.1.2. Vùng sản xuất công nghiệp và TTCN

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư hạ tầng công nghiệp, thương mại – dịch vụ trên địa bàn, trong đó chú trọng khai thác tuyến Quốc lộ 1, đường tỉnh 934, đường tỉnh 940 cũng như tạo điều kiện thuận lợi

cho doanh nghiệp phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh để thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ. Tập trung kêu gọi đầu tư cụm công nghiệp Thạnh Phú; nhà ở thương mại - Dịch vụ, ấp Thạnh Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên; khu chợ và nhà ở thương mại, xã Hòa Tú 1; chợ Nhu Gia, xã Thạnh Phú. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với định hướng chung phát triển ngành nghề mới, sản xuất chế biến nguồn nguyên liệu địa phương sẵn có, giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn. Đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư, khai thác chợ; hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển siêu thị, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh. Vận động nhân dân tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội⁽¹⁶⁾

2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- (1) Sản lượng lúa hằng năm đạt trên 140.000 tấn; trong đó sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao đến cuối nhiệm kỳ chiếm trên 85%.
- (2) Sản lượng thủy sản đạt 40.000 tấn.
- (3) Diện tích trồng màu 6.800 ha.
- (4) Đến cuối nhiệm kỳ, tổng đàn gia súc 41.000 con; tổng đàn gia cầm 650.000 con.
- (5) Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 250 triệu đồng.
- (6) Xây dựng 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- (7) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 70,5 tỷ đồng.
- (8) Tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp: Mầm non (nhà trẻ đạt 25%; mẫu giáo đạt 95%); tiểu học đạt 99,9%; trung học cơ sở đạt 98,5%; trung học phổ thông đạt 75%.
- (9) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 90%.
- (10) Có 11/11 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế được nâng chất.
- (11) Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% dân số; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 45%.
- (12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 30%. Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi trên 90%.

¹⁶⁾ Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mỹ Xuyên khóa XI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025.

(13) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2% - 3%/năm; trong đó, giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo 3% - 4%/năm (*Theo tiêu chí mới*).

(14) Tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch đạt 95%.

(15) Hằng năm, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 80%.

(16) Bình quân hằng năm kết nạp được 80 đảng viên; phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ 2020 - 2025, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện có trên 4.300 đồng chí.

(17) Hằng năm, phấn đấu có trên 90% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*” và không có tổ chức cơ sở đảng “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”.

(18) Hằng năm, phấn đấu có trên 80% đảng viên được xếp loại “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*”; có dưới 1,5% đảng viên “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”.

(19) Hằng năm, phấn đấu có trên 85% các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.

2.1.2.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp – nông thôn

Xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện địa phương, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu, hạn, xâm nhập mặn. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng hàng hóa nông sản của huyện gắn với thị trường tiêu thụ, xây dựng sản phẩm OCOP có chất lượng.

Phát huy thế mạnh nuôi thủy sản gắn với quy hoạch để phát triển kinh tế bền vững, hướng tới thực hiện sản phẩm “*lúa thơm- tôm sạch*”. Tiếp tục đầu tư có hiệu quả hệ thống thủy lợi, điện phục vụ nuôi trồng thủy sản. Đẩy mạnh chuyên gia khoa học - kỹ thuật, hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật – công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm chi phí và tăng thu nhập.

Nâng cao hiệu quả trồng màu chuyên canh, phát triển diện tích trồng màu trong nhà lưới theo các tiêu chuẩn an toàn (VietGap, GlobalGap...). Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại ở những nơi có điều kiện phù hợp (Tham Đôn, Đại Tâm, Thạnh Phú, Thạnh Quới...).

2.1.2.2. Phát triển Công nghiệp, thương mại - dịch vụ

Quan tâm chỉ đạo phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa

ngành nghề và sản phẩm; từ đó hiệu quả sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại - dịch vụ có chuyển biến tích cực.

Chú trọng công tác quy hoạch, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ; chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp; huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch cụm công nghiệp ở xã Thạnh Phú và 05 danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư (nhà ở Thương mại - Dịch vụ, ấp Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên; nhà ở Thương mại - Dịch vụ, ấp Thạnh Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên; khu chợ và nhà ở thương mại, xã Hòa Tú 1; khu du lịch sinh thái vườn cò, xã Gia Hòa 1; chợ Nhu Gia, xã Thạnh Phú)¹⁷. Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch Trung tâm hành chính huyện với quy mô 26.988 ha.

2.1.2.3. Phát triển các lĩnh vực văn hóa – xã hội, đảm bảo an sinh xã hội

Phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc và con người Việt nam, xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh. Quản lý, bảo tồn và phát huy tốt giá trị các di tích văn hóa lịch sử; các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc trong huyện.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng đội ngũ giáo viên có trình độ, năng lực. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, công tác giáo dục thường xuyên.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Xây dựng đội ngũ y, bác sĩ có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh và về sinh an toàn thực phẩm.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, ưu đãi người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo tiêu chí có bằng cấp, chứng chỉ gắn với giải quyết việc làm.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã

Phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện được xây dựng căn cứ:

- Căn cứ công văn số 2425/UBND-KT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ tạm thời chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất

¹⁷ Đến nay huyện đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý kêu gọi đầu tư được Dự án nhà ở Thương mại – Dịch vụ, ấp Châu Thành; các dự án còn lại huyện tiếp tục hoàn chỉnh thủ tục pháp lý để kêu gọi đầu tư trong thời gian tới.

thời kỳ 2021-2030 cho các huyện, thị xã, thành phố. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Mỹ Xuyên được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung
(1)	(2)	(3)		
	Tổng diện tích tự nhiên		37.314	
I	Loại đất			
1	Đất nông nghiệp	NNP	31.541	-350,27
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.486	
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước (từ 2 vụ lúa trở lên)</i>	<i>LUC</i>	<i>8.486</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		1.165,55
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.482	-234,99
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất, trong đó:	RSX		
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		18.212,67
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		79,33
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.773	350,27
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	95	
2.2	Đất an ninh	CAN	14	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	50	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	100	40,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	48	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	74	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.415	0,79
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.194</i>	
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>1.718</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>6</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>9</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>150</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>27</i>	
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>105</i>	
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1</i>	
	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>		
	<i>Đất có di tích, lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>2</i>	<i>0,79</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>28</i>	
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>45</i>	
	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>126</i>	
	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>		
	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung
(1)	(2)	(3)		
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>		4,97
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		8,24
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		12,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	602	255,55
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	321	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	31	17,25
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN		6,23
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		982,17
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		50,95
3	Đất chưa sử dụng	CSD		
II	Khu chức năng			
<i>1</i>	<i>Đất khu công nghệ cao</i>	<i>KCN</i>		
<i>2</i>	<i>Đất khu kinh tế</i>	<i>KKT</i>		
<i>3</i>	<i>Đất đô thị</i>	<i>KDT</i>	9.485	
<i>4</i>	<i>Khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)</i>	<i>KNN</i>	12.705	-971,81
<i>5</i>	<i>Khu vực lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)</i>	<i>KLN</i>		
<i>6</i>	<i>Khu du lịch</i>	<i>KDL</i>		
<i>7</i>	<i>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	<i>KBT</i>		
<i>8</i>	<i>Khu vực phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)</i>	<i>KPC</i>	150	40,00
<i>9</i>	<i>Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)</i>	<i>DTC</i>		
<i>10</i>	<i>Khu thương mại - dịch vụ</i>	<i>KTM</i>	48	
<i>11</i>	<i>Khu đô thị - thương mại - dịch vụ</i>	<i>KDV</i>		
<i>12</i>	<i>Khu dân cư nông thôn</i>	<i>DNT</i>		4.109,44
<i>13</i>	<i>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn</i>	<i>KON</i>		931,55

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Căn cứ tình hình thực tế và chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021 - 2030. Chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực được quy hoạch như sau:

2.2.2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho ngành nông nghiệp

a) Nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa: Đến năm 2030 còn 8.486,17 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác: Đến năm 2030 còn 1.165,55 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2030 có 3.247,01 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: Đến năm 2030 có 18.212,67 ha.

- Đất nông nghiệp khác: Đến năm 2030 có 79,33 ha.

2.2.2.2. *Nhu cầu sử dụng đất cho lĩnh vực An ninh – Quốc phòng*

Để đảm bảo giữ vững trật tự xã hội, an ninh – quốc phòng phục vụ cho công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội theo đúng mục tiêu đã đề ra. Trong giai đoạn tới cần bố trí quỹ đất xây dựng thêm các công trình về an ninh – quốc phòng.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: Đến năm 2030 có 95,00 ha.

- Đất an ninh: Đến năm 2030 có 14,00 ha

2.2.2.3. *Nhu cầu sử dụng đất cho ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ*

Để đảm bảo chỉ tiêu phát triển kinh tế ngành công nghiệp đã đề ra, đến năm 2030 thành phố cần bố trí quỹ đất phù hợp để đảm bảo mục tiêu. Trong đó:

- Đất cụm công nghiệp: Đến năm 2030 có 140,00 ha, quy hoạch mới cụm công nghiệp Thanh Phú, cụm công nghiệp Ngọc Đông và cụm công nghiệp Hòa Tú 2.

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Đến năm 2030 có 74,00 ha.

- Đất thương mại dịch vụ: Đến năm 2030 có 48,00 ha.

2.2.2.4. *Nhu cầu sử dụng đất cho lĩnh vực phát triển hạ tầng*

Nhu cầu đất phục vụ phát triển hạ tầng của huyện đến năm 2030 diện tích 3.416,13 ha, nhằm xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông, cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở thể dục thể thao, chợ nông thôn, trong đó:

** Hạ tầng kỹ thuật*

- Đất giao thông: Có 1.194,15 ha.

- Đất thủy lợi: Có 1.718,00 ha.

- Mạng lưới điện và công trình năng lượng: Có 104,80 ha.

- Đất công trình bưu chính viễn thông: Có 1,00 ha.

- Đất chợ: Có 4,97 ha.

** Hạ tầng xã hội*

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Có 6,00 ha.

- Đất xây dựng cơ sở y tế: Có 9,00 ha.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo: Có 149,65 ha.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao: Có 27,47 ha.

- Đất có di tích lịch sử văn hóa: Có 2,79 ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Có 28,00 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo: Có 44,68 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Có 125,62 ha.

2.2.2.6. Nhu cầu sử dụng đất cho lĩnh vực khác

a) Đất ở tại nông thôn: Đến năm 2030 nhu cầu đất ở nông thôn 857,55 ha, cần bố trí thực hiện các công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm là 306,87 ha.

b) Đất ở tại đô thị: Đến năm 2030 nhu cầu đất ở tại đô thị 320,81 ha, cần bố trí thực hiện các công trình, dự án với tổng diện tích tăng thêm 231,06 ha

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến năm 2030 có 48,25 ha, cần bố trí thực hiện 15 công trình dự án với tổng diện tích tăng thêm 17,20 ha.

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở đề xuất nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của các ngành, lĩnh vực, UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị tổ chức sử dụng đất trên địa bàn huyện và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, UBND huyện Mỹ Xuyên đã tiến hành rà soát việc thực hiện các công trình dự án kỳ trước, thực hiện tổng hợp cân đối (chuyển diện tích tăng, giảm) các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Mỹ Xuyên như sau:

Bảng 9: Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 huyện Mỹ Xuyên

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện XD, XD bổ sung	Quy hoạch 2030		
			Diện tích	Cơ cấu			Diện tích	Cơ cấu	+/_ số 2020
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)			(7)	(8)	(9)=(7)-(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		37.314,08	100,00	37.314		37.314,08	100,00	
I	Loại đất								
1	Đất nông nghiệp	NNP	32.525,25	87,17	31.541	-350,27	31.190,73	83,59	-1.334,52
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.076,45	24,32	8.486		8.486,17	22,74	-590,28
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước (từ 2 vụ lúa trở lên)</i>	LUC	9.076,45	24,32	8.486		8.486,17	22,74	-590,28
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.156,84	3,10		1.165,55	1.165,55	3,12	8,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.215,96	8,62	3.482	-234,99	3.247,01	8,70	31,05
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH							
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất, trong đó:	RSX							
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản</i>	RSN							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện XD, XD bổ sung	Quy hoạch 2030		
			Diện tích	Cơ cấu			Diện tích	Cơ cấu	+/_ số 2020
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)			(7)	(8)	(9)=(7)-(5)
	<i>xuất là rừng tự nhiên</i>								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	19.047,17	51,05		18.212,67	18.212,67	48,81	-834,50
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,83	0,08		79,33	79,33	0,21	50,50
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.788,83	12,83	5.773	350,27	6.123,35	16,41	1.334,52
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	43,06	0,12	95		95,00	0,25	51,94
2.2	Đất an ninh	CAN	2,12	0,01	14		14,00	0,04	11,88
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			50		50,00	0,82	50,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			100	40,00	140,00	0,38	140,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	22,54	0,06	48		48,00	0,13	25,46
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,70	0,13	74		74,00	0,20	27,30
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.829,67	7,58	3.415	0,79	3.416,13	9,16	586,46
	<i>Trong đó:</i>								
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>947,69</i>	<i>2,54</i>	<i>1.194</i>		<i>1.194,15</i>	<i>3,20</i>	<i>246,46</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>1.686,57</i>	<i>4,52</i>	<i>1.718</i>		<i>1.718,00</i>	<i>4,60</i>	<i>31,43</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,63</i>	<i>0,00</i>	<i>6</i>		<i>6,00</i>	<i>0,02</i>	<i>5,37</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>3,39</i>	<i>0,01</i>	<i>9</i>		<i>9,00</i>	<i>0,02</i>	<i>5,61</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>65,27</i>	<i>0,17</i>	<i>150</i>		<i>149,65</i>	<i>0,40</i>	<i>84,38</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>11,51</i>	<i>0,03</i>	<i>27</i>		<i>27,47</i>	<i>0,07</i>	<i>15,96</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>2,25</i>	<i>0,01</i>	<i>105</i>		<i>104,80</i>	<i>0,28</i>	<i>102,55</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,36</i>	<i>0,00</i>	<i>1</i>		<i>1,00</i>	<i>0,00</i>	<i>0,64</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện XD, XD bổ sung	Quy hoạch 2030		
			Diện tích	Cơ cấu			Diện tích	Cơ cấu	+/_ số 2020
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)			(7)	(8)	(9)=(7)-(5)
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG							
	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	1,43	0,00	2	0,79	2,79	0,01	1,36
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,64	0,02	28		28,00	0,08	22,36
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	44,68	0,12	45		44,68	0,12	
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	59,48	0,16	126		125,62	0,34	66,14
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH							
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH							
	Đất chợ	DCH	0,77	0,00		4,97	4,97	0,01	4,20
2.10	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,67	0,01		8,24	8,24	0,02	5,57
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				12,00	12,00	0,03	12,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	720,82	1,93	602	255,55	857,55	2,30	136,74
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	91,28	0,24	321		320,81	0,86	229,53
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	37,61	0,10	31	17,25	48,25	0,13	10,64
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN							
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN				6,23	6,23	0,02	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				982,17	982,17	2,63	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				50,95	50,95	0,14	47,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD							
II	Khu chức năng								
1	Đất khu công nghệ cao	KCN							
2	Đất khu kinh tế	KKT							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện XD, XD bổ sung	Quy hoạch 2030		
			Diện tích	Cơ cấu			Diện tích	Cơ cấu	+/_ số 2020
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)			(7)	(8)	(9)=(7)-(5)
3	Đất đô thị	KDT			9.485		9.484,63	25,42	
4	Khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN			12.705	-971,81	11.733,19	31,45	
5	Khu vực lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN							
6	Khu du lịch	KDL							
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT							
8	Khu vực phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC			150	40,00	190,0	0,40	
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC							
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM			48		48,0	0,13	
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV							
12	Khu dân cư nông thôn	DNT				4.109,44	4.109,44	11,01	
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON				931,55	931,55	2,50	

2.2.3.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp quy hoạch đến năm 2030 là 31.190,73 ha, chiếm 83,59% diện tích tự nhiên, giảm 1.334,52 ha so với năm 2020.

- Đất trồng lúa (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước): Tính đến năm 2030 diện tích đất trồng lúa còn lại là 8.486,17 ha, chiếm 22,74 % diện tích tự nhiên,

diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 8.486,17 ha. Giảm 590,28 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang: đất trồng cây hàng năm 138,00 ha; đất trồng cây lâu năm 84,00 ha; đất nông nghiệp khác 15,50 ha; đất quốc phòng 44,94 ha; đất an ninh 2,80 ha; đất thương mại - dịch vụ 2,50 ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 20,00 ha; đất phát triển hạ tầng 130,98 ha (*đất giao thông 85,15 ha, đất thủy lợi 7,27 ha, đất y tế 0,50 ha, đất giáo dục đào tạo 19,70 ha, đất thể dục thể thao 8,40 ha, đất công trình năng lượng 3,46 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 5,00 ha, đất chợ 1,50 ha*); đất sinh hoạt cộng đồng 0,50 ha; đất ở tại nông thôn 74,26 ha; đất ở tại đô thị 37,00 ha; đất trụ sở cơ quan 1,80 ha; đất mặt nước chuyên dùng 2,00 ha. **Đất trồng lúa giảm để thực hiện các công trình, dự án sau: Khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ Phú Mỹ (xã Đại Tâm); Trụ sở công an huyện (chuyển đổi vị trí), TT Mỹ Xuyên; Khu vực phòng thủ của tỉnh (Trung đoàn 897), xã Tham Đôn; Quy hoạch trường Đại học Sóc Trăng, Khu ký túc xá sinh viên, TT Mỹ Xuyên; Trường cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng, TT Mỹ Xuyên; Xây dựng mở rộng đường huyện 56, 57; Đường 58; Dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1; Đất ở mới Tuyến dân cư TL 8 nối dài; Xây dựng diêm tiêu thủ công nghiệp tại khu 2, xã Thạnh Phú; Xây dựng diêm cơ sở sản xuất kinh doanh - ấp Phú Giao, Xây dựng diêm tiêu thủ công nghiệp - ấp Hòa Khanh, xã Thạnh Cuối; Mở rộng công ty TNHH Khánh Sùng, xã Đại Tâm;...**

- Đất trồng cây hàng năm khác: Quy hoạch đến năm 2030 là 1.165,55 ha, chiếm 3,12 % tổng diện tích tự nhiên. Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 1.022,55 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển giảm 134,29 ha do chuyển sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 2,50 ha; đất phát triển hạ tầng 77,62 ha (*đất giao thông 21,81 ha; đất thủy lợi 2,80 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,22 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,20ha; xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 12,42 ha; đất công trình năng lượng 34,20 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 4,97 ha*); đất khu vui chơi giải trí công cộng 3,00 ha; đất ở tại nông thôn 23,94 ha; đất ở tại đô thị 10,77 ha. **Đất trồng cây hàng năm khác giảm để thực hiện các công trình, dự án sau: Quy hoạch trường Đại học Sóc Trăng; Đường cặp kênh 19/5 do Dự án VnSAT hỗ trợ (Giai đoạn 2), xã Đại Tâm; Đường huyện 56, 57; Dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1; Cụm công nghiệp Thạnh Phú...**

+ Chu chuyển tăng 143,00 ha được lấy từ đất trồng lúa 138,00 ha; đất nuôi trồng thủy sản 5,00 ha nhằm mục đích chuyển đổi cơ cấu cây trồng tăng hiệu quả kinh tế đối với các khu vực trồng lúa có năng suất kém.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 8,71 ha so với năm 2020.

- Đất trồng cây lâu năm: Quy hoạch đến năm 2030 là 3.247,01 ha, chiếm 8,70 % tổng diện tích tự nhiên. Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 3.163,01 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển giảm 52,95 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp 3,58 ha; đất thương mại – dịch vụ 5,50 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,50 ha; đất phát triển hạ tầng 21,71 ha (*đất giao thông 6,39 ha; đất thủy lợi 1,81 ha; đất giáo dục- đào tạo 4,00 ha; đất thể dục- thể thao 3,35; đất di tích 1,26; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 3,50 ha*); đất ở tại nông thôn 17,43 ha; đất ở tại đô thị 4,23 ha. **Đất trồng cây lâu năm giảm để thực hiện các công trình, dự án sau: Quy hoạch trường Đại học Sóc Trăng; Trường cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng; Xây dựng mới trường tiểu học điểm lẻ ấp Đại Tâm; Dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1; Trung tâm thể thao huyện mới; Mở rộng bia Phú Lợi, xã Hòa Tú 1; Cụm công nghiệp Ngọc Đông; Cụm công nghiệp Thạnh Phú; Cụm công nghiệp Hòa Tú 2...**

+ Chu chuyển tăng 84,00 ha được lấy từ đất trồng lúa 84,00 ha để thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa tại các xã Thạnh Phú, Thanh Quới, Đại Tâm, Tham Đôn, TT Mỹ Xuyên;

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 31,06 ha so với năm 2020.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 18.212,67 ha, chiếm 48,81% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 18.212,67 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển giảm 834,50 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 35,00 ha; đất quốc phòng 5,00 ha; đất an ninh 9,09 ha; đất cụm công nghiệp 123,83 ha; đất thương mại dịch vụ 11,50 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5,59 ha; đất phát triển hạ tầng 389,01 ha (*đất giao thông 169,89 ha; đất thủy lợi 22,52 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 5,40 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 5,32; đất cơ sở giáo dục- đào tạo 47,00 ha; đất cơ sở thể dục- thể thao 3,42 ha; đất công trình năng lượng 56,89 ha; đất công trình bưu chính viễn thông 0,62 ha; đất có di tích lịch sử - văn hóa 0,10 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 20,96 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 54,07 ha; đất chợ 2,82 ha*); đất sinh hoạt cộng đồng 5,00 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 9,00; đất ở tại nông thôn 170,32 ha; đất ở tại đô thị 8,26 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 12,90 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 45,00 ha. **Đất nuôi trồng thủy sản giảm để thực hiện các công trình, dự án sau: Trụ sở mới Công an huyện Mỹ Xuyên, xã Hòa Tú 1; Ban CHQS huyện Mỹ Xuyên, xã Hòa Tú 2; Quy hoạch trường Đại học Sóc Trăng; Xây dựng đường 51B; Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây, tỉnh Sóc Trăng; Dự án thành phần 4 thuộc dự án**

đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1; Cụm công nghiệp Ngọc Đông; Cụm công nghiệp Thạnh Phú; Cụm công nghiệp Hòa Tú 2; Xây dựng khu hành hành chính huyện mới, Khu đô thị mới số 1, xã Hòa Tú 1...

+ Cân đối tăng (giảm): giảm 834,50 ha so với năm 2020.

- Đất nông nghiệp khác: Đến năm 2030 có 79,33 ha, chiếm 0,21 % tổng diện tích tự nhiên tăng 50,50 ha so với năm 2020, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 28,83 ha. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 15,50 ha; đất nuôi trồng thủy sản 35,00 ha để thực hiện các dự án xây dựng trang trại chăn nuôi tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện đến năm 2030 có 6.123,35 ha, chiếm 16,41% tổng diện tích đất tự nhiên. Thực tăng 1.334,52 ha so với năm 2020. Bao gồm:

- Đất quốc phòng: đến năm 2030 diện tích sử dụng cho mục đích quốc phòng là 95,00 ha, chiếm 0,25% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 43,06 ha, tăng 51,94 ha so với năm 2020 do lấy từ đất trồng lúa 44,94 ha; đất nuôi trồng thủy sản 5,00 ha; đất phát triển hạ tầng 2,00 ha (đất giao thông). **Diện tích tăng lên do thực hiện các công trình, dự án sau: Khu vực phòng thủ của tỉnh (Trung đoàn 897), xã Tham Đôn; Ban CHQS huyện Mỹ Xuyên, xã Hòa Tú 2.**

- Đất an ninh: Đến năm 2030 diện tích sử dụng cho mục đích an ninh là 14,00 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2,11 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển tăng 11,89 ha được lấy từ đất trồng lúa 2,80 ha; đất nuôi trồng thủy sản 9,09 ha.

+ Chu chuyển giảm 0,01 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 11,88 ha so với năm 2020.

Bảng 10: Danh mục công trình, dự án đất an ninh giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
1.1	Trụ sở công an xã Thạnh Phú	CAN	0,20		0,20	Xã Thạnh Phú
1.2	Trụ sở công an xã Thạnh Quới	CAN	0,20		0,20	Xã Thạnh Quới
1.3	Trụ sở công an xã Gia Hòa 1	CAN	0,20		0,20	Xã Gia Hòa 1

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1.4	Trụ sở công an xã Gia Hòa 2	CAN	0,20		0,20	Xã Gia Hòa 2
1.5	Trụ sở công an xã Ngọc Tố	CAN	0,20		0,20	Xã Ngọc Tố
1.6	Trụ sở công an xã Ngọc Đông	CAN	0,00		0,00	Xã Ngọc Đông
1.7	Trụ sở công an xã Hòa Tú 2	CAN	0,20		0,20	Xã Hòa Tú 2
1.8	Trụ sở công an xã Hòa Tú 1	CAN	0,20		0,20	Xã Hòa Tú 1
1.9	Trụ sở công an xã Đại Tâm	CAN	0,20		0,20	Xã Đại Tâm
1.10	Trụ sở công an thị trấn Mỹ Xuyên	CAN	0,20		0,20	TT Mỹ Xuyên
1.11	Trụ sở công an xã Tham Đôn	CAN	0,20		0,20	Xã Tham Đôn
1.12	Trụ sở mới Công an huyện Mỹ Xuyên	CAN	5,00		5,00	Xã Hòa Tú 1
1.13	Trụ sở công an huyện (chuyển đổi vị trí)	CAN	2,00		2,00	TT Mỹ Xuyên
1.14	Quỹ đất phát triển an ninh trên địa bàn huyện	CAN	2,89		2,89	Toàn huyện

- Đất khu công nghiệp: Theo định hướng công nghiệp của huyện, diện tích khoanh khu công nghiệp dự kiến là 150,0 ha trên địa bàn xã Đại Tâm. Tuy nhiên, diện tích của huyện được phân bổ cho mục đích khu công nghiệp là 50,0 ha, do đó huyện có đưa diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 50,00 ha, chiếm 0,82% so với tổng diện tích tự nhiên, việc thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất sẽ thể hiện toàn bộ ranh giới thực hiện khảo sát để lập quy hoạch chi tiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện trong điều kiện chỉ tiêu phân bổ thấp hơn chỉ tiêu khảo sát (lựa chọn vị trí nào thực hiện trước). Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 36,00 ha; đất trồng cây hàng năm khác 10,00 ha; đất phát triển hạ tầng 4,00ha (đất giao thông). Diện tích tăng để thực hiện dự án khu công nghiệp – đô thị - dịch vụ Phú Mỹ (xã Đại Tâm).

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 140,00 ha, chiếm 0,38% tổng diện tích tự nhiên, tăng 140,00 ha được lấy từ đất trồng cây lâu năm 3,58 ha; đất nuôi trồng thủy sản 123,83 ha; đất phát triển hạ tầng 8,00 ha (đất giao thông); đất ở tại nông thôn 4,59 ha. Diện tích tăng để quy hoạch cụm công nghiệp Thạnh Phú, Ngọc Đông và Hòa Tú 2 trên địa bàn huyện.

- Đất thương mại - dịch vụ: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 48,00 ha, chiếm 0,13 % tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong năm kỳ quy hoạch là 22,54 ha. Tăng 25,46 ha so với năm 2020. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 2,50 ha; đất trồng cây hàng năm khác 5,96 ha; đất trồng

cây lâu năm 5,50 ha; đất nuôi trồng thủy sản 11,50 ha. **Diện tích tăng lên do thực hiện các công trình, dự án sau:**

Bảng 11: Danh mục công trình, dự án đất thương mại dịch vụ giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
21.1	Xây dựng 3 cây xăng	TMD	0,60		0,60	Xã Tham Đôn
21.2	Mở rộng cửa hàng xăng dầu	TMD	0,05		0,05	Xã Thạnh Phú
21.3	Xây dựng các điểm kinh doanh dịch vụ (chuyên mục đích)	TMD	0,30		0,30	TT Mỹ Xuyên
21.4	Xây dựng các điểm kinh doanh dịch vụ (chuyên mục đích)	TMD	0,20		0,20	xã Thạnh Quới
21.5	Trạm dừng chân Minh Khai	TMD	12,08		12,08	Xã Thạnh Phú
21.6	Xây dựng các điểm kinh doanh dịch vụ (chuyên mục đích)	TMD	0,32		0,32	Xã Tham Đôn
21.7	Quỹ đất thương mại dịch vụ	TMD	11,91		11,91	Toàn huyện
21.8	Vùng phụ cận hai bên đường dẫn từ tuyến tránh Quốc lộ 1 vào Dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1	SKC+TMD	16,00		16,00	Xã Đại Tâm

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 74,00 ha, chiếm 0,20 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 45,41 ha. Trong đó:

+ Chuyển tăng 28,59 ha được lấy từ đất trồng lúa 20,00 ha; đất trồng cây hàng năm 2,50 ha; đất trồng cây lâu năm 0,50 ha; đất nuôi trồng thủy sản 5,59 ha;

+ Chuyển giảm 1,29 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,59 ha; đất ở tại đô thị 0,70 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 27,30 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 12: Danh mục công trình, dự án đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
20.1	Xây dựng trạm cấp nước sạch ấp Bung Thum, ấp Ngọn, ấp Thạnh Hưng, ấp Đay Sô	SKC	0,15		0,15	Xã Thạnh Quới
20.2	Xây dựng trạm cấp nước sạch ấp Phú Giao	SKC	0,03		0,03	Xã Thạnh Quới
20.3	Xây dựng trạm cấp nước sạch khu 4, ấp Sóc Bung, ấp Phú B, ấp Phú Hưng, ấp Phú Thuận	SKC	0,15		0,15	Xã Thạnh Phú
20.4	Xây dựng trạm cấp nước sạch ấp Hòa Tân	SKC	0,06		0,06	Xã Ngọc Tố
20.5	Xây dựng trạm cấp nước sạch ấp Hòa Tú 2	SKC	0,06		0,06	Xã Ngọc Tố
20.6	Quy đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	7,22		7,22	Toàn huyện
20.7	Xây dựng trạm cấp nước sạch ấp Hòa Đại	SKC	0,06		0,06	Xã Ngọc Tố
20.8	Trạm cấp nước Khu trung tâm xã, ấp Hòa Đức, ấp Hòa Trung, ấp Hòa Đê, ấp Hòa Phương	SKC	0,30		0,30	Xã Hòa Tú 1
20.9	Mở rộng công ty TNHH Khánh Sùng	SKC+ONT	20,00		20,00	Xã Đại Tâm
20.10	Mở rộng DNTN Hưng Thạnh	SKC	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
20.11	Trạm cấp nước số 03	SKC	0,03		0,03	Xã Tham Đôn
20.12	Trạm cấp nước	SKC	0,03		0,03	Xã Hòa Tú 1
20.13	Trạm cấp nước tập trung	SKC	0,02		0,02	Xã Hòa Tú 2
20.14	Vùng phụ cận hai bên đường dẫn từ tuyến tránh Quốc lộ 1 vào Dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1	SKC+TMD	16,00		16,00	Xã Đại Tâm

* Đất phát triển hạ tầng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 3.416,13 ha, chiếm 9,16% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2.789,67 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng là 626,46 ha được lấy từ đất trồng lúa 130,98 ha; đất trồng cây hàng năm khác 77,62 ha; đất trồng cây lâu năm 21,71 ha; đất nuôi trồng thủy sản 389,01 ha; đất ở tại nông thôn 5,34 ha; đất ở tại đô thị 1,53 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,27 ha.

Chu chuyển giảm 40,00 ha do chuyển sang đất quốc phòng 2,00 ha; đất khu công nghiệp 4,00 ha; đất cụm công nghiệp 8,00 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,07 ha; đất ở tại nông thôn 18,22 ha; đất ở tại đô thị 5,71 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,00 ha.

Cân đối tăng (giảm): tăng 586,46 ha so với năm 2020.

Đất phát triển hạ tầng được thể hiện chi tiết các loại đất sau:

+ Đất giao thông: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 1.194,15 ha, chiếm 3,20% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 900,67 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng 293,48 ha được lấy từ đất trồng lúa 85,15 ha; đất trồng cây hàng năm khác 21,81 ha; đất trồng cây lâu năm 6,39 ha; đất nuôi trồng thủy sản 169,89 ha; đất phát triển hạ tầng 4,40 ha (đất thủy lợi 3,40 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,20 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,80 ha); đất ở tại nông thôn 5,34 ha; đất ở tại đô thị 0,50 ha.

Chu chuyển giảm 47,02 ha do chuyển sang đất quốc phòng 2,00 ha; đất khu công nghiệp 4,00 ha; đất phát triển hạ tầng 11,40 ha (đất thủy lợi 0,40 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục 3,00 ha; đất công trình năng lượng 8,00 ha); đất ở tại nông thôn 16,00 ha; đất ở tại đô thị 3,62 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,00 ha.

Cân đối tăng (giảm): tăng 246,46 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 13: Danh mục công trình, dự án đất giao thông giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.1	Dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1	DGT	59,00		59,00	TT Mỹ Xuyên; xã Đại Tâm; xã Tham Đôn
4.2	Cầu Đinh Thần	DGT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
4.3	Hèm Bắc Ky nối dài Đập Tiến Nhật	DGT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
4.4	Hèm tổ 12 (Kinh Chủ Hồ)	DGT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
4.5	Hèm 83	DGT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
4.6	Hèm 128	DGT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
4.7	Cầu, đường Phan Thanh Giản	DGT	1,00		1,00	TT Mỹ Xuyên
4.8	Đường Phan Chu Trinh (Từ đường Ngô Quyền đến Cầu số 2)	DGT	0,50		0,50	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.9	Nối dài hẻm Thành Phát (Hẻm 23)	DGT	0,15		0,15	Xã Đại Tâm
4.10	Nối dài, nâng cấp, xây rãnh thoát nước Hẻm 31	DGT	0,08		0,08	Xã Đại Tâm
4.11	Nâng cấp, xây rãnh thoát nước Hẻm 20	DGT	0,03		0,03	Xã Đại Tâm
4.12	Đường cặp kênh 19/5 do Dự án VnSAT hỗ trợ (Giai đoạn 2)	DGT	2,10		2,10	Xã Đại Tâm
4.13	Hẻm 25 do Dự án VnSAT hỗ trợ (Giai đoạn 2)	DGT	0,25		0,25	Xã Đại Tâm
4.14	Mở mới đường kênh ông Chấn	DGT	0,40		0,40	Xã Đại Tâm
4.15	Nối dài Hẻm 24 đến trường Mẫu giáo 2/9 và xây rãnh thoát nước	DGT	0,05		0,05	Xã Đại Tâm
4.16	Nâng cấp và xây mới hẻm 29 (D: 300m, rộng 2,5m)	DGT	0,08		0,08	Xã Đại Tâm
4.17	Đường Hẻm 11 và hẻm 16	DGT	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
4.18	Đường Hẻm 25 và hẻm 31	DGT	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
4.19	Đường Hẻm 19 và hẻm 29	DGT	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
4.20	Đường Xóm 3	DGT	1,00		1,00	Xã Đại Tâm
4.21	Đường liên ấp từ hẻm 10 đến hẻm 11 đến hẻm 20	DGT	1,00		1,00	Xã Đại Tâm
4.22	Đường liên ấp từ sân vận động hẻm 14 đến hẻm 33	DGT	1,00		1,00	Xã Đại Tâm
4.23	Đường liên ấp hẻm 14 đến hẻm 24	DGT	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
4.24	Dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đường, thảm bê tông nhựa Đường tỉnh 939 (từ cầu Bưng Cốc đến thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa)	DGT	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
4.25	Tuyến đường dẫn vào dự án thành phần 4 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	DGT	16,00		16,00	Xã Đại Tâm
4.26	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây, tỉnh Sóc Trăng	DGT	25,00		25,00	Xã Thanh Quới; xã Gia Hòa 1; xã Gia Hòa 2; xã Hòa Tú 1; xã Hòa Tú 2
4.27	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 940 (đoạn qua huyện Mỹ Xuyên)	DGT	5,70	4,20	1,50	Xã Thanh Phú; xã Gia Hòa 1
4.28	Đường từ Trục phát triển - nhà 9 Canh (Tam Hòa)	DGT	1,00		1,00	Xã Gia Hòa 1
4.29	Đường Long Hòa - Cầu 8 Phú - Vĩnh B	DGT	1,00		1,00	Xã Gia Hòa 1
4.30	Xây dựng bến xe xã	DGT	0,20		0,20	Xã Gia Hòa 1

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.31	Mở rộng đường Tam Hòa- Trung Hòa	DGT	0,50		0,50	Xã Gia Hòa 1
4.32	Mở mới đường Trường học Long Hòa- kênh Thanh Mỹ	DGT	0,50		0,50	Xã Gia Hòa 1
4.33	Mở mới đường Định Hòa- Long Hòa	DGT	0,55		0,55	Xã Gia Hòa 1
4.34	Mở mới đường Kênh Thanh Mỹ- Xóm Lung (đoạn 2)	DGT	0,15		0,15	Xã Gia Hòa 1
4.35	Mở mới đường Vĩnh B- Kênh Thanh Mỹ	DGT	0,25		0,25	Xã Gia Hòa 1
4.36	Đường Xóm Lung nối dài- Phước Hòa	DGT	0,36		0,36	Xã Gia Hòa 1
4.37	Đường Công Hòa- Vườn Cò	DGT	0,15		0,15	Xã Gia Hòa 1
4.38	Lộ đal kênh Bờ Tre	DGT	1,20		1,20	Xã Gia Hòa 1
4.39	Lộ đal Công Hòa - Trung Hòa - TL 940	DGT	0,90		0,90	Xã Gia Hòa 1
4.40	Nâng cấp mở rộng đường Vĩnh A- Công Hòa	DGT	1,00		1,00	Xã Gia Hòa 1
4.41	Nâng cấp mở rộng đường Long Hòa- Tam Hòa- Vĩnh B	DGT	1,00		1,00	Xã Gia Hòa 1
4.42	Nâng cấp đường từ Ngã tư Út Linh - Huyện Lộ 52 (cầu 2 Nhàn)	DGT	1,00		1,00	Xã Gia Hòa 1
4.43	Nâng cấp mở rộng đường Hai Dường- Ngã 3 Miêu (Tam Hòa)	DGT	0,30		0,30	Xã Gia Hòa 1
4.44	Mở mới đường từ Trung Hòa- TL 940	DGT	0,36		0,36	Xã Gia Hòa 1
4.45	Mở mới đường Hai Ninh- Long Hòa (Giáp ấp Hòa Bình xã Hòa Tú 2)	DGT	0,55		0,55	Xã Gia Hòa 1
4.46	Nâng cấp đường Chín Mưu- Tam Hòa đến Nông trường Phước Hòa	DGT	0,50		0,50	Xã Gia Hòa 1
4.47	Mở mới đường từ nhà ông Ngân đến nhà ông Bình (ấp Tam Hòa)	DGT	0,15		0,15	Xã Gia Hòa 1
4.48	Đầu tư hạ tầng vùng sản xuất tôm lúa hữu cơ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (ĐH.52)	DGT	7,84		7,84	xã Hòa Tú 1, xã Gia Hòa 1
4.49	Cầu Tam Hòa 10	DGT	0,05		0,05	Xã Gia Hòa 1
4.50	Xây dựng đường huyện 15B	DGT	20,00		20,00	Xã Ngọc Đông; xã Hòa Tú 1; xã Gia Hòa 1; xã Thanh Phú; xã Thanh Quới
4.51	Đường Bình Hòa - Thuận Hòa	DGT	0,86		0,86	Xã Gia Hòa 2
4.52	Đường đal Thanh Hòa - Bình Hòa	DGT	0,83		0,83	Xã Gia Hòa 2
4.53	Đường đal Thuận Hòa 2	DGT	0,60		0,60	Xã Gia Hòa 2
4.54	Đường Hiệp Hòa	DGT	1,84		1,84	Xã Gia Hòa 2

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.55	Xây dựng mở rộng đường huyện 52	DGT	1,92		1,92	Xã Gia Hòa 2
4.56	Cầu An Hòa 9	DGT	0,05		0,05	Xã Gia Hòa 2
4.57	Đường Nhơn Hòa 3	DGT	0,48		0,48	Xã Gia Hòa 2
4.58	Cầu An Hòa (6 Quyền)	DGT	0,05		0,05	Xã Gia Hòa 2
4.59	Xây dựng bến xe xã	DGT	0,15		0,15	Xã Hòa Tú 1
4.60	Công trình Nâng cấp cầu Rạch Gò qua đường huyện 55, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	DGT	0,90		0,90	Xã Hòa tú 1
4.61	Đường Hòa Đức 4	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa tú 1
4.62	Đường Hòa Trung 7	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa tú 1
4.63	Đường Hòa Phước - Hòa Đức	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa tú 1
4.64	Tuyến Hòa Đề	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa tú 1
4.65	Đường Hòa Đề 2 - Hòa Đức	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa tú 1
4.66	Công trình Nâng cấp cơ sở hạ tầng đường huyện 54, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	DGT	4,48		4,48	Xã Hòa tú 1; xã Ngọc Tố
4.67	Bê tông hoá đường cấp kênh Dương Kiên - Long Hòa	DGT	1,50		1,50	Xã Hòa Tú 2
4.68	Xây dựng mới đường cấp kênh Dương Kiên - Long Hòa và 5 cầu (bê tông hóa)	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.69	Bê tông hoá đường cấp kênh Hoà Nhờ A (trục 6, trục 12)	DGT	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 2
4.70	Bê tông hoá đường cấp kênh Hoà Bạch	DGT	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 2
4.71	Bê tông hoá đường cấp kênh Hữu Cận	DGT	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 2
4.72	Đường kênh Trương Vạc - Hoà Hưng	DGT	0,36		0,36	Xã Hòa Tú 2
4.73	Đường kênh Út Giao - Hoà Phú	DGT	0,54		0,54	Xã Hòa Tú 2
4.74	Đường kênh Hữu Cận - Hoà Trung	DGT	0,57		0,57	Xã Hòa Tú 2
4.75	Mở rộng lộ Hoà Phú - Hoà Hưng - Hoà Bình	DGT	0,60		0,60	Xã Hòa Tú 2
4.76	Mở rộng lộ ấp Hoà Phú	DGT	0,28		0,28	Xã Hòa Tú 2
4.77	Xây dựng, bê tông hoá đường kênh Nghiêm - Bánh	DGT	0,87		0,87	Xã Hòa Tú 2
4.78	Bê tông hoá đường cấp kênh Hai Dững	DGT	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 2
4.79	Xây dựng mới đường Hoà Phú (tuyến 2)	DGT	0,84		0,84	Xã Hòa Tú 2
4.80	Bê tông đường cấp kênh Trục 8	DGT	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 2
4.81	Quy hoạch đường đê sông Cái từ cầu 7 đến cầu treo	DGT	1,50		1,50	Xã Hòa Tú 2
4.82	Quy hoạch đường Vàng Lèo - Hai Châm	DGT	2,00		2,00	Xã Hòa Tú 2

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.83	Quy hoạch đường kênh Cô Hai	DGT	0,60		0,60	Xã Hòa Tú 2
4.84	Mở rộng đường kênh Giếng Làng - Ấp Hoà Nhờ B	DGT	0,60		0,60	Xã Hòa Tú 2
4.85	Quy hoạch đường kênh số 3, Hoà Nhờ B	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.86	Quy hoạch đường kênh Đắp Đầm	DGT	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 2
4.87	Quy hoạch đường Trục 5	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.88	Quy hoạch đường kênh Quả Mới	DGT	0,40		0,40	Xã Hòa Tú 2
4.89	Quy hoạch mới đường kênh Hai Thát	DGT	0,55		0,55	Xã Hòa Tú 2
4.90	Mở rộng đường Hoà Bình - Long Hoà	DGT	0,40		0,40	Xã Hòa Tú 2
4.91	Quy hoạch đường Hoà Bạch - Dương Kiển	DGT	1,80		1,80	Xã Hòa Tú 2
4.92	Mở rộng đường Hai Sinh	DGT	1,50		1,50	Xã Hòa Tú 2
4.93	Xây dựng mới đường đê Hòa Bạch và 1 cầu (bê tông hóa)	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.94	Xây dựng mới đường cấp kênh Trục 5	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.95	Xây dựng mới đường cấp kênh Trục 6	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.96	Xây dựng mới đường cấp kênh Hòa Phú - Hữu Cận	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.97	Xây dựng mới đường cấp kênh Giữa Hòa Bình	DGT	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
4.98	Xây dựng đường huyện 51B	DGT	16,00		16,00	Xã Hòa Tú 2; xã Ngọc Tố
4.99	Đường liên xã Ngọc Tố- Ngọc Đông (ĐH.51,ĐH.55)	DGT	6,45		6,45	Xã Ngọc Tố; xã Ngọc Đông
4.100	Xây dựng bến xe tại ấp Cổ Cò	DGT	0,36		0,36	Xã Ngọc Tố
4.101	Quy hoạch mới, mở rộng các tuyến giao thông (Đường trục chính bờ nam; Đường trục ấp Hòa Tân; Đường kênh trục chính Hòa Đại - Lương Văn Hoàng; Đường kênh trục chính ấp Hòa Lý - ấp Hòa Muôn - ấp Cổ Cò - ấp Hòa Đại)	DGT	4,00		4,00	Xã Ngọc Tố
4.102	Cầu cấp kênh trục 9	DGT	0,10		0,10	Xã Ngọc Tố
4.103	Lộ giao thông lộ dưới ấp Hòa Lý	DGT	0,16		0,16	Xã Ngọc Tố
4.104	Đường trục 9 (từ trục 3 đến trục 5)	DGT	0,81		0,81	Xã Ngọc Tố
4.105	Đường Trục 11 (Thanh Mỹ) - cầu ông Tổng Trục 10	DGT	1,00		1,00	Xã Ngọc Tố
4.106	Đường Trục 10 từ cầu 2 Hành - Thanh Mỹ	DGT	1,00		1,00	Xã Ngọc Tố

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.107	Đường Huyện Lộ 51 - Cầu Hòa Thọ	DGT	1,00		1,00	Xã Ngọc Tố
4.108	Đường A25 (từ huyện lộ 51 - trục đường phát triển)	DGT	1,00		1,00	Xã Ngọc Tố
4.109	Mở rộng đường tỉnh 936 mới (HT r=8m; QH r=12m)	DGT	14,86		14,86	Xã Tham Đôn; Ngọc Đông; Ngọc Tố; Hoà Tú 2
4.110	Mở rộng đường tỉnh 936B (HT r=7m; QH r=12m)	DGT	5,88		5,88	Xã Ngọc Tố
4.111	Đường bê tông Hòa Hình - Lương Văn Xe	DGT	1,00		1,00	Xã Ngọc Đông
4.112	Quy hoạch mở rộng, nâng cấp các tuyến giao thông trên địa bàn xã (Mở mới đường Hòa Lôi- Lê Văn Xe; Mở mới đường Lê Văn Xe; Mở mới đường Hòa Đăng 8; Nâng cấp đường Hòa Lôi- Huỳnh Công Đê 4)	DGT	3,00		3,00	Xã Ngọc Đông
4.113	Đường bê tông Cây Tràm	DGT	0,50		0,50	Xã Ngọc Đông
4.114	Đường bê tông Hòa Lôi (5 Báo)	DGT	0,50		0,50	Xã Ngọc Đông
4.115	Cầu bê tông Hòa Lôi 7	DGT	0,05		0,05	Xã Ngọc Đông
4.116	Đường bê tông Hòa Đăng 9	DGT	0,50		0,50	Xã Ngọc Đông
4.117	Đường bê tông Lê Văn Xe 2	DGT	0,50		0,50	Xã Ngọc Đông
4.118	Đường bê tông Lê Văn Xe 3	DGT	0,50		0,50	Xã Ngọc Đông
4.119	Xây dựng bến xe xã tại ấp Hòa Đăng	DGT	0,15		0,15	Xã Ngọc Đông
4.120	Xây dựng, mở rộng đường huyện 56, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	DGT	10,20		10,20	Xã Thạnh Phú, xã Tham Đôn
4.121	Xây dựng, mở rộng đường huyện 57 giai đoạn 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	DGT	9,20	0,38	8,82	Xã Thạnh Phú, xã Tham Đôn
4.122	Đường Cần Giờ 2 - Dù Tho (5 cầu)	DGT	1,00		1,00	Xã Tham Đôn
4.123	Đường Sông Cái 2C (A7)	DGT	1,00		1,00	Xã Tham Đôn
4.124	Đường Cô Hel	DGT	1,00		1,00	Xã Tham Đôn
4.125	Đường bê tông Dù Tho 3	DGT	0,50		0,50	Xã Tham Đôn
4.126	Nâng cấp, mở rộng đường Vũng Đùng	DGT	1,00		1,00	Xã Tham Đôn
4.127	Lộ Dal Bung Chùm	DGT	1,00		1,00	Xã Tham Đôn
4.128	Nâng cấp mở rộng lộ dal Phonocampot - Cần Giờ 2	DGT	0,50		0,50	Xã Tham Đôn
4.129	Cầu Tắc Gòng 1, Cầu Bung Chùm, Cầu qua kênh Chế Hưng	DGT	0,15		0,15	Xã Tham Đôn

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.130	Xây dựng đường huyện 58	DGT	3,80		3,80	Xã Thanh Phú
4.131	Mở rộng đường Sóc Bung (HT r=2m; QH r=3m)	DGT	0,40		0,40	Xã Thanh Phú
4.132	Công trình Nâng cấp mở rộng vận chuyển hàng hóa nuôi trồng thủy sản (đường tỉnh 940 cũ) huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	DGT	1,60		1,60	Xã Thanh Phú
4.133	Đường Kênh 19/5 đ(Giáp xã Đại Tâm đến Công Khu 2)	DGT	1,00		1,00	Xã Thanh Phú
4.134	Đường Sóc Bung - Phú Thành (đường Kênh 10 Điền)	DGT	1,00		1,00	Xã Thanh Phú
4.135	Đường cống Sóc Bung - Ba Chuội	DGT	1,00		1,00	Xã Thanh Phú
4.136	Mở rộng đường Phú Giao- Thanh Bình	DGT	0,34		0,34	Xã Thanh Quới
4.137	Xây dựng mới đường Thanh An (r=3,5, d=3km)	DGT	1,05		1,05	Xã Thanh Quới
4.138	Đường từ nhà ông Hồng Tuấn - Kênh Đay Pó	DGT	0,80		0,80	Xã Thanh Quới
4.139	Đường kênh ông Vồn (từ HL53 đến Kênh 5m)	DGT	0,58		0,58	Xã Thanh Quới
4.140	Mở rộng đường Hòa Khanh- Thanh Hòa- Hòa An	DGT	1,20		1,20	Xã Thanh Quới
4.141	Đường ông Mê (từ QL1A đến kênh Xáng Lớn)	DGT	0,29		0,29	Xã Thanh Quới
4.142	Đường hướng đông Kênh 5m (công xả nước Thanh Hưng - QL1A)	DGT	1,57		1,57	Xã Thanh Quới
4.143	Đường hướng bắc kênh xáng Đất Đỏ	DGT	1,00		1,00	Xã Thanh Quới
4.144	Mở rộng đường Phú Giáo - Thanh Bình	DGT	0,30		0,30	Xã Thanh Quới
4.145	Xây dựng 2 cây cầu trên tuyến đường Đình Hòa Khanh và Đình Thanh Hòa	DGT	0,26		0,26	Xã Thanh Quới
4.146	Đường bê tông Thanh An (LA1 đoạn cuối)	DGT	0,25		0,25	Xã Thanh Quới
4.147	Mở rộng đường từ Phú Giao qua Huỳnh Phẩm	DGT	0,50		0,50	Xã Thanh Quới
4.148	Đường Huỳnh Phẩm - Thanh Bình	DGT	2,00		2,00	Xã Thanh Quới
4.149	Đường hướng đông kênh Xóm Đồng	DGT	1,00		1,00	Xã Thanh Quới
4.150	Đường cặp kênh Đào Viên đoạn 1, đoạn 2	DGT	1,00		1,00	Xã Thanh Quới
4.151	Đường cặp kênh Phú Giao, hướng Đông Bắc (nhà ông Khởi)	DGT	1,00		1,00	Xã Thanh Quới

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
4.152	Quy hoạch, mở rộng các tuyến giao thông trong TT Mỹ Xuyên (đường Phan Chu Trinh, Hẻm 83,)	DGT	48,45	25,13	23,32	TT Mỹ Xuyên

+ Đất thủy lợi: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 1.718,00 ha chiếm 4,60% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 1.683,17 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng 34,83 ha được lấy từ đất trồng lúa 7,27 ha; đất trồng cây hàng năm khác 2,80 ha; đất trồng cây lâu năm 1,81 ha; đất nuôi trồng thủy sản 22,52 ha; đất phát triển hạ tầng 0,40 ha (đất giao thông); đất ở tại đô thị 0,03 ha.

Chu chuyển giảm 3,40 ha do chuyển sang đất giao thông.

Cân đối tăng (giảm): tăng 31,43 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 14: Danh mục công trình, dự án đất thủy lợi giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
5.1	Quỹ đất xây dựng công trình thủy lợi	DTL	17,90		17,90	Toàn huyện
5.2	Nâng cấp, nạo vét hệ thống kênh mương thủy lợi toàn xã	DTL	20,57	16,20	4,37	Xã Ngọc Tó
5.3	Dự án chống ch khí hậu tổng hợp và chuyển đổi sinh kế vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững và thịnh vượng WB11 (trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên)	DTL	2,00		2,00	Toàn huyện
5.4	Nâng cấp đường và xây rãnh thoát nước Hẻm 12	DTL	0,10		0,10	Xã Đại Tâm
5.5	Xây rãnh thoát nước đường liên ấp từ Đại Chí đến Đại Ân	DTL	0,20		0,20	Xã Đại Tâm
5.6	Nâng cấp cường và xây rãnh thoát nước Hẻm 19	DTL	0,02		0,02	Xã Đại Tâm
5.7	Nối dài, nâng cấp đường và xây mới rãnh thoát nước Hẻm 31	DTL	0,07		0,07	Xã Đại Tâm
5.8	Nâng cấp đường và xây rãnh thoát nước Hẻm 33	DTL	0,02		0,02	Xã Đại Tâm

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
5.9	Cống Kênh Chủ Hồ (Chống ngập khu vực trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên do triều cường kết hợp ứng phó biến đổi khí hậu)	DTL	0,62		0,62	TT Mỹ Xuyên
5.10	Cống Rạch Bà Thủy (Chống ngập khu vực trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên do triều cường kết hợp ứng phó biến đổi khí hậu)	DTL	0,19		0,19	TT Mỹ Xuyên
5.11	Cống Rạch Chà Và (Chống ngập khu vực trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên do triều cường kết hợp ứng phó biến đổi khí hậu)	DTL	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
5.12	Cải tạo nâng cấp kênh Hitech	DTL	2,76		2,76	TT Mỹ Xuyên
5.13	Nâng cấp, nạo vét hệ thống kênh mương thủy lợi toàn xã	DTL	19,00	18,35	0,65	Xã Hòa Tú 1
5.14	Nâng cấp, nạo vét hệ thống kênh mương thủy lợi toàn xã	DTL	13,68	11,28	2,40	Xã Hòa Tú 2
5.15	Nạo vét kênh Ranh từ Bung Chum - Trà Mệt (QH,l=1,2km, r=10m)	DTL	1,20		1,20	Xã Tham Đôn

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 6,00 ha, chiếm 0,02% so với tổng diện tích tự nhiên, tăng 5,37 ha so với năm 2020, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 0,33 ha. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,22 ha; đất nuôi trồng thủy sản 5,40 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,05 ha;

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 15: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở văn hóa giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
15.1	Quy đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,00		11,00	Toàn huyện
15.2	Xây dựng mới trung tâm văn hóa xã	DVH	0,40		0,40	Xã Đại Tâm

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
15.3	Xây dựng nhà văn hóa xã	DVH	0,05		0,05	Xã Đại Tâm

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 9,00 ha, chiếm 0,02% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2,78 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng 6,22 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,50 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,20 ha; đất nuôi trồng thủy sản 5,32 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20ha.

Chu chuyển giảm 0,61 ha do chuyển sang đất giao thông 0,20 ha; đất ở tại nông thôn 0,41 ha.

Cân đối tăng (giảm): tăng 5,61 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 16: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở y tế giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
16.1	Quỹ đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	2,62		2,62	Toàn huyện
16.2	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Xuyên	DYT	2,70		2,70	Xã Hòa Tú 1
16.3	Trạm Y tế TT Mỹ Xuyên	DYT	0,20		0,20	ấp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên
16.4	Trạm Y tế Gia Hòa 2	DYT	0,10		0,10	xã Gia Hòa 2
16.5	Trạm y tế xã Đại Tâm	DYT	0,10		0,10	Xã Đại Tâm
16.6	Trạm y tế xã Tham Đôn	DYT	0,50		0,50	Xã Tham Đôn
16.7	Trạm y tế xã Hòa Tú 2	DYT	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 2
16.8	Trạm y tế xã Thạnh Quới	DYT	0,50		0,50	Xã Thạnh Quới

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 149,65 ha, chiếm 0,40% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 62,53 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng 87,12 ha được lấy từ đất trồng lúa 19,70 ha; đất trồng cây hàng năm khác 12,42 ha; đất trồng cây lâu năm 4,00 ha; đất nuôi trồng thủy sản 47,00 ha; đất giao thông 3,00 ha; đất ở tại đô thị 1,00 ha;

Chu chuyển giảm 2,74 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở thể thao 0,65 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,07 ha; đất ở tại nông thôn 0,55 ha; đất ở tại đô thị 1,47 ha.

Cân đối tăng (giảm): tăng 84,38 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 17: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
13.1	Xây dựng mới điểm trường tại 06 ấp	DGD	0,60		0,60	Xã Ngọc Đông
13.2	Xây dựng trường mẫu giáo Thạnh Phú (điểm lẻ) tại Cấn Đức	DGD	0,38		0,38	Xã Thạnh Phú
13.3	Xây dựng trường tiểu học Thạnh Phú (điểm lẻ) tại ấp Khu 2	DGD	0,48		0,48	Xã Thạnh Phú
13.4	Xây dựng mở rộng điểm Mẫu giáo tại ấp Hòa Khanh	DGD	0,28		0,28	Xã Thạnh Quới
13.5	Xây dựng mới trường tiểu học điểm lẻ ấp Đại Nghĩa Thắng	DGD	1,00		1,00	Xã Đại Tâm
13.6	Trường cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	DGD	7,00		7,00	TT Mỹ Xuyên
13.7	Khu ký túc xá sinh viên	DGD	5,00		5,00	TT Mỹ Xuyên
13.8	Xây dựng mở rộng Trường THCS Hòa Tú 1	DGD	0,15		0,15	Xã Hòa Tú 1
13.9	Xây dựng mở rộng Trường tiểu học Hòa Tú 1A (điểm chính), tại ấp Hòa Trục	DGD	0,57	0,38	0,19	Xã Hòa Tú 1
13.10	Xây dựng mới điểm mẫu giáo tại 04 ấp	DGD	0,40		0,40	Xã Hòa Tú 1
13.11	Trường mẫu giáo tại ấp Sông Cái 2	DGD	0,22		0,22	Xã Tham Đôn
13.12	Xây dựng mới trường tiểu học và trung học cơ sở Đại Tâm	DGD	1,00		1,00	Xã Đại Tâm
13.13	Xây dựng Trường THCS đạt chuẩn QG trên nền đất UBND Xã Gia Hòa 1 (cũ)	DGD	0,15		0,15	Xã Gia Hòa 1
13.14	Xây mới trường mẫu giáo tại ấp Thạnh Hoà	DGD	0,06		0,06	Xã Gia Hòa 2
13.15	Xây dựng mới trường mẫu giáo tại ấp Thuận Hoà	DGD	0,06		0,06	Xã Gia Hòa 2
13.16	Xây dựng mở rộng trường mẫu giáo tại ấp Hoà Nhờ B	DGD	0,25		0,25	Xã Gia Hòa 2
13.17	Xây dựng mở rộng Trường tiểu học Hòa Tú 1A (điểm lẻ), tại ấp Hòa Nhạn	DGD	0,02		0,02	Xã Hòa Tú 1

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
13.18	Xây dựng trường tiểu học Tham Đôn 1 (điểm chính) tại ấp Tác Gòong	DGD	0,04		0,04	Xã Tham Đôn
13.19	Xây dựng điểm trường mẫu giáo tại, ấp Dù Tho	DGD	0,45		0,45	Xã Tham Đôn
13.20	Trường Tiểu học Tham Đôn 2	DGD	0,35		0,35	Xã Tham Đôn
13.21	Xây dựng trường mẫu giáo Thạnh Phú 1 (04 điểm lẻ)	DGD	0,02		0,02	Xã Tham Phú
13.22	Mở rộng Trường Thực hành sư phạm	DGD	2,00		2,00	TT Mỹ Xuyên
13.23	Quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	67,02		67,02	Toàn huyện

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 27,47 ha, chiếm 0,07% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 10,65 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng 16,82 ha được lấy từ đất trồng lúa 8,40 ha; đất trồng cây hàng năm khác 1,00 ha; đất trồng cây lâu năm 3,35 ha; đất nuôi trồng thủy sản 3,42 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo 0,65 ha.

Chu chuyển giảm 0,86 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,24 ha; đất ở tại đô thị 0,62 ha.

Cân đối tăng (giảm): tăng 15,96 ha so với năm 2020;

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 18: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
14.1	Xây dựng mở rộng sân vận động xã	DTT	0,82	0,42	0,40	Xã Gia Hòa 2
14.2	Khu thể thao liên ấp Bình Hòa - Thuận Hòa	DTT	0,08		0,08	Xã Gia Hòa 2
14.3	khu thể thao liên ấp An Hòa - Tân Hòa	DTT	0,08		0,08	Xã Gia Hòa 2
14.4	khu thể thao liên ấp Hiệp Hòa - Thạnh Hòa	DTT	0,08		0,08	Xã Gia Hòa 2

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
14.5	Xây dựng mới khu thể thao các ấp	DTT	0,08		0,08	Xã Gia Hòa 2
14.6	Xây dựng khu thể thao tại các ấp	DTT	0,60		0,60	Xã Ngọc Đông
14.7	Xây dựng sân thể thao 8 ấp	DTT	1,60		1,60	Xã Ngọc Tố
14.8	Xây dựng sân thể thao 14 ấp	DTT	2,40		2,40	Xã Thạnh Phú
14.9	Xây dựng sân thể thao 12 ấp	DTT	2,20		2,20	Xã Thạnh Quới
14.10	Xây dựng bể bơi (khu trung tâm xã)	DTT	0,50		0,50	Xã Gia Hòa 1
14.11	Xây dựng sân thể thao ấp Tâm Lộc, ấp Tâm Phước, ấp Đại Nghĩa Thắng, ấp Đại Ân, ấp Đại Thành, Ấp Tâm Thọ	DTT	1,20		1,20	Xã Đại Tâm
14.12	Xây dựng sân thể thao xã mới (sau khi tách về TP.Sóc Trăng)	DTT	1,00		1,00	Xã Đại Tâm
14.13	Quy hoạch đất xây dựng sân thể thao 10 ấp	DTT	2,00		2,00	Xã Hòa Tú 2
14.14	Trung tâm thể thao huyện mới	DTT	2,00		2,00	Xã Hòa Tú 1
14.15	Xây dựng sân thể thao 14 ấp	DTT	2,00		2,00	Xã Tham Đôn
14.16	Công trình Khu thể thao đa năng xã Tham Đôn	DTT	0,60		0,60	Xã Tham Đôn

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 104,80 ha, tăng 102,55 so với năm 2020, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2,25 ha. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 3,46 ha; đất trồng cây hàng năm khác 34,20 ha; đất nuôi trồng thủy sản 56,89 ha; đất giao thông 8,00 ha.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 19: Danh mục công trình, dự án đất năng lượng giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
6.1	Cải tạo, nâng tiết diện dây đường dây 110kv Sóc Trăng 2 - Vĩnh Châu	DNL	0,07		0,07	Xã Đại Tâm, Xã Tham Đôn, Xã Ngọc Đông, xã Ngọc Tố
6.2	Đường điện hạ thế dọc kênh 19/5 (3600m chiều dài)	DNL	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
6.3	Đường dây 110kV Trần Đề - Sóc Trăng 2	DNL	1,46		1,46	TT Mỹ Xuyên; Xã Tham Đôn
6.4	Đường dây đầu nối nhà máy điện gió số 16 Sóc Trăng Envision	DNL	3,67		3,67	TT Mỹ Xuyên; Xã Đại Tâm

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
6,5	Đường điện cụm công nghiệp và đường hạ thế dọc kênh 19/5	DNL	0,50		0,50	Xã Đại Tâm
6,6	Xây dựng đường điện và các trạm biến áp tại các ấp	DNL	1,30		1,30	Xã Hòa Tú 1
6,7	Nâng khả năng tải đường dây 110 Kv Bạc Liêu 2- Vĩnh Trạch Đông- Thạnh Trị - Sóc Trăng (AC185) thành dây phân pha (AC-2x185)	DNL	1,66		1,66	Các xã liên quan
6,8	Quỹ đất xây dựng đường dây, trạm biến áp	DNL	5,50		5,50	Toàn huyện
6,9	Quỹ đất phát triển mục đích năng lượng (các dự án điện mặt trời...)	DNL	87,89		87,89	Toàn huyện

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 1,00 ha, tăng 0,64 ha so với năm 2020, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 0,36 ha. Diện tích tăng được lấy từ đất nuôi trồng thủy sản 0,62 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha. Diện tích tăng để thực hiện xây dựng công trình bưu chính, viễn thông trên toàn huyện

+ Đất có di tích, lịch sử- văn hóa: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 2,79 ha, tăng 1,36 ha so với năm 2020, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 1,43 ha. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây lâu năm. Diện tích tăng để thực hiện dự án mở rộng bia Phú Lợi và đình Hòa Tú trên địa bàn huyện.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 28,00 ha, chiếm 0,08% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 5,64 ha, tăng 22,36 ha so với năm 2020, diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây lâu năm 1,40 ha; đất nuôi trồng thủy sản 20,96 ha.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 20: Danh mục công trình, dự án đất bãi thải, xử lý chất thải giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
8.1	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt- ấp Hòa Đăng	DRA	3,00		3,00	Xã Ngọc Đông
8.2	Quỹ đất xây dựng bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,06		15,06	Toàn huyện

8.3	Bãi rác xã Hòa Tú 1- Gia Hòa 1	DRA	2,00		2,00	Xã Hòa Tú 1
8.4	Xây dựng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt	DRA	2,00		2,00	Xã Hòa Tú 1
8.5	Xây dựng bãi rác trung chuyển	DRA	0,30		0,30	Xã Đại Tâm

+ Đất xây dựng cơ sở tôn giáo đến năm 2030 có 44,68 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2020.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 125,62 ha, chiếm 0,34% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 58,08 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng 67,54 ha được lấy từ đất trồng lúa nước 5,00 ha; đất trồng cây hàng năm khác 4,97 ha; đất trồng cây lâu năm 3,50 ha; đất nuôi trồng thủy sản 54,07 ha.

Chu chuyển giảm 1,40 ha do chuyển sang đất giao thông 0,80 ha; đất ở tại nông thôn 0,60 ha.

Cân đối tăng (giảm): tăng 66,14 ha so với năm 2020;

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 21: Danh mục công trình, dự án đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
17.1	Xây dựng nghĩa địa ấp Rạch Sên	NTD	1,00		1,00	Xã Thạnh Phú
17.2	Quỹ đất xây dựng, mở rộng nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	59,27		59,27	Toàn huyện
17.3	Xây dựng nghĩa trang tại ấp Thạnh Hòa	NTD	1,00		1,00	Xã Gia Hòa 2
17.4	Xây dựng mới nghĩa trang nhân dân tại ấp Huỳnh Công Đê	NTD	1,00		1,00	Xã Ngọc Đông
17.5	Xây dựng mở rộng nghĩa trang ấp Đào Viên	NTD	2,00		2,00	Xã Thạnh Quới
17.6	Xây dựng khu nghĩa trang tại ấp Hoà Đê	NTD	0,50		0,50	Xã Hòa Tú 1
17.7	Quy hoạch mở rộng đất nghĩa trang ấp Hoà Hưng	NTD	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
17.8	Quy hoạch mở rộng đất nghĩa trang ấp Hoà Nhờ B	NTD	1,90	1,10	0,80	Xã Hòa Tú 2
17.9	Quy hoạch mở rộng đất nghĩa trang	NTD	0,97		0,97	Xã Tham Đôn

+ Đất chợ: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 có 4,97 ha, chiếm 0,01% so với tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 0,65 ha. Trong đó:

Chu chuyển tăng 4,32 ha được lấy từ đất trồng lúa 1,50 ha; đất nuôi trồng thủy sản 2,82.

Chu chuyển giảm 0,12 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

Cân đối tăng (giảm): tăng 4,20 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng lên để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 22: Danh mục công trình, dự án đất chợ giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
11.1	Xây dựng mới rộng Chợ	DCH	0,30		0,30	Xã Gia Hòa 1
11.2	Xây dựng chợ trung tâm xã tại ấp Cỏ Cò	DCH	0,30		0,30	Xã Ngọc Tố
11.3	Xây dựng mở rộng chợ trung tâm xã	DCH	1,00		1,00	Xã Thạnh Phú
11.4	Xây dựng chợ Đay Sô	DCH	0,50		0,50	Xã Thạnh Quới
11.5	Xây dựng chợ trung tâm xã	DCH	0,50		0,50	Xã Ngọc Đông
11.6	Xây dựng mới chợ Dương Kiển	DCH	1,00		1,00	Xã Hòa Tú 2
11.7	Xây dựng mới rộng chợ trung tâm xã	DCH	0,72		0,72	Xã Hòa Tú 1
11.8	Xây dựng mới rộng chợ trung tâm xã	DCH	0,10		0,10	Xã Tham Đôn

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 8,24 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 2,67 ha, tăng 5,57 ha so với năm 2020. Diện tích tăng được lấy từ đất nuôi trồng thủy sản.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 23: Danh mục công trình, dự án đất sinh hoạt cộng đồng giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
9.1	Quỹ đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,48		5,48	Toàn huyện
9.2	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tâm Thọ	DSH	0,02		0,02	Xã Đại Tâm

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 12,00 ha, chiếm 0,03 % tổng diện tích tự nhiên, tăng 12,00 ha so với năm 2020. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 3,00 ha; đất nuôi trồng thủy sản 9,00 ha. Diện tích tăng là quỹ đất huyện xác định để xây dựng các khu công viên vui chơi giải trí tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 857,55 ha, chiếm 2,30 % tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 550,69 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển tăng 306,87 ha được lấy từ đất trồng lúa 74,26 ha; đất trồng cây hàng năm khác 23,94 ha; đất trồng cây lâu năm 17,43 ha; đất nuôi trồng thủy sản 170,32 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,59 ha; đất phát triển hạ tầng 18,22 ha (*đất giao thông 16,00 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,30 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,41 ha; đất giáo dục 0,55 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục – thể thao 0,24 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,60 ha; đất chợ 0,12 ha*); đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,11 ha.

+ Chu chuyển giảm 170,13 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp 4,59 ha; đất giao thông 5,34 ha; đất ở tại đô thị 160,20 ha theo định hướng phát triển đô thị của huyện tại xã Hòa Tú 1 và xã Thạnh Phú.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 136,74 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng để thực hiện các khu dân cư, các công trình, dự án bố trí đất ở trên địa bàn huyện như sau:

Bảng 24: Danh mục công trình, dự án đất ở tại nông thôn giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
19.1	Bố trí đất ở mới tại các ấp (chuyển mục đích)	ONT	188,72		188,72	Các xã trên địa bàn
19.2	Bố trí đất ở mới tại các ấp (dọc các tuyến Quốc Lộ 1A, TL 940, đường huyện. Lộ Dal,.....) (Chuyển mục đích)	ONT	2,00		2,00	Xã Thạnh Phú
19.4	Quy hoạch đất ở cho DNTN Hưng Thạnh	ONT	0,05		0,05	Xã Đại Tâm
19.5	Khu tái định cư số 01 xã Tham Đôn	ONT	4,96		4,96	Xã Tham Đôn
19.6	Trường Tiểu học Hòa Tân, Ấp Hòa Tân, xã Hòa Tú 1, Mỹ Xuyên (340 m2) chuyển cho hộ Trịnh Văn Út	ONT	0,03		0,03	Xã Hòa Tú 1

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
19.7	Khu đô thị mới - Khu số 2, thị trấn mới thuộc huyện Mỹ Xuyên	ONT	37,00		37,00	Xã Hòa Tú 1
19.8	Khu đô thị mới - Khu số 3, thị trấn mới thuộc huyện Mỹ Xuyên	ONT	29,00		29,00	Xã Hòa Tú 1
19.9	Khu chợ và nhà ở thương mại xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên	ONT+DHT	5,00		5,00	Xã Hòa Tú 1
19.10	Khu tái định cư và nhà ở xã hội thị trấn mới thuộc huyện Mỹ Xuyên	ONT+DHT	7,67		7,67	Xã Hòa Tú 1
	<i>Các dự án kêu gọi đầu tư</i>					
19.11	Chợ Nhu Gia, (trường tiểu học TP 1 cũ), ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (2,259,9 m ²)	ONT	0,23		0,23	Xã Thạnh Phú
19.12	UBND Xã Thạnh Phú (Chợ Nhu Gia), ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (445,6 m ²)	ONT	0,05		0,05	Xã Thạnh Phú
19.13	UBND Xã Thạnh Phú (Chợ), ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (565,3m ²)	ONT	0,06		0,06	Xã Thạnh Phú
19.14	UBND Xã Thạnh Phú (Ban Quản lý chợ, Khu 1) (35,2 m ²)	ONT	0,00		0,00	Xã Thạnh Phú
19.15	Khu chợ và nhà ở thương mại, ấp Hòa Trục, xã Hòa Tú 1 (12,318 m ²)	ONT	1,23		1,23	Xã Hòa Tú 1
	<i>Các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất tại nông thôn</i>					
19.16	UBND xã Thạnh Phú, ấp khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (10007 m ²)	ONT	1,00		1,00	Xã Thạnh Phú
19.17	Đất nghĩa địa ấp Khu 4, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (4000 m ²)	ONT	0,40		0,40	Xã Thạnh Phú
19.18	Đất nghĩa địa - Đồn cũ, ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (2040 m ²)	ONT	0,20		0,20	Xã Thạnh Phú
19.19	Trường Tiểu học Thạnh Quới 4, Ấp Hòa Khanh, xã Thạnh Quới, Mỹ Xuyên (348 m ²)	ONT	0,03		0,03	Xã Thạnh Quới
19.20	Trường Tiểu học Thạnh Quới 2, Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Quới, Mỹ Xuyên (367 m ²)	ONT	0,04		0,04	Xã Thạnh Quới

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
19.21	Đất phía sau trạm y tế Vĩnh A (1920 m ²)	ONT	0,19		0,19	Xã Gia Hòa 1
19.22	Đất phía sau Trường Học áp Long Hòa (500 m ²)	ONT	0,05		0,05	Xã Gia Hòa 1
19.23	Thửa đất áp Phước Hòa (1130 m ²)	ONT	0,11		0,11	Xã Gia Hòa 1
19.24	UBND Xã Gia Hoà 2 (Sân bóng), áp An Hòa, xã Gia Hòa 2, Mỹ Xuyên (2.363,5m ²)	ONT	0,24		0,24	Xã Gia Hòa 2
19.25	UBND xã quản lý - 186/ Hòa Trục (5.271,1 m ²)	ONT	0,53		0,53	Xã Hòa Tú 1
19.26	Trường tiểu học Hòa Tân, áp Hòa Tân, xã Hòa Tú 1 (340,0 m ²)	ONT	0,53		0,53	Xã Hòa Tú 1
19.27	Nhà Lê Văn Khải (đất trạm Y tế cũ), áp Dương Kiên, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (293,7 m ²)	ONT	0,03		0,03	Xã Hòa Tú 2
19.28	Nhà Ngô Quốc Tiệp (đất trạm Y tế cũ), áp Dương Kiên, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (322,5 m ²)	ONT	0,03		0,03	Xã Hòa Tú 2
19.29	Nguyễn Chí Nguyên; Lâm Thị Mai, áp Dương Kiên, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (1.025 m ²)	ONT	0,10		0,10	Xã Hòa Tú 2
19.30	Nhà Văn Trung Hậu, áp Dương Kiên, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (800 m ²)	ONT	0,08		0,08	Xã Hòa Tú 2
19.31	Nhà Văn Trung Hậu, áp Dương Kiên, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (1.257 m ²)	ONT	0,13		0,13	Xã Hòa Tú 2
19.32	Nhà Lê Văn Thọ, áp Dương Kiên, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (1.983 m ²)	ONT	0,20		0,20	Xã Hòa Tú 2
19.33	Nhà Nguyễn Tấn Chức + Nguyễn Tấn Sĩ (6.250 m ²)	ONT	0,63		0,63	Xã Hòa Tú 2
19.34	Kho lương thực cũ Lâm Lũa- 483/9 áp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (5942 m ²)	ONT	0,59		0,59	Xã Ngọc Tó
19.35	Ao giếng Làng 123/9 áp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (10247m ²)	ONT	1,02		1,02	Xã Ngọc Tó
19.36	Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đông áp Hòa Đặng (Củ)- xã Ngọc Đông - huyện Mỹ Xuyên - tỉnh Sóc Trăng (3.733 m ²)	ONT	0,25		0,25	Xã Ngọc Đông

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
19.37	Trường tiểu học Thanh Phú 2 (Điễm lè), Ấp Khu 4 xã Thanh Phú, Mỹ Xuyên (851 m ²)	ONT	0,09		0,09	Xã Thanh Phú
19.38	Trường tiểu học Thanh Phú 2 (Điễm lè), Ấp Phú A, xã Thanh Phú (1082,0m ²)	ONT	0,11		0,11	Xã Thanh Phú
19.39	Trường tiểu học Thanh Phú 2 (Điễm lè), Ấp Phú B, xã Thanh Phú (951,0 2)	ONT	0,10		0,10	Xã Thanh Phú
19.40	Trường tiểu học Thanh Phú 5 (Điễm lè, Rạch Sên C), Ấp Rạch Sên, xã Thanh Phú (576,8 m ²)	ONT	0,06		0,06	Xã Thanh Phú
19.41	Trường tiểu học Thanh Phú 4 ấ Phú Hưng (892,0m ²)	ONT	0,09		0,09	Xã Thanh Phú
19.42	Trường tiểu học Gia Hòa 2B (Điễm lè), ấ Nhon Hòa, xã Gia Hòa 2 (656,8m ²)	ONT	0,07		0,07	Xã Gia Hòa 2
19.43	Trường tiểu học Ngọc Tô 1 (điễm lè), ấ Trần Minh Quyền, xã Ngọc Tô (277,6m ²)	ONT	0,03		0,03	Xã Ngọc Tô
19.44	Trường tiểu học Ngọc Tô 1 (điễm lè), ấ Hòa Tân, xã Ngọc Tô (210,0 m ²)	ONT	0,02		0,02	Xã Ngọc Tô
19.45	Trường tiểu học Ngọc Tô 1 (điễm lè), ấ Lương Văn Huỳnh, xã Ngọc Tô (857,0m ²)	ONT	0,09		0,09	Xã Ngọc Tô
	<i>Các dự án bán đấu giá trên địa bàn các xã</i>					
19.46	Bán đấu giá Nhà văn hóa xã Đại Tâm, ấ Tâm Thọ, xã Đại Tâm (3036,0 m ²)	ONT	0,30		0,30	Xã Đại Tâm
19.47	Bán đấu giá Hợp tác xã Đại Tâm, ấ Tâm Thọ, xã Đại Tâm	ONT	0,02		0,02	Xã Đại Tâm
19.48	Đấu giá Khu đất bệnh viện đa khoa Thanh Phú, ấ Sóc Bưng, xã Thanh Phú, Mỹ Xuyên (21830 m ²)	ONT	2,18		2,18	Xã Thanh Phú
19.49	Đấu giá UBND xã Thanh Phú (Khối Vận Cũ), ấ Khu 1, xã Thanh Phú, Mỹ Xuyên (296,7 m ²)	ONT	0,03		0,03	Xã Thanh Phú
19.50	Trường tiểu học Thanh Phú 2 (điễm lè), Ấp Phú Thuận,	ONT	0,09		0,09	Xã Thanh Phú

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
19.51	xã Thanh Phú, Mỹ Xuyên (864 m ²) Đầu giá khu vực chợ ấp Vĩnh B (53 hộ) (38990 m ²)	ONT	3,90		3,90	Xã Gia Hòa 1
19.52	Đầu giá Trường tiểu học ấp Phước Hòa (718.0 m ²)	ONT	0,07		0,07	Xã Gia Hòa 1
19.53	Bán đầu giá đất UBND xã quản lý - 35/Hòa Tân (Phía sau Trạm Y Tế xã 1,483m ²)	ONT	0,15		0,15	Xã Hòa Tú 1
19.54	Bán đầu giá Ấp Hữu Cận quản lý (1787 m ²)	ONT	0,18		0,18	Xã Hòa Tú 2
19.55	Đầu giá đất Công an xã Ngọc Tó, ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (134,9 m ²)	ONT	0,01		0,01	Xã Ngọc Tó
19.56	Đầu giá đất Trạm y tế xã Ngọc Tó (cũ), ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (1601.2 m ²)	ONT	0,16		0,16	Xã Ngọc Tó
19.57	Đầu giá đất Trường mẫu giáo xã Ngọc Tó, đường tỉnh 936, ấp Cổ Cò, xã Ngọc tó (3088.4 m ²)	ONT	0,31		0,31	Xã Ngọc Tó

- Đất ở tại đô thị: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 320,81 ha, chiếm 0,86 tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 89,75 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển tăng 231,06 ha được lấy từ đất trồng lúa 37,00 ha; đất trồng cây hàng năm khác 10,77 ha; đất trồng cây lâu năm 4,23 ha; đất nuôi trồng thủy sản 8,26 ha; đất an ninh 0,01 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,70 ha; đất phát triển hạ tầng 5,71 ha (*đất giao thông 3,62 ha; đất giáo dục- đào tạo 1,47 ha; đất thể dục- thể thao 0,62 ha*); đất ở tại nông thôn 160,20 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 4,18 ha.

+ Chu chuyển giảm 1,53 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 1,53 ha (*đất giao thông 0,50 ha; đất thủy lợi 0,03 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục -đào tạo 1,00 ha*)

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 229,53 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 25: Danh mục công trình, dự án đất ở tại đô thị giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
18.1	Quy hoạch đất ở thị trấn (Chuyển mục đích)	ODT	1,00		1,00	TT Mỹ Xuyên
18.2	Đất ở mới Tuyến dân cư Tỉnh lộ 8 nối dài (chuyển mục đích)	ODT	1,00		1,00	TT Mỹ Xuyên
18.3	Quy hoạch đất ở thị trấn	ODT	1,00		1,00	TT Mỹ Xuyên
18.4	Đất ở mới Khu dân cư các ấp	ODT	23,91		23,91	TT Mỹ Xuyên
18.5	Quy hoạch đất ở ven trục phát triển	ODT	5,00		5,00	TT Mỹ Xuyên
18.6	Quy hoạch đất ở ven đê bao chống ngập đến công Chùa Và	ODT	3,00		3,00	TT Mỹ Xuyên
18.7	Đất ở mới Tuyến dân cư TL 8 nối dài	ODT	18,00		18,00	TT Mỹ Xuyên
18.8	Chuyển đất ở nông thôn sang đất ở đô thị theo định hướng phát triển đô thị trên địa bàn huyện	ODT	163,20		163,20	Xã Hòa Tú 1, xã Thạnh Phú
	Các dự án kêu gọi đầu tư					
18.9	Dự án nhà ở thương mại - dịch vụ ấp Châu Thành, TTMX, huyện Mỹ Xuyên	ODT	6,86		6,86	TT Mỹ Xuyên
18.10	Dự án nhà ở thương mại - dịch vụ ấp Thạnh Lợi, TTMX, huyện Mỹ Xuyên	ODT	0,62		0,62	TT Mỹ Xuyên
	Các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất tại đô thị					
18.11	UBND huyện quản lý (nền Cà Tắm), ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên (664,2 m ²)	ODT	0,07		0,07	TT Mỹ Xuyên
18.12	Trường bỏ túc công nông, ấp Thanh Lợi, TT Mỹ Xuyên (10993,3 m ²)	ODT	1,10		1,10	TT Mỹ Xuyên
18.13	Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 1 (Tô Hữu Nghĩa cũ), đường Triệu Nương, ấp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên (212,8 m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên
	Các dự án bán đấu giá trên địa bàn TT Mỹ Xuyên					
18.14	Đấu giá Trạm bảo vệ thực vật, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (259,1 m ²)	ODT	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
18.15	Đấu giá Huyện đoàn huyện Mỹ Xuyên, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (352,6 m ²)	ODT	0,04		0,04	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
18.16	Đầu giá Trạm Thủy Nông, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (348,1 m ²)	ODT	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
18.17	Đầu giá Trạm Khuyến Ngư, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (332,7 m ²)	ODT	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
18.18	Đầu giá Trường tiểu học Mỹ Xuyên 2, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (1.166 m ²)	ODT	0,12		0,12	TT Mỹ Xuyên
18.19	Đầu giá Trường Mầm non Sơn Ca, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (627,5 m ²)	ODT	0,06		0,06	TT Mỹ Xuyên
18.20	Đất ao sen cặp nghĩa trang liệt sĩ huyện, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (2.639,5 m ²)	ODT	0,26		0,26	TT Mỹ Xuyên
18.21	Đầu giá Trạm Khuyến Nông, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (207,1 m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên
18.22	Đầu giá Trung tâm dân số KHHGD, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (352,9 m ²)	ODT	0,04		0,04	TT Mỹ Xuyên
18.23	Đầu giá Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (3.431,9 m ²)	ODT	0,34		0,34	TT Mỹ Xuyên
18.24	Đầu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2, Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (253,2 m ²)	ODT	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
18.25	Đầu giá Phòng Tư pháp, Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (220,9m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên
18.26	Đầu giá Phòng Dân tộc huyện (Đăng ký đất đai cũ), Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (98,8 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.27	Đầu giá Thửa đất trống (Nhà Văn hóa ấp Hòa Mỹ), Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (158,8 m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên
18.28	Đầu giá Nhà Tập thể lương thực cũ, Đường Trần Hưng	ODT	0,00		0,00	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
	Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (31,7 m2)					
18.29	Đầu giá Nhà tập thể y tế cũ, Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (84,8 m2)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.30	Đầu giá Phòng Tài nguyên và Môi trường (cũ), 21, Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (114,4 m2)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.31	Đầu giá Trạm Thú Y, Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (28,7 m2)	ODT	0,00		0,00	TT Mỹ Xuyên
18.32	Đầu giá Thửa 214, Bến xe Mỹ Xuyên (cũ), Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (290,3 m2)	ODT	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
18.33	Đầu giá Thửa 100, Bến xe Mỹ Xuyên (cũ), Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (277,1 m2)	ODT	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
18.34	Đầu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2, Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (629,1 m2)	ODT	0,06		0,06	TT Mỹ Xuyên
18.35	Đầu giá Ban Điều hành Giao thông Mỹ Xuyên (cũ), Thửa đất trồng Đường Huỳnh Văn Chính, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (3.234,1 m2)	ODT	0,32		0,32	TT Mỹ Xuyên
18.36	Đầu giá Ban Điều hành Giao thông Mỹ Xuyên (cũ), Phòng Kinh tế và HT, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (2.415,5m2)	ODT	0,24		0,24	TT Mỹ Xuyên
18.37	Đầu giá Hợp tác xã Xây dựng (cũ), ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (910,8 m2)	ODT	0,09		0,09	TT Mỹ Xuyên
18.38	Đầu giá Nhà kho công ty xây dựng (cũ), ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (476,1 m2)	ODT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
18.39	Đầu giá Ban chỉ huy Quân sự thị trấn (cũ), Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (68,7 m2)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
18.40	Đầu giá Đội thuế thị trấn, Đường Trung Vương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (26,5 m ²)	ODT	0,00		0,00	TT Mỹ Xuyên
18.41	Đầu giá Khu nhà vệ sinh ấp Hòa Mỹ, Đường Phan Bội Châu, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (40,8 m ²)	ODT	0,00		0,00	TT Mỹ Xuyên
18.42	Đầu giá Trụ sở Ban nhân dân ấp Châu Thành (cũ), Đường Nguyễn Tri Phương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (30,8 m ²)	ODT	0,00		0,00	TT Mỹ Xuyên
18.43	Đầu giá Nhà máy Chấn Xương (cũ), đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (1.585,7 m ²)	ODT	0,16		0,16	TT Mỹ Xuyên
18.44	Đầu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2, đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (463,9 m ²)	ODT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
18.45	Đầu giá Phòng Thủy lợi cũ, đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (612,2 m ²)	ODT	0,06		0,06	TT Mỹ Xuyên
18.46	Đầu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2 (đất trống), Đường huyện 14, ấp Chợ Cũ, TTMX, Mỹ Xuyên (288,8 m ²)	ODT	0,03		0,03	TT Mỹ Xuyên
18.47	Đầu giá Thửa đất số 44 đường tỉnh 934 (gần Trường CĐSP), Đường Tỉnh 934, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (1.783,9 m ²)	ODT	0,18		0,18	TT Mỹ Xuyên
18.48	Đầu giá Công an thị trấn Mỹ Xuyên, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (118,1 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.49	Đầu giá Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (459,2 m ²)	ODT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên
18.50	Đầu giá Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (1.972,3 m ²)	ODT	0,20		0,20	TT Mỹ Xuyên
18.51	Đầu giá Phòng Tài nguyên và MT huyện, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (218,7 m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
18.52	Đầu giá Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (926,4 m ²)	ODT	0,09		0,09	TT Mỹ Xuyên
18.53	Đầu giá Cửa hàng ăn uống (cũ), đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (66,1 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.54	Đầu giá Đảng ủy thị trấn (cũ), Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (83,5 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.55	Đầu giá Đảng ủy thị trấn (cũ), Đường Lê Văn Duyệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (221,5 m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên
18.56	Đầu giá Đài Truyền Thanh, Đường Trưng Vương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (89,8 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.57	Đầu giá Thanh tra Nhà nước huyện, đường Nguyễn Tri Phương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (60,4 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.58	Đầu giá Khu nhà vệ sinh ấp Châu Thành, đường Nguyễn Thái Học, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (71,7 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.59	Đầu giá Hội đồng nhân dân huyện Mỹ Xuyên, đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (207,0 m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên
18.60	Đầu giá Trụ sở UBND huyện Mỹ Xuyên, Đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (2.709,0m ²)	ODT	0,27		0,27	TT Mỹ Xuyên
18.61	Đầu giá UBMT Tổ quốc (Ban Dân vận huyện), đường Lý Thường Kiệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (195,7 m ²)	ODT	0,02		0,02	TT Mỹ Xuyên
18.62	Đầu giá Ban nhân dân ấp Châu Thành mới, Đường Lý Thường Kiệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (52,8 m ²)	ODT	0,01		0,01	TT Mỹ Xuyên
18.63	Đầu giá Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đường Lý Thường Kiệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (645,7 m ²)	ODT	0,06		0,06	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
18.64	Đầu giá Nhà máy Nguyên sinh cũ, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (3.941,9 m ²)	ODT	0,39		0,39	TT Mỹ Xuyên
18.65	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (143B Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX) (10.119,7 m ²)	ODT	1,01		1,01	TT Mỹ Xuyên
18.66	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (Đường Trần Hưng đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX) (5.369,2 m ²)	ODT	0,54		0,54	TT Mỹ Xuyên
18.67	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (143B Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX) (936,0 m ²)	ODT	0,09		0,09	TT Mỹ Xuyên
18.68	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (Đường Trần Hưng đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX) (9.857,8 m ²)	ODT	0,99		0,99	TT Mỹ Xuyên
18.69	Đầu giá Thửa đất số 191 (cấp Hạt quản lý sửa chữa đường bộ và nhà dân), ấp Thạnh Lợi, Thị trấn Mỹ Xuyên (459,5 m ²)	ODT	0,05		0,05	TT Mỹ Xuyên

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 48,25 ha, chiếm 0,13 % tổng diện tích tự nhiên, diện tích không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 31,05 ha. Trong đó:

+ Chu chuyển tăng 17,20 ha được lấy từ đất trồng lúa 1,80 ha; đất nuôi trồng thủy sản 12,90 ha; đất phát triển hạ tầng 2,00 ha (đất giao thông).

+ Chu chuyển giảm 6,56 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,27 ha (đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,05 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 0,20 ha; đất bưu chính viễn thông 0,02 ha); đất ở tại nông thôn 2,11 ha; đất ở tại đô thị 4,18 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 10,64 ha so với năm 2020.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau:

Bảng 26: Danh mục công trình, dự án đất xây dựng trụ sở cơ quan giai đoạn 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
(1)	(2)		(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
22.1	Quỹ đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,50		5,50	Xã Thạnh Phú
22.2	Xây dựng trạm khí tượng Thủy văn	TSC	1,00		1,00	Xã Đại Tâm

22.3	Xây dựng khu hành hành chính huyện mới	TSC	10,70		10,70	Xã Hòa Tú 1
------	--	-----	-------	--	-------	-------------

- Đất tín ngưỡng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 6,23 ha, giữ nguyên diện tích so với năm 2020.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 982,17 ha, chiếm 2,63 % tổng diện tích tự nhiên, giữ nguyên diện tích so với năm 2020.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 50,95ha, chiếm 0,14 % tổng diện tích tự nhiên, tăng 47,00 ha so với năm 2020. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 2,00 ha; đất nuôi trồng thủy sản 45,00 ha. Diện tích tăng thêm để xây dựng các hồ chứa nước chống xâm nhập mặn trên địa bàn huyện.

2.2.3.4. Đất đô thị

Đến năm 2030 diện tích đất đô thị của huyện Mỹ Xuyên là 9.484,63 ha chiếm 25,42% so với tổng diện tích tự nhiên. Đất đô thị được phân bổ tại thị trấn Mỹ Xuyên và định hướng phát triển đô thị tại xã Hòa Tú 1, xã Thạnh Phú.

Trên cơ sở cân đối, tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực. Danh mục các công trình, dự án của huyện được thống kê theo bảng sau:

Bảng 27: Bảng thống kê công trình, dự án dự kiến thực hiện trong thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021

STT	HẠNG MỤC	Số công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Chuyển tiếp		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Đất quốc phòng	2	54,55	2	54,55		
2	Đất an ninh	14	11,89	7	8,00	7	3,89
3	Đất cụm công nghiệp	3	140,00	1	40,00	2	100,00
4	Đất thương mại - dịch vụ	7	25,46	4	24,51	3	0,95
5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	14	44,61	12	28,59	2	16,02
6	Đất phát triển hạ tầng	255	680,43	136	221,24	119	459,19
	Đất giao thông	152	324,22	64	126,14	88	198,08
	Đất thủy lợi	16	34,83	13	34,64	3	0,19
	Đất cơ sở văn hóa	3	11,45	1	0,40	2	11,05
	Đất cơ sở y tế	9	7,22	4	3,20	5	4,02
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	23	87,12	19	19,91	4	67,21
	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	16	16,82	10	14,48	6	2,34
	Đất năng lượng	9	102,55	3	2,30	6	100,25
	Đất bưu chính viễn thông	2	0,64	1	0,02	1	0,62
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	2	1,26	2	1,26		
	Đất xử lý chất thải, bãi thải	5	22,36	4	7,30	1	15,06

STT	HẠNG MỤC	Số công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Chuyển tiếp		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
	Đất xây dựng cơ sở tôn giáo						
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	9	67,54	7	7,27	2	60,27
	Đất chợ	8	4,42	7	4,32	1	0,10
7	Đất sinh hoạt cộng đồng	2	5,50			2	5,50
8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1	12,00			1	12,00
9	Đất ở tại nông thôn	56	290,40	46	276,97	10	13,44
10	Đất ở tại đô thị	69	231,06	68	213,06	1	18,00
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	3	17,20	1	5,50	2	11,70
12	Đất nông nghiệp khác	1	50,50	1	50,50		
13	Đất trồng cây hàng năm	1	143,00	1	143,00		
14	Đất trồng cây lâu năm	1	84,00	1	84,00		
15	CMD sang đất nuôi trồng thủy sản						
16	Đất mặt nước chuyên dùng	3	47,00	1	1,00	2	46,00
	Tổng số công trình, dự án	432	1.887,61	281	1.150,98	151	736,64

* Tổng hợp các công trình, dự án 2021-2030 của huyện Mỹ Xuyên 432 công trình, trong đó:

- 281 công trình, dự án chuyển tiếp từ quy hoạch kỳ trước;
- 151 công trình, dự án bổ sung mới;

(Chi tiết Danh mục các công trình dự án quy hoạch trong giai đoạn 2021-2030 xem tại Phụ biểu 01)

2.2.3.5. Chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân

Toàn huyện có 3 dân tộc chính là Kinh, Hoa và Khmer; phong tục tập quán truyền thống của từng dân tộc tạo nên đời sống văn hóa, tinh thần của người dân đa dạng, phong phú. Huyện Mỹ Xuyên có hệ thống sông, kênh, rạch chằng chịt; các tuyến giao thông như Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường bê tông nông thôn liên xã chủ yếu chạy dọc theo các tuyến sông, kênh (tuyến đường giao thông nông thôn) phục vụ nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn huyện; trao đổi hàng hóa, giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài huyện. Tỷ lệ phân bố dân cư không đồng đều, đa số người dân thường sống tập trung ở những khu vực trung tâm, các khu vực còn lại tỷ lệ người dân sinh sống rất thấp, chủ yếu nhà gắn liền vườn, nuôi trồng thủy sản. Kết quả thực hiện các tuyến dân cư theo quy hoạch không cao vì việc quy hoạch nhằm để khuyến khích người dân, nhà nước không can thiệp bằng biện pháp thu hồi đất.

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển, các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được phát triển theo những hình thái khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện và mức độ phân bố trong từng khu vực; phong tục tập quán sống của từng địa phương, từng dân tộc gắn liền với thửa đất của mình. Các tụ điểm dân cư truyền thống được hình thành tập trung bên cạnh những khu vực có nước và có điều kiện canh tác ở những nơi có giao thông thuận tiện cho sản xuất và lưu thông hàng hoá. Vì vậy, công tác quản lý đất đai nói chung và quản lý việc chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2020 – 2030 (đăng ký nhu cầu sử dụng đất quy định tại điểm a Khoản 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai) nói riêng trên địa bàn huyện gặp rất nhiều khó khăn theo quy định tại Điều 52 và 57 Luật Đất đai 2013 và quá trình biên tập, in ấn bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Do đó, để đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 95 và 97 Luật Đất đai 2013; đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất quy định tại Điều 166 và 167 Luật Đất đai 2013 cũng như thực hiện thủ tục hành chính về đất đai quy định tại Điều 195 Luật Đất đai 2013. Việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện theo tuyến giao thông như Quốc lộ và Đường tỉnh (mỗi bên 50m), đường huyện và đường bê tông nông thôn (mỗi bên 30m) liên xã chạy dọc theo các tuyến sông, kênh cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở và chủ sử dụng hoàn thành nghĩa vụ tài chính có liên quan. Hiện nay, 06 xã vùng trong của huyện gồm xã Thạnh Quới, Thạnh Phú, Gia Hòa 1, Gia Hòa 2, Hòa Tú 1, Hòa Tú 2, Ngọc Tố và xã Ngọc Đông thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 09/5/2022 Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2022 – 2025 được thống kê hàng năm của huyện là đất nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân 06 xã vùng trong của huyện được cấp ghi đất trồng lúa; chưa được cập nhật, chỉnh lý sang đất nuôi trồng thủy sản theo chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của huyện. Vì vậy, việc chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp (từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản) của hộ gia đình, cá nhân 06 xã vùng trong của huyện cho phép thực hiện theo chỉ tiêu chung của UBND tỉnh Sóc Trăng phân bổ cho cấp huyện theo quy định. Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND huyện theo dõi, cập nhật lên bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Theo quy định tại Phụ lục số 08 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì chỉ đồ màu trên nền bản đồ được 01 loại đất (mục đích đơn không có quy định đồ màu cho mục đích kép). Việc chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Điều 52 và 57 Luật Đất đai 2013 gặp rất nhiều khó khăn tại địa phương; hộ gia đình, cá nhân đăng ký chuyển mục đích sử dụng trên từng thửa đất cụ thể nhưng nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân chỉ thực hiện một phần diện tích trong thửa đất của mình và một thửa đất cũng có nhiều nhu cầu sử dụng đất khác nhau để đáp ứng kinh tế gia đình nói riêng và sự phát triển kinh tế xã hội của huyện, tỉnh nói chung. Do đó, việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất thương mại, dịch vụ và các loại đất trong nội bộ đất nông nghiệp khi mục đích sử dụng đất được thể hiện, cập nhật, khoanh vẽ trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 (ONT+SKC+TMD+CLN) hoặc HNK+BHK,... của huyện. Mục đích sử dụng đất (mục đích đơn và mục đích kép) quy định tại Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2.3.6. Phương án xử lý các khu đất công trên địa bàn huyện

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 393 ngày 18/02/2019, Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Theo đó, 108 khu đất công với diện tích 30,92 ha được đưa vào kỳ quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 với các mục đích : Kêu gọi đầu tư; đấu giá và giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với đất ở nông thôn và đất ở đô thị. Cụ thể:

Bảng 28: Các khu đất công đưa vào trong kỳ quy hoạch 2021-2030

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
18	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ			
	<i>Các dự án kêu gọi đầu tư</i>			
18.9	Dự án nhà ở thương mại - dịch vụ ấp Châu Thành, TTMX, huyện Mỹ Xuyên	ODT	6,86	TT Mỹ Xuyên
18.10	Dự án nhà ở thương mại - dịch vụ ấp Thanh Lợi, TTMX, huyện Mỹ Xuyên	ODT	0,62	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<i>Các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất tại đô thị</i>			
18.11	UBND huyện quản lý (nền Cỏ Tấm), ấp Hòa Mỹ, TT Mỹ Xuyên (664,2 m ²)	ODT	0,07	TT Mỹ Xuyên
18.12	Trường bổ túc công nông, ấp Thanh Lợi, TT Mỹ Xuyên (10993,3 m ²)	ODT	1,10	TT Mỹ Xuyên
18.13	Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 1 (Tô Hữu Nghĩa cũ), đường Triệu Nuong, ấp Châu Thành, TT Mỹ Xuyên (212,8 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
	<i>Các dự án bán đấu giá trên địa bàn TT Mỹ Xuyên</i>			
18.14	Đấu giá Trạm bảo vệ thực vật, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (259,1 m ²)	ODT	0,03	TT Mỹ Xuyên
18.15	Đấu giá Huyện đoàn huyện Mỹ Xuyên, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (352,6 m ²)	ODT	0,04	TT Mỹ Xuyên
18.16	Đấu giá Trạm Thủy Nông, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (348,1 m ²)	ODT	0,03	TT Mỹ Xuyên
18.17	Đấu giá Trạm Khuyến Ngư, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (332,7 m ²)	ODT	0,03	TT Mỹ Xuyên
18.18	Đấu giá Trường tiểu học Mỹ Xuyên 2, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (1.166 m ²)	ODT	0,12	TT Mỹ Xuyên
18.19	Đấu giá Trường Mầm non Sơn Ca, đường Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (627,5 m ²)	ODT	0,06	TT Mỹ Xuyên
18.20	Đất ao sen cặp nghĩa trang liệt sĩ huyện, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (2.639,5 m ²)	ODT	0,26	TT Mỹ Xuyên
18.21	Đấu giá Trạm Khuyến Nông, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (207,1 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
18.22	Đấu giá Trung tâm dân số KHHGD, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (352,9 m ²)	ODT	0,04	TT Mỹ Xuyên
18.23	Đấu giá Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, đường Tỉnh 934, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (3.431,9 m ²)	ODT	0,34	TT Mỹ Xuyên
18.24	Đấu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2, Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (253,2 m ²)	ODT	0,03	TT Mỹ Xuyên
18.25	Đấu giá Phòng Tư pháp, Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (220,9 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
18.26	Đấu giá Phòng Dân tộc huyện (Đăng ký đất đai cũ), Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (98,8 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.27	Đấu giá Thửa đất trống (Nhà Văn hóa ấp Hòa Mỹ), Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (158,8 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
18.28	Đấu giá Nhà Tập thể lương thực cũ, Đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (31,7 m ²)	ODT	0,00	TT Mỹ Xuyên
18.29	Đấu giá Nhà tập thể y tế cũ, Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (84,8 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.30	Đấu giá Phòng Tài nguyên và Môi trường (cũ), 21, Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (114,4 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
18.31	Đấu giá Trạm Thú Y, Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (28,7 m ²)	ODT	0,00	TT Mỹ Xuyên
18.32	Đấu giá Thửa 214, Bến xe Mỹ Xuyên (cũ), Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (290,3 m ²)	ODT	0,03	TT Mỹ Xuyên
18.33	Đấu giá Thửa 100, Bến xe Mỹ Xuyên (cũ), Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (277,1 m ²)	ODT	0,03	TT Mỹ Xuyên
18.34	Đấu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2, Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (629,1 m ²)	ODT	0,06	TT Mỹ Xuyên
18.35	Đấu giá Ban Điều hành Giao thông Mỹ Xuyên (cũ), Thửa đất trồng Đường Huỳnh Văn Chính, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (3.234,1 m ²)	ODT	0,32	TT Mỹ Xuyên
18.36	Đấu giá Ban Điều hành Giao thông Mỹ Xuyên (cũ), Phòng Kinh tế và HT, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (2.415,5 m ²)	ODT	0,24	TT Mỹ Xuyên
18.37	Đấu giá Hợp tác xã Xây dựng (cũ), ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (910,8 m ²)	ODT	0,09	TT Mỹ Xuyên
18.38	Đấu giá Nhà kho công ty xây dựng (cũ), ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (476,1 m ²)	ODT	0,05	TT Mỹ Xuyên
18.39	Đấu giá Ban chỉ huy Quân sự thị trấn (cũ), Đường Tỉnh 934, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (68,7 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.40	Đấu giá Đội thuế thị trấn, Đường Trung Vương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (26,5 m ²)	ODT	0,00	TT Mỹ Xuyên
18.41	Đấu giá Khu nhà vệ sinh ấp Hòa Mỹ, Đường Phan Bội Châu, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (40,8 m ²)	ODT	0,00	TT Mỹ Xuyên
18.42	Đấu giá Trụ sở Ban nhân dân ấp Châu Thành (cũ), Đường Nguyễn Tri Phương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (30,8 m ²)	ODT	0,00	TT Mỹ Xuyên
18.43	Đấu giá Nhà máy Chấn Xương (cũ), đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (1.585,7 m ²)	ODT	0,16	TT Mỹ Xuyên
18.44	Đấu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2, đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (463,9 m ²)	ODT	0,05	TT Mỹ Xuyên
18.45	Đấu giá Phòng Thủy lợi cũ, đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (612,2 m ²)	ODT	0,06	TT Mỹ Xuyên
18.46	Đấu giá Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2 (đất trống), Đường huyện 14, ấp Chợ Cũ, TTMX, Mỹ Xuyên (288,8 m ²)	ODT	0,03	TT Mỹ Xuyên
18.47	Đấu giá Thửa đất số 44 đường tỉnh 934 (gần Trường CĐSP), Đường Tỉnh 934, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (1.783,9 m ²)	ODT	0,18	TT Mỹ Xuyên
18.48	Đấu giá Công an thị trấn Mỹ Xuyên, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (118,1 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.49	Đấu giá Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (459,2 m ²)	ODT	0,05	TT Mỹ Xuyên
18.50	Đấu giá Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (1.972,3 m ²)	ODT	0,20	TT Mỹ Xuyên

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
18.51	Đầu giá Phòng Tài nguyên và MT huyện, đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (218,7 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
18.52	Đầu giá Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đường Trần Hưng Đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX, Mỹ Xuyên (926,4 m ²)	ODT	0,09	TT Mỹ Xuyên
18.53	Đầu giá Cửa hàng ăn uống (cũ), đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (66,1 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.54	Đầu giá Đảng ủy thị trấn (cũ), Đường Hoàng Diệu, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (83,5 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.55	Đầu giá Đảng ủy thị trấn (cũ), Đường Lê Văn Duyệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (221,5 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
18.56	Đầu giá Đài Truyền Thanh, Đường Trung Vương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (89,8 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.57	Đầu giá Thanh tra Nhà nước huyện, đường Nguyễn Tri Phương, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (60,4 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.58	Đầu giá Khu nhà vệ sinh ấp Châu Thành, đường Nguyễn Thái Học, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (71,7 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.59	Đầu giá Hội đồng nhân dân huyện Mỹ Xuyên, đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (207,0 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
18.60	Đầu giá Trụ sở UBND huyện Mỹ Xuyên, Đường Ngô Quyền, ấp Vĩnh Xuyên, TTMX, Mỹ Xuyên (2.709,0 m ²)	ODT	0,27	TT Mỹ Xuyên
18.61	Đầu giá UBMT Tổ quốc (Ban Dân vận huyện), đường Lý Thường Kiệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (195,7 m ²)	ODT	0,02	TT Mỹ Xuyên
18.62	Đầu giá Ban nhân dân ấp Châu Thành mới, Đường Lý Thường Kiệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (52,8 m ²)	ODT	0,01	TT Mỹ Xuyên
18.63	Đầu giá Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đường Lý Thường Kiệt, ấp Châu Thành, TTMX, Mỹ Xuyên (645,7 m ²)	ODT	0,06	TT Mỹ Xuyên
18.64	Đầu giá Nhà máy Nguyên sinh cũ, ấp Thạnh Lợi, TTMX, Mỹ Xuyên (3.941,9 m ²)	ODT	0,39	TT Mỹ Xuyên
18.65	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (143B Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX) (10.119,7 m ²)	ODT	1,01	TT Mỹ Xuyên
18.66	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (Đường Trần Hưng đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX) (5.369,2 m ²)	ODT	0,54	TT Mỹ Xuyên
18.67	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (143B Lê Lợi, ấp Châu Thành, TTMX) (936,0 m ²)	ODT	0,09	TT Mỹ Xuyên
18.68	Đầu giá Huyện ủy Mỹ Xuyên, (Đường Trần Hưng đạo, ấp Hòa Mỹ, TTMX) (9.857,8 m ²)	ODT	0,99	TT Mỹ Xuyên
18.69	Đầu giá Thửa đất số 191 (cấp Hạt quản lý sửa chữa đường bộ và nhà dân), ấp Thạnh Lợi, Thị trấn Mỹ Xuyên (459,5 m ²)	ODT	0,05	TT Mỹ Xuyên
19	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		290,40	
	<i>Các dự án kêu gọi đầu tư</i>			

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
19.8	Chợ Nhu Gia, (trường tiểu học TP 1 cũ), ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (2,259,9 m ²)	ONT	0,23	Xã Thạnh Phú
19.9	UBND Xã Thạnh Phú (Chợ Nhu Gia), ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (445,6 m ²)	ONT	0,05	Xã Thạnh Phú
19.10	UBND Xã Thạnh Phú (Chợ), ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (565,3 m ²)	ONT	0,06	Xã Thạnh Phú
19.11	UBND Xã Thạnh Phú (Ban Quản lý chợ, Khu 1) (35,2 m ²)	ONT	0,00	Xã Thạnh Phú
19.12	Khu chợ và nhà ở thương mại, ấp Hòa Trục, xã Hòa Tú 1 (12,318 m ²)	ONT	1,23	Xã Hòa Tú 1
	<i>Các dự án giao đất có thu tiền sử dụng đất tại nông thôn</i>			
19.13	UBND xã Thạnh Phú, ấp khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (10007 m ²)	ONT	1,00	Xã Thạnh Phú
19.14	Đất nghĩa địa ấp Khu 4, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (4000 m ²)	ONT	0,40	Xã Thạnh Phú
19.15	Đất nghĩa địa - Đồn cũ, ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (2040 m ²)	ONT	0,20	Xã Thạnh Phú
19.16	Trường Tiểu học Thạnh Quới 4, Ấp Hòa Khanh, xã Thạnh Quới, Mỹ Xuyên (348 m ²)	ONT	0,03	Xã Thạnh Quới
19.17	Trường Tiểu học Thạnh Quới 2, Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Quới, Mỹ Xuyên (367 m ²)	ONT	0,04	Xã Thạnh Quới
19.18	Đất phía sau trạm y tế Vĩnh A (1920 m ²)	ONT	0,19	Xã Gia Hòa 1
19.19	Đất phía sau Trường Học ấp Long Hòa (500 m ²)	ONT	0,05	Xã Gia Hòa 1
19.20	Thửa đất ấp Phước Hòa (1130 m ²)	ONT	0,11	Xã Gia Hòa 1
19.21	UBND Xã Gia Hòa 2 (Sân bóng), ấp An Hòa, xã Gia Hòa 2, Mỹ Xuyên (2.363,5 m ²)	ONT	0,24	Xã Gia Hòa 2
19.22	UBND xã quản lý - 186/ Hòa Trục (5.271,1 m ²)	ONT	0,53	Xã Hòa Tú 1
19.23	Trường tiểu học Hòa Tân, ấp Hòa Tân, xã Hòa Tú 1 (340,0 m ²)	ONT	0,53	Xã Hòa Tú 1
19.24	Nhà Lê Văn Khải (đất trạm Y tế cũ), ấp Dương Kiển, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (293,7 m ²)	ONT	0,03	Xã Hòa Tú 2
19.25	Nhà Ngô Quốc Tiệp (đất trạm Y tế cũ), ấp Dương Kiển, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (322,5 m ²)	ONT	0,03	Xã Hòa Tú 2
19.26	Nguyễn Chí Nguyên; Lâm Thị Mai, ấp Dương Kiển, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (1.025 m ²)	ONT	0,10	Xã Hòa Tú 2
19.27	Nhà Văn Trung Hậu, ấp Dương Kiển, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (800 m ²)	ONT	0,08	Xã Hòa Tú 2
19.28	Nhà Văn Trung Hậu, ấp Dương Kiển, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (1.257 m ²)	ONT	0,13	Xã Hòa Tú 2
19.29	Nhà Lê Văn Thọ, ấp Dương Kiển, xã Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên (1.983 m ²)	ONT	0,20	Xã Hòa Tú 2
19.30	Nhà Nguyễn Tấn Chúc + Nguyễn Tấn Sĩ (6.250 m ²)	ONT	0,63	Xã Hòa Tú 2

STT	HẠNG MỤC	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
19.31	Kho lương thực cũ Lâm Lũa- 483/9 ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (5942 m ²)	ONT	0,59	Xã Ngọc Tó
19.32	Ao giếng Làng 123/9 ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (10247 m ²)	ONT	1,02	Xã Ngọc Tó
19.33	Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đông ấp Hòa Đặng (Cù)- xã Ngọc Đông - huyện Mỹ Xuyên - tỉnh Sóc Trăng (3.733 m ²)	ONT	0,25	Xã Ngọc Đông
19.34	Trường tiểu học Thạnh Phú 2 (Điểm lẻ), Ấp Khu 4 xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (851 m ²)	ONT	0,09	Xã Thạnh Phú
19.35	Trường tiểu học Thạnh Phú 2 (Điểm lẻ), Ấp Phú A, xã Thạnh Phú (1082,0 m ²)	ONT	0,11	Xã Thạnh Phú
19.36	Trường tiểu học Thạnh Phú 2 (Điểm lẻ), Ấp Phú B, xã Thạnh Phú (951,0 m ²)	ONT	0,10	Xã Thạnh Phú
19.37	Trường tiểu học Thạnh Phú 5 (Điểm lẻ, Rạch Sên C), Ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú (576,8 m ²)	ONT	0,06	Xã Thạnh Phú
19.38	Trường tiểu học Thạnh Phú 4 ấp Phú Hưng (892,0m ²)	ONT	0,09	Xã Thạnh Phú
19.39	Trường tiểu học Gia Hòa 2B (Điểm lẻ), ấp Nhơn Hòa, xã Gia Hòa 2 (656,8 m ²)	ONT	0,07	Xã Gia Hòa 2
19.40	Trường tiểu học Ngọc Tó 1 (điểm lẻ), ấp Trần Minh Quyền, xã Ngọc Tó (277,6 m ²)	ONT	0,03	Xã Ngọc Tó
19.41	Trường tiểu học Ngọc Tó 1 (điểm lẻ), ấp Hòa Tàn, xã Ngọc Tó (210,0 m ²)	ONT	0,02	Xã Ngọc Tó
19.42	Trường tiểu học Ngọc Tó 1 (điểm lẻ), ấp Lương Văn Huỳnh, xã Ngọc Tó (857,0 m ²)	ONT	0,09	Xã Ngọc Tó
	<i>Các dự án bán đấu giá trên địa bàn các xã</i>			
19.43	Bán đấu giá Nhà văn hóa xã Đại Tâm, ấp Tâm Thọ, xã Đại Tâm (3036,0 m ²)	ONT	0,30	Xã Đại Tâm
19.44	Bán đấu giá Hợp tác xã Đại Tâm, ấp Tâm Thọ, xã Đại Tâm	ONT	0,02	Xã Đại Tâm
19.45	Đấu giá Khu đất bệnh viện đa khoa Thạnh Phú, ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (21830 m ²)	ONT	2,18	Xã Thạnh Phú
19.46	Đấu giá UBND xã Thạnh Phú (Khôi Vận Cũ), ấp Khu 1, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (296,7 m ²)	ONT	0,03	Xã Thạnh Phú
19.47	Trường tiểu học Thạnh Phú 2 (điểm lẻ), Ấp Phú Thuận, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên (864 m ²)	ONT	0,09	Xã Thạnh Phú
19.48	Đấu giá khu vực chợ ấp Vĩnh B (53 hộ) (38990 m ²)	ONT	3,90	Xã Gia Hòa 1
19.49	Đấu giá Trường tiểu học ấp Phước Hòa (718.0 m ²)	ONT	0,07	Xã Gia Hòa 1
19.50	Bán đấu giá đất UBND xã quản lý - 35/Hòa Tân (Phía sau Trạm Y Tế xã 1,483 m ²)	ONT	0,15	Xã Hòa Tú 1
19.51	Bán đấu giá Ấp Hữu Cận quản lý (1787 m ²)	ONT	0,18	Xã Hòa Tú 2
19.52	Đấu giá đất Công an xã Ngọc Tó, ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (134,9 m ²)	ONT	0,01	Xã Ngọc Tó
19.53	Đấu giá đất Trạm y tế xã Ngọc Tó (cũ), ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tó (1601.2 m ²)	ONT	0,16	Xã Ngọc Tó
19.54	Đấu giá đất Trường mẫu giáo xã Ngọc Tó, đường tỉnh 936, ấp Cổ Cò, xã Ngọc tó (3088.4 m ²)	ONT	0,31	Xã Ngọc Tó

2.2.3.7. Diện tích chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 1.334,52 ha.

Trong đó:

+ Đất trồng lúa: 352,78 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 134,29 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: 52,95 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 794,50 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 84,00 ha.

+ Đất trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 84,00 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 191,72 ha.

(Chi tiết tại Biểu 04/CH kèm theo báo cáo thuyết minh)

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Đất đô thị

Có 9.484,63 ha, chiếm 25,42% tổng diện tích tự nhiên. Theo định hướng phát triển đô thị đến năm 2030, diện tích đô thị của huyện tập trung tại TT Mỹ Xuyên, xã Hòa Tú 1 và xã Thạnh Phú

2.3.2. Khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)

Có 11.733,19 ha, chiếm 31,44% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây lâu năm tập trung tại TT Mỹ Xuyên, xã Đại Tâm, xã Tham Đôn, xã Thạnh Phú, xã Thạnh Quới.

2.3.3. Khu vực phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Có 190,00 ha, chiếm 0,51 % tổng diện tích tự nhiên, bao gồm khu công nghiệp đô thị - dịch vụ Phú Mỹ (xã Đại Tâm) và cụm công nghiệp tại xã Thạnh Phú, Hòa Tú 2, Ngọc Đông.

2.3.4. Khu thương mại – dịch vụ

Có 48,00 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích tự nhiên. Định hướng thương mại-dịch vụ cơ bản phân bố đồng đều tại các xã, thị trấn.

2.3.5. Khu dân cư nông thôn

Có 4.109,44 ha, chiếm 11,01% tổng diện tích tự nhiên.

2.3.6. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Có 931,55 ha, chiếm 2,50 % tổng diện tích tự nhiên.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án quy hoạch đã xác định rõ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch đến năm 2030, theo đó cũng tạo ra nguồn thu từ đất cho ngân sách địa phương từ việc giao đất, cho thuê đất. Đồng thời cũng thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phương án điều chỉnh quy hoạch đã xác định được các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho những đối tượng được nhà nước thu hồi đất để sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn huyện Mỹ Xuyên.

Thông qua việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất, Nhà nước đảm bảo các quyền được hưởng của các chủ sử dụng. Người sử dụng đất yên tâm đầu tư trên diện tích đất được giao, được thuê để thực hiện tự nguyện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, đảm bảo cơ cấu tỷ lệ giữa các khu vực là nông, ngư nghiệp - công nghiệp và xây dựng – dịch vụ thay đổi linh hoạt theo từng thời kỳ, nâng cao đời sống nhân dân, ổn định an ninh trật tự xã hội, phủ xanh đất trống đồi núi trọc và bảo vệ môi trường.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện bố trí 8.486,17 ha diện tích đất trồng lúa, chiếm 22,74 % diện tích đất tự nhiên, phần đầu tổng sản lượng lương thực 140.000 tấn/năm.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đã thể hiện rõ quan điểm và phương hướng phát triển ngành nông nghiệp của huyện thời kỳ 2021-2030 cơ bản đáp ứng phát triển ngành nông nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo ra sản phẩm có chất lượng

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

- Phương án quy hoạch sử dụng đất đã giải quyết quỹ đất ở, hạn chế mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển

đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất, bố trí ổn định dân cư cho các vùng. Việc bố trí, sắp xếp dân cư một cách hiệu quả, hợp lý đã góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng NTM, qua đó bố trí dân cư tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản như sau:

- Về xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu: Thông qua chương trình bố trí dân cư, Huyện sẽ hình thành các cụm dân cư nông thôn góp phần mở rộng quỹ đất tạo mặt bằng xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng thiết yếu thực hiện nhóm tiêu chí xây dựng cơ hạ tầng trong xây dựng NTM.

- Về ổn định dân cư, góp phần xóa đói giảm nghèo: Ổn định dân cư - người dân có nơi ở ổn định thì mới yên tâm phát triển sản xuất. Mặt khác, thông qua chương trình bố trí dân cư đã hình thành và phát triển các điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thúc đẩy phát triển các dịch vụ tại nông thôn tạo công ăn, việc làm cho người lao động địa phương.

- Về thu nhập: Do xu thế của cơ chế thị trường hiện nay, việc áp dụng các tiến bộ KHKT vào trong sản xuất giúp nâng cao hiệu quả kinh tế nhằm phát triển nông nghiệp nông thôn góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng CNH - HĐH. Từ đó, giúp nâng cao thu nhập cho các hộ, cải thiện đời sống nhân dân, tăng sản phẩm cho xã hội.

- Theo Phương án Quy hoạch, diện tích đất nông nghiệp phải chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp là 1.334,52 ha, trong đó: đất trồng lúa 590,28 ha (toàn bộ là đất chuyên trồng lúa nước), đất trồng cây hàng năm khác 134,29 ha, đất trồng cây lâu năm 52,95 ha. Tuy nhiên, phương án quy hoạch sử dụng đất đã cân nhắc để chuyển đổi đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp tại các vị trí kém hiệu quả tránh tình trạng sử dụng lãng phí. Mặt khác, cũng bố trí hợp lý quỹ đất sản xuất phi nông nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp tại nông thôn với quy mô sản xuất lớn nhằm khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ từ đó thúc đẩy được quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn nói chung và các hộ dân thuộc diện thu hồi đất nói riêng.

- Phương án quy hoạch cũng đã bố trí quỹ đất để phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn xã Thạnh Phú và các điểm thương mại - dịch vụ tại các xã, thị trấn nhằm đáp ứng nhu cầu về đất cho lĩnh vực phát triển công nghiệp, đô thị. Đây cũng là một trong những giải pháp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho nhân dân trong huyện nói chung và người dân bị thu hồi đất nói riêng.

- Bên cạnh đó phương án quy hoạch sử dụng đất đã phần nào tháo gỡ được một số khó khăn vướng mắc sau:

+ Tạo ra nguồn kinh phí để chi trả bồi thường, xây dựng khu tái định cư (nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, cho thuê đất, đấu giá đất trên địa bàn...),

tránh tình trạng do khó khăn về nguồn kinh phí, nên nhiều dự án chi trả tiền bồi thường kéo dài, dẫn đến phát sinh những vướng mắc khi chính sách bồi thường thay đổi, phát sinh khối lượng.

+ Bố trí hợp lý quỹ đất ở, đáp ứng đủ quỹ đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (điện, nước, giao thông, trường học, nhà văn hóa, nhà truyền thống ...) thuận lợi trong việc chuyển đổi nghề, tạo việc làm mới và tăng thu nhập.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Phương án quy hoạch sử dụng đất về cơ bản đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn. Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống điểm dân cư phù hợp với sự phân bố và phát triển lực lượng sản xuất.

Quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng đã được định hướng trong phương án quy hoạch làm cơ sở pháp lý để thực hiện, tránh thực hiện không đúng theo quy hoạch phát triển của địa phương, gây khó khăn cho việc định hướng phát triển lâu dài, không đúng trong quá trình thực hiện.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đặc biệt là các khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phân khu.

Phương án quy hoạch cũng đã xác định đủ quỹ đất cho các công trình quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trên địa bàn huyện, đáp ứng yêu cầu hoạt động của các lực lượng quân đội, công an nhân dân, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã tạo điều kiện cho việc tôn tạo, phục dựng di tích tôn trọng nguyên mẫu, giữ gìn những giá trị nguyên bản của di tích, cũng như lễ hội từ tên gọi đến thời gian, mục đích tổ chức... và áp dụng quan điểm phát triển du lịch bền vững để khai thác nghi lễ này trong du lịch, bố trí quỹ đất hợp lý sử dụng cho việc tôn tạo, mở rộng và phát triển thương mại - dịch vụ vùng phụ cận các khu di tích, khu du lịch sinh thái, phát huy thế mạnh địa phương.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

Phương án quy hoạch được xây dựng gắn với việc khai thác tiềm năng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn, bảo vệ diện tích đất nông nghiệp còn lại.

Tóm lại: Việc xác định hợp lý cơ cấu sử dụng đất đai trong huyện theo quy hoạch đến năm 2030 là điều kiện cần thiết và quan trọng hàng đầu để huyện Mỹ Xuyên thực hiện tiến trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phần IV

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU KỲ QUY HOẠCH

Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã tiến hành lập “Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện” được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 và đã được huyện triển khai thực hiện.

Phần V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất

1.1.1. Các biện pháp nhằm chống xói mòn, rửa trôi, hủy hoại đất

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp điều kiện đất dốc là điều bắt buộc trong sử dụng đất nông nghiệp. Hạn chế cày, xới bề mặt đất (nhất là trong thời gian mùa mưa), khai thác trắng.

- Kết hợp nông - ngư trong sử dụng đất để có hệ số sử dụng cao nhất và không có thời gian đất trống.

- Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp, mạnh dạn chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp theo công nghệ sinh học và giám sát chặt chẽ việc sử dụng chất thải công nghiệp độc hại trước khi thải ra môi trường chung quanh không ảnh hưởng tới môi trường đất và môi trường sống của nhân dân.

- Sử dụng đất trong các hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.

1.1.2. Các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển các đô thị, trung tâm cụm xã, các khu dân cư nông thôn, cụm, điểm tiêu thụ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ. Đặc biệt lưu ý tăng tỷ lệ đất phi nông nghiệp ở các địa bàn này ngay từ khi lập quy hoạch chi tiết.

- Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thủy lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ...

- Giao đất theo kế hoạch, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời.

1.2. Giải pháp sử dụng đất bền vững trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu

Ứng phó với biến đổi khí hậu là một nhiệm vụ thường xuyên và xuyên suốt trong thời kỳ thực hiện quy hoạch, đòi hỏi sự chung tay phối hợp của không chỉ các ban ngành, các địa phương mà còn ở tầm khu vực, quốc gia.

Xây dựng các công trình thủy lợi như các hồ, đập trữ nước, hệ thống kênh mương để điều tiết nước cho các khu vực thiếu nước.

Để phát triển nông nghiệp trong điều kiện ứng phó với BĐKH, ngành nông nghiệp tỉnh nói chung và huyện Mỹ Xuyên nói riêng đang tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với BĐKH. Chuyển giao các giống cây trồng mới, chế độ canh tác phục vụ sản xuất hàng hóa theo mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, thích ứng với BĐKH. Bố trí hệ thống trồng trọt theo hướng đa dạng hóa cây trồng, kỹ thuật canh tác, gắn thâm canh tăng năng suất với bảo vệ tài nguyên môi trường và kiểm soát rủi ro do tác động tiêu cực của BĐKH. Bên cạnh đó, nhân rộng các mô hình, biện pháp canh tác tiên tiến thích ứng với BĐKH, như: Thực hành nông nghiệp tốt, quản lý cây trồng tổng hợp, kỹ thuật canh tác 3 giảm 3 tăng, nhân rộng hệ thống canh tác lúa cải tiến.

1.3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ tưới tiết kiệm nước, kỹ thuật canh tác nông nghiệp tăng sản và giảm nhẹ khí nhà kính (khí Mêtan). Ứng dụng khoa học và công nghệ sinh học trong lĩnh vực lai ghép, tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, thích ứng với điều kiện khí hậu, thời tiết, thiếu nước ngọt và thổ nhưỡng của địa phương. Sử dụng chất giữ ẩm, vật liệu mới để thu trữ nước. Chú trọng công tác dự báo và phân vùng hạn để chủ động ứng phó và có biện pháp chống hạn hữu hiệu. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất và cung ứng giống chất lượng cao.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, chuyển giao tiến bộ khoa học – công nghệ về tưới tiết kiệm cho nông dân, xây dựng các mô hình điểm để nông dân học tập, tiếp thu và áp dụng.

- Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, xây dựng bản đồ địa chính; những tiến bộ sử dụng đất dốc bảo đảm môi trường sinh thái, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

1.4. Giải pháp bảo vệ môi trường

Để nền kinh tế - xã hội của huyện phát triển một cách bền vững, trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất cần chú trọng đến giải pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường cho người dân, các doanh nghiệp, nhà quản lý thông qua các hình thức như: Phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, thường xuyên tổ chức, tập huấn, hội thảo, thi tìm hiểu về công tác bảo vệ môi trường đến các tầng lớp nhân dân.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển tiểu thủ công nghiệp, phát triển mạng lưới giao thông...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, nghiên cứu và áp dụng phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế, chính sách, đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

- Áp dụng các biện pháp kinh tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm nguyên tắc “người gây ô nhiễm, thiệt hại đối với môi trường phải bồi thường, khắc phục”.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường đất: Hoàn thiện và tổ chức thực hiện quy hoạch bảo vệ tài nguyên đất theo Luật Đất đai năm 2013 và tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm sử dụng đất có hiệu quả cho các đối tượng được Quy hoạch; Thực hiện kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư của các dự án được thuê đất, giao đất, yêu cầu các tổ chức, cá nhân được thuê đất, giao đất thực hiện đúng tiến độ đầu tư đã cam kết trong dự án, kiên quyết thu hồi đất đối với các dự án chậm đầu tư theo đúng Luật Đất đai; Thực hiện kiểm soát sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục quy định của nhà nước (thông qua kiểm tra các điểm đại lý) khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ; Thực hiện thu gom 100% và xử lý 70% rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải y tế; xử lý 100% chất thải nguy hại.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường nước: Hạn chế nguồn thải từ các khu tiểu thủ công nghiệp, chợ, khu dân cư nông thôn, đô thị... vào môi trường nước. Thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, từng bước đưa chúng trở thành các khu sản xuất sinh thái, thân thiện với môi trường. Xây dựng kế hoạch hành động thích ứng với biến đổi khí hậu (bão, lũ, hạn hán... gia tăng), đề xuất các biện pháp phòng chống và giảm thiểu có hiệu quả. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xả thải vào nguồn nước (sông, hồ)

- Giải pháp giảm thiểu gia tăng ô nhiễm môi trường không khí: Tiếp tục rà soát lại tất cả các dự án trong quy hoạch các khu (cụm) công nghiệp được tỉnh phê duyệt, loại bỏ các dự án đã có trong quy hoạch không hiệu quả (về kinh tế, xã hội và môi trường); Ưu tiên nhóm sản xuất sạch hơn, giảm thiểu tiêu hao nhiên liệu và nguyên liệu, ít chất thải; Thực hiện quy hoạch gắn liền với *sử dụng năng lượng tái tạo* (trong điều kiện cụ thể của Sóc Trăng là năng lượng mặt trời, bioga) trong nhân dân, ở các cơ sở dịch vụ, y tế, giáo dục và tiểu thủ công nghiệp; Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các phương tiện vận chuyển trên các tuyến đường liên tỉnh,

liên huyện; các cơ sở cung cấp xăng dầu trên địa bàn huyện; Quản lý việc đốt phế thải (rom) sau mùa thu hoạch.

- Giảm thiểu suy giảm đa dạng sinh học: Kiểm soát chặt chẽ giống cây trồng, vật nuôi sử dụng cho nông nghiệp, ngăn chặn không cho sử dụng giống ngoại lai không rõ nguồn gốc; Chăn nuôi: Dần thay thế các hóa chất sử dụng trong công nghệ và bảo vệ thực vật bằng các chất dễ phân hủy (phân hữu cơ); Giữ vững và nâng cao chất lượng diện tích rừng; Giữ diện tích đất trồng lúa còn lại, duy trì một số loại cây bản địa có chất lượng cao.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Nguồn lực về con người:

+ Về phía huyện, cần thực hiện tốt công tác lập quy hoạch làm cơ sở cho các nhà đầu tư lựa chọn và thực hiện đầu tư dự án. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao, y tế, giáo dục.

+ Tập trung nguồn lực để xây dựng, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý đất đai như: Đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lập, điều chỉnh quy hoạch kế hoạch sử dụng đất...

+ Đẩy mạnh nâng cao trình độ chuyên môn, nhận thức của các cán bộ cấp xã, cấp huyện trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo đúng quy định và thời gian.

+ Cần tính toán các phương án đầu tư thu hồi, giải phóng mặt bằng để phát triển các khu, cụm công nghiệp và các dự án khác trên địa bàn, khuyến khích các nhà đầu tư tự thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người dân trước khi triển khai thực hiện dự án.

- Nguồn lực về tài chính:

+ Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư công. Tăng cường huy động vốn ngoài ngân sách, nhất là các nguồn vốn của doanh nghiệp, vốn vay, viện trợ,... để thực hiện các dự án đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhất là các dự án đầu tư cho các cơ sở hạ tầng như: Giao thông, thủy lợi, xây dựng cơ bản, trường học, y tế... cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút các doanh nghiệp đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các dự án sử dụng công nghệ cao.

+ Nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI, NGO): Thiết lập các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, dự án phát triển xã hội hướng tới người nghèo, người dân tộc để thu hút nguồn vốn ODA, NGO. Đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực để thu hút nguồn vốn FDI đầu tư vào địa bàn.

III. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.

3.1. Giải pháp bảo đảm quyền có việc làm của các hộ nông dân bị thu hồi đất phục vụ việc phát triển kinh tế, xã hội

- Xây dựng và triển khai một chương trình về đào tạo nghề cho những người thuộc diện thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện chiến lược phát triển nông thôn mới. Đây là giải pháp có tính cấp bách cần được triển khai thống nhất từ huyện, xã, để tránh trường hợp người dân sau khi nhận tiền đền bù đất phải lâm vào tình trạng thất nghiệp và không có thu nhập, từ đó phát sinh nhiều tệ nạn xã hội. Các giải pháp cụ thể gồm:

+ Tiếp tục đào tạo nghề theo các chương trình khuyến nông, khuyến ngư. Đây là hình thức đào tạo đã khá ổn định. Cần tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia và nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Liên kết cơ sở đào tạo, cơ sở cung ứng lao động và cơ sở tuyển dụng lao động để đào tạo nghề. Đây là giải pháp có tính xã hội hóa, nhằm hướng vào những người lao động và doanh nghiệp.

- Hạn chế số hộ nông dân bị thu hồi đất để điều tiết tình trạng biến động về lao động ở nông thôn. Duy trì và tăng diện tích đất cho nông nghiệp và cần phải khai hoang những diện tích đất hiện không được sử dụng hoặc sử dụng không hết công suất.

- Giao đất nông nghiệp cho nông dân quản lý: Cần đề ra các chính sách về giao đất nông nghiệp cho người dân quản lý để trồng trọt hoặc chăn nuôi gia súc tùy theo khả năng của đất và nhu cầu về các sản phẩm của thị trường nội địa và xuất khẩu.

3.2. Giải pháp về công tác quản lý

- Tiếp tục rà soát và thực hiện đồng bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Công bố công khai theo quy định toàn bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị thị trấn, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt, để nhân dân đóng góp ý kiến làm cơ sở cho việc tiếp thu, kịp thời điều chỉnh những bất cập và tranh thủ sự giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện.

- Hoàn thành và triển khai điều chỉnh hiệu quả quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, giao đất cho các nhà đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch.

- Thường xuyên kiểm tra và kiên quyết thu hồi đất đối với các trường hợp được giao đất nhưng không đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, đặc biệt là hạn chế việc sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác đảm bảo diện tích cho an ninh lương thực trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính đẩy nhanh tiến độ giải quyết các hồ sơ giao dịch về đất đúng thời gian quy định. Xây dựng hệ thống cơ sở thông tin dữ liệu về đất đai, chuẩn hóa cán bộ địa chính từ cơ sở đến cấp huyện.

- Phối hợp tiếp tục khảo sát, xác định vị trí các điểm mỏ khai thác vật liệu xây dựng thông thường để bổ sung vào quy hoạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong dân sinh và trong xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác thành tra, kiểm tra, giám sát trong hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, kiên quyết xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về Luật Khoáng sản.

- Chủ động phòng ngừa sự cố môi trường, hạn chế tối đa, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường không khí và môi trường đất, nước. Phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhất là các khu chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cụm công nghiệp, đảm bảo 100% cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ đều phải lập đầy đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, chú trọng đầu tư, khuyến khích phát triển dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải ở đô thị và nông thôn. Quan tâm cải thiện môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho nhân dân, nhất là khu vực đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng thiếu nước trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cảnh báo phòng chống thiên tai, hạn chế tối đa tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiệt hại về người và tài sản.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, quy hoạch, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải dựa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, rừng

phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt, tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý đất đai.

- Giải pháp để đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả của phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như xác định cụ thể quỹ đất có vị trí lợi thế để giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá cho mục đích thương mại nhằm tăng nguồn thu ngân sách, việc tăng chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cần phải có giải pháp khai thác quỹ đất liền kề để điều tiết chênh lệch giá đất do Nhà nước đầu tư.

- Thực hiện nghiêm túc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch và pháp luật. Lấy quy hoạch làm căn cứ để kế hoạch hóa việc sử dụng đất của các cấp, các ngành... Các nhu cầu sử dụng đất chỉ được giải quyết theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tại Luật Đất đai hiện hành.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Các cấp, các ngành trong quá trình quản lý và sử dụng phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Đất đai và các quy định của Nhà nước.

- Khi có biến động lớn về nhu cầu sử dụng đất thì phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất,...

3.3. Giải pháp về huy động vốn và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư

- Nguồn vốn ngân sách Nhà nước: là nguồn vốn quan trọng, quyết định những công trình có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội theo phương hướng, mục tiêu đề ra. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước bao gồm vốn của huyện, tỉnh và trung ương để thực hiện đầu tư phát triển. Nguồn vốn này phải được ưu tiên sử dụng cho các công trình hạ tầng quan trọng, các công trình trọng điểm về giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước, hạ tầng các cụm công nghiệp, các công trình phúc lợi xã hội như y tế, văn hóa, giáo dục,... và các dự án thuộc các nhóm ngành công nghiệp, thương mại đòi hỏi vốn đầu tư lớn, khó thu hồi vốn hoặc có thời gian thu hồi vốn kéo dài, nhóm ngành có khả năng ảnh hưởng, tác động lan tỏa đến các ngành khác.

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng công trình, kịp thời phát hiện và có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm về tiến độ thực hiện và chất lượng công trình.

- Nguồn xã hội hóa (vốn tín dụng, vốn doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, vốn nhân rỗi trong dân: nguồn vốn này được huy động thông qua hai kênh, gồm trực tiếp và gián tiếp:

+ Đối với kênh trực tiếp: Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ gia đình mở rộng, nâng cấp và thành lập các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Định hướng và có các biện pháp hỗ trợ người dân trong quá trình lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường, nguồn nhân lực và hỗ trợ tín dụng cho người dân. Tăng cường và tạo điều kiện huy động vốn thông qua các hình thức hợp tác công - tư (PPP), trong đó đặc biệt là trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế - chăm sóc sức khỏe,...

+ Đối với kênh gián tiếp: Thông qua các kênh tài chính, tín dụng trên địa bàn để huy động nguồn vốn nhân rỗi trong dân và thực hiện đầu tư thông qua kênh tín dụng cho các doanh nghiệp, hộ gia đình vay đầu tư trên địa bàn. Tích cực huy động nguồn vốn trong dân tham gia phát triển các dự án tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ,...

Kiến nghị với tỉnh thực hiện giảm giá thuê đất hoặc hỗ trợ xây dựng các cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, nhà xưởng, kho hàng của các doanh nghiệp và cụ thể hóa chương trình lấy quỹ đất đổi kết cấu hạ tầng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư có nguyện vọng đầu tư phát triển trên địa bàn.

- Nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA, FDI, NGO): Thiết lập các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, dự án phát triển xã hội hướng tới người nghèo, người dân tộc để thu hút nguồn vốn ODA, NGO. Đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực để thu hút nguồn vốn FDI đầu tư vào địa bàn.

Đề nghị cấp trên tăng cường đầu tư để hoàn thành các công trình kết cấu hạ tầng có quy mô lớn; tăng tỷ lệ hỗ trợ bằng nguồn vốn đầu tư có mục tiêu của tỉnh. Thực hiện đơn giản hóa thủ tục cấp phép đầu tư; có chính sách giảm giá thuê đất, ưu đãi về thuế, phí nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trong thu hút các nguồn vốn đầu tư.

Về phía huyện, cần thực hiện tốt công tác lập quy hoạch làm cơ sở cho các nhà đầu tư lựa chọn và thực hiện đầu tư dự án. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao, y tế, giáo dục.

3.4. Giải pháp về cơ chế chính sách

3.4.1. Chính sách về đất đai

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của Trung ương, của tỉnh phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.

- Có chính sách cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất nông nghiệp, ngư nghiệp nhằm tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xác định vị trí quy hoạch sử dụng đất trong hệ thống quy hoạch (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, các quy hoạch ngành và lĩnh vực) để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và bố trí sử dụng hợp lý quỹ đất trên phạm vi toàn huyện, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh. Kiên quyết thu hồi đất đối với những dự án đã được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, sử dụng sai mục đích được giao, được thuê, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng mua bán, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Phát huy tốt vai trò của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong quản lý tài nguyên đất đai.

- Cần có chính sách tạo nguồn về tài chính để các chủ thể thực hiện đúng tiến độ các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Có chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại, điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển.

3.4.2. Những chính sách nhằm bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp

- Trên cơ sở chỉ tiêu phân khai về đất lúa của tỉnh, xác định diện tích đất lúa cần giữ trên địa bàn, đặc biệt là đất 2 vụ lúa trở lên, và lập bản đồ sử dụng đất lúa đến cấp xã và hộ sử dụng.

- Trên cơ sở tỉnh đã phê duyệt diện tích đất lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt thì việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đòi hỏi phải có chế tài mạnh, được kiểm soát chặt chẽ, phải làm đúng theo Luật Đất đai.

- Khuyến khích nông dân giữ đất lúa với những chính sách như: hỗ trợ về giá, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khác, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người sản xuất lúa đảm bảo người được giao đất lúa phải sống được bằng nghề trồng lúa có lãi 30% giá thành.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đội ngũ quản lý khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh lương thực các cấp.

- Tiếp tục hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất lương thực theo hướng liên kết nông hộ để hình thành các tổ chức hợp tác, hợp tác xã theo địa bàn hoặc sản phẩm, tạo điều kiện gắn sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ, phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp sản xuất lương thực, nông dân góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất để tham gia doanh nghiệp, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ nông nghiệp.

- Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Chính sách hỗ trợ, bồi thường thỏa đáng để có thể khai hoang, tăng vụ bù sản lượng do mất đất trồng lúa.

- Chính sách bảo vệ và phát triển rừng: Ưu tiên giao đất, giao khoán rừng phòng hộ cho các cộng đồng, hợp tác xã, hộ gia đình để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt, tăng ngân sách đầu tư của Nhà nước cho quản lý bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

3.4.3. Những chính sách nhằm tiết kiệm sử dụng đất

- Chính sách về tận dụng không gian trong quy hoạch xây dựng công nghiệp và đô thị trong các khu vực tập trung dân cư.

- Chính sách đầu tư đồng bộ giữa giao thông và thủy lợi bố trí với việc kết hợp các tuyến dân cư để tiết kiệm đất.

- Chính sách phát triển các điểm dân cư nông thôn theo hướng đô thị hoá tại chỗ, tránh tình trạng tập trung dân cư vào các đô thị.

3.4.4. Chính sách sử dụng hợp lý các loại đất mang tính chất đặc thù

- Chính sách ưu tiên dành đất cho những nhu cầu đặc biệt có tính bắt buộc về an ninh, quốc phòng.

- Chính sách quản lý bảo vệ nghiêm ngặt rừng đầu nguồn phòng hộ và rừng đặc dụng.

- Chính sách khuyến khích sử dụng tiết kiệm diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa bằng cách quy tập và quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa.

- Chính sách chuyển các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp.

3.4.5. Chính sách về ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và duy trì cải thiện môi trường trong việc khai thác sử dụng đất đai

- Chính sách khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển nông nghiệp.

- Chính sách ưu tiên để đón trước các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ bản (cơ sở hạ tầng, công nghiệp, đô thị).

- Chính sách xử phạt những hành vi gây tổn hại đến đất đai, môi trường.

3.5. Giải pháp về tổ chức thực hiện.

- Để mục tiêu của phương án quy hoạch sử dụng đất thực hiện đạt hiệu quả cao, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND các cấp, các ngành của huyện Mỹ Xuyên cần có sự thống nhất cao để thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch đã đề ra. Thành lập ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện phương án quy hoạch do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm trưởng ban và các thành viên là các đồng chí phụ trách từng ngành trong huyện, phối hợp và quản lý chặt chẽ các công trình khi triển khai thực hiện.

- Công khai phương án quy hoạch đã được xây dựng, để tất cả mọi tầng lớp nhân dân hiểu rõ các mục tiêu phương án quy hoạch xây dựng, từ đó thực hiện các chương trình, các dự án được tốt hơn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, kịp thời ngăn chặn việc sử dụng đất không đúng mục đích quy hoạch. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng dựa trên cơ sở các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của huyện; chỉ tiêu phân bổ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021-2025) của tỉnh Sóc Trăng và nhu cầu sử dụng đất của các lĩnh vực thông qua các quy hoạch, điều chỉnh các quy hoạch ngành đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030.

Để đảm bảo cho quá trình phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên khả năng cung cấp đủ nhu cầu lương thực, thực phẩm cho địa bàn một số khu vực phụ cận.

2. Kết quả của phương án quy hoạch cho thấy đến năm 2030 tổng diện tích tự nhiên của huyện là 37.314,08 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp có 31.190,73 ha , giảm 1.334,52 ha với năm 2020.

- Đất phi nông nghiệp có 6.123,35 ha , tăng 1.334,52 ha so với năm 2020.

3. Kết quả của phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được tổng hợp, xử lý toàn bộ các thông tin, tư liệu, số liệu có liên quan về đất đai các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh và địa phương... trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai. Đảm bảo được tính thực tiễn và có tính khả thi, phù hợp với nguồn lực đầu tư của huyện cũng như khả năng thu hút vốn đầu tư.

4. Đất dành cho phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ được tính toán có tính khả thi. Trong đó sẽ hình thành các cụm công nghiệp tập trung, có vị trí thuận lợi, cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu mặt bằng sản xuất cho các nhà đầu tư. Các trung tâm thương mại - dịch vụ, các khu du lịch được phát triển với nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, phục vụ đắc lực cho các hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng của người dân.

5. Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc kỹ cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực và mục tiêu đô thị hoá. Xây dựng các khu vực đô thị thành các điểm nhân của vùng và có sức ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá nông thôn ở các khu vực lân cận.

6. Đất dành cho công nghiệp, du lịch, dịch vụ thương mại được tính theo phương án có tính khả thi. Trong đó sẽ hình thành cụm có quy mô tập trung, các khu thương mại - dịch vụ vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao. Các trung tâm dịch vụ, các khu du lịch được phát triển với nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn, phục vụ đắc lực cho các hoạt động dịch vụ, du lịch cũng như nhu cầu vui chơi, giải trí ngày càng tăng của người dân.

7. Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thủy lợi, đất quốc phòng an ninh, nghĩa trang, nghĩa địa... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

II. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND huyện Mỹ Xuyên kiến nghị:

- UBND tỉnh Sóc Trăng quan tâm tạo điều kiện về mọi mặt (về cơ chế, chính sách, về vốn đầu tư,...) cho huyện, đặc biệt là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, xây dựng nông thôn mới, hạ tầng phát triển các cụm công nghiệp, cơ sở thương mại – dịch vụ trên địa bàn, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

- Các Sở, Ngành của tỉnh căn cứ vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện, hỗ trợ UBND huyện thực hiện trong phạm vi chức năng quyền hạn của ngành mình./.